diễn đàn

Số 22 / 1.9.1993 ISSN 1164 - 2378

F O R U M

# mục lục

2. Bạn đọc và Diễn Đàn

**Thời sự**

1. Tín dụng quốc tế , guồng máy nhà nước và chân kiềng thứ ba .....Hải Vân
4. Tin Việt Nam
10. Thư Việt Nam.....Hà Thành
11. Quan hệ chính quyền - giáo hội Phật giáo : Một tình hình đáng quan ngại.....Phong Quang
12. Trận chiến đồng frăng : hồi thứ nhì.....Bùi Mộng Hùng
14. Khi thị trường trở thành toàn cầu hoá..Bùi Mộng Hùng

**Văn hoá - Nghệ thuật**

17. Trở lại chữ nghĩa.....Robert Kramer
20. Những mấy ngàn dâu.....Đặng Tiến
22. *Gió đại*, chữ nghĩa và văn chương.....Trần Đạo
23. *Cái chết sau quá khứ*, một nỗi ám ảnh của hôm qua.....Trần Đạo
25. Vĩnh biệt hoạ sĩ Nguyễn Gia Trí.....Trịnh Cung
Thơ.....Nguyễn Duy, Nguyễn Đức Sơn
26. Phỏng vấn nhà toán học Nguyễn Quang Đỗ Thống : Từ Pierre de Fermat đến Andrew Wiles.....Nguyễn Ngọc Giao
29. Những phức tạp trong cõi trung mô (II).....Hàn Thuỷ
32. Con trộm (truyện ngắn).....Phan Thị Vàng Anh

**Sau quyết định ngày 2.7 của tổng thống Clinton**

# tín dụng quốc tế, guồng máy nhà nước và chân kiềng thứ ba

**Hải Vân**

Ngày 14.9 sắp đến, tổng thống Bill Clinton sẽ bỏ lệnh cấm vận thương mại đối với Việt Nam hay sẽ một lần nữa viện có vấn đề quân nhân Mỹ mất tích ở Việt Nam để gia hạn lệnh này thêm một thời gian ? Nếu khả năng đầu sẽ xảy ra, thì lệnh cấm vận sẽ được bãi bỏ hoàn toàn hay từng phần ?

Có thể Nhà Trắng đang do dự về thời điểm đưa ra quyết định có tính biểu tượng này trong lộ trình bình thường hoá quan hệ Mỹ - Việt. Nhưng về thực chất vấn đề đã được Bill Clinton giải quyết ngày 2.7 vừa qua, khi ông tuyên bố Hoa Kỳ *" ngưng chống đối các nỗ lực của những nước khác nhằm thanh toán các món nợ của Việt Nam tại Quỹ tiền tệ quốc tế "*. Hoa Kỳ, nói cách khác, sẽ không phủ quyết quyết định của Quỹ bình thường hoá quan hệ với Việt Nam, và điều đó được mọi người cùng hiểu là con đường đưa Việt Nam tiếp cận với tín dụng quốc tế, từ nay, không còn trở ngại chính trị nào nữa.

Tuyên bố ngày 2.7 này đặt chính quyền Clinton dưới áp lực, mạnh hơn lúc nào hết, của giới doanh nhân Mỹ đang chịu thiệt thòi do việc kéo dài lệnh cấm vận gây ra. Một doanh nhân Mỹ đã tuyên bố *" Chúng tôi đang thua thiệt. Vấn đề còn lại chỉ là xem ai bị thua thiệt đến đâu mà thôi "*. Cũng có thể đây là sách lược của Bill Clinton nhằm tạo trong dư luận Mỹ một sức ép đủ mạnh để làm hậu thuẫn cho phép ông huỷ bỏ lệnh cấm vận đã hoàn toàn lỗi thời.

Dù sao, tại Việt Nam, trong chính quyền cũng như trong dân, đã bắt đầu cuộc chạy đua để hứng nhận những đôla đầu tiên mà các định chế tài chính quốc tế có thể rót vào nước ta từ đầu năm 1994. Theo các nguồn tin từ Hà Nội và các giới tài chính quốc tế, trong hai năm 94 và 95, Việt Nam có khả năng vay từ 1 tỷ đến 1,5 tỷ đôla, dựa vào các dự án đã hoạch định cùng với Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB) và Ngân hàng phát triển châu Á (ADB).

(xem tiếp trang 9)

# Bạn đọc & diễn đàn

## Đôi điều về LÁ DIÊU BÔNG của Hoàng Cầm

Tôi không phải là độc giả thường xuyên của báo. Nhưng vừa rồi, nhân đọc *Diễn Đàn* Xuân Quý Dậu số 16 (tháng 2.1993) của một anh bạn, tôi nhận thấy lời thơ *Lá Diêu Bông* của Hoàng Cầm do Hoàng Phong phổ nhạc có những chỗ chưa đúng.

Tôi có nguyên một đoạn băng hình thu Hoàng Cầm nói về bài thơ *Lá Diêu Bông*. Nguyên là hồi Tết 1992, trong dịp về nước thăm gia đình, tôi và các bạn bè có tổ chức một buổi đi chơi vào ngày mồng 5 tết. Bên bờ hồ Quảng Bá hôm đó, dưới gốc cây vối, nhà thơ Hoàng Cầm đã kể lại tỉ mỉ nguồn gốc và quá trình sáng tác *Lá Diêu Bông*. Ngoài ra, ông còn giới thiệu toàn bộ 4 bài *Cây Lá Quả Cỏ* của ông (*Cây tam cúc, Lá diêu bông, Quả vườn ổi* và *Cỏ bồng thi*). Ông còn giới thiệu với chúng tôi khoảng 10 bài mới sáng tác (chưa công bố vào thời điểm ấy), trong đó có bài *Bao giờ nói hết chuyện diêu bông*, còn gọi là *Hậu diêu bông*.

Riêng về bài *Lá Diêu bông*, nhà thơ ngỏ ý muốn cho bạn đọc ở nước ngoài nghe được chính xác từng câu chữ. Bởi vậy, tôi xin ghi lại theo băng những chỗ không đúng với nguyên tác (ở đây tôi chỉ nêu những chỗ sai, có thể sửa được, chứ không kể tới những chỗ nhạc sĩ buộc phải thay đổi cho phù hợp với âm điệu bài nhạc) :

1) Nguyên văn : " *Từ nay **ta** gọi là chồng* ". Nhà thơ kể ông còn nhớ nguyên văn từng câu khi hồi đó ông hỏi " *Chị Vinh ơi, chị tìm cái gì thế* ? ". Không nên để là " *Tao gọi làm chồng* " như đã in.

2) Nguyên văn " ***Hai** ngày, em tìm thấy lá* ", chú không phải " *Ba ngày...* " như đã in.

3) Nguyên văn " *Chị lắc đầu, trông nắng **vãn** bên sông* ". ***Vãn bên** sông*, chú không phải ***vẫn ven** sông* như đã in. *Vãn* là chữ đúng, và tuyệt hay.

4) Nguyên văn " *Đi đầu non **cuối** bể* ", chú không phải " *...**bốn** bể* " như đã in.

Nếu *Diễn Đàn* đồng ý, tôi sẽ gửi một bài viết về xuất xứ và quá trình sáng tác, cùng nguyên văn bài *Lá diêu bông*, theo lời kể ghi băng hồi Tết 1992 của chính nhà thơ Hoàng Cầm.

Một độc giả (*Berlin*, Đức)

[*Xin cảm ơn chứng từ của anh và rất mong đợi bài viết ấy. Cũng xin anh gửi cho nguyên bản bài thơ ghi theo cuộn băng. Chúng tôi sẽ so sánh với một bản sao ảnh thủ bút Hoàng Cầm, và nếu có gì khác biệt, sẽ phỏng vấn nhà thơ trước khi cung cấp cho độc giả văn bản chân thực.*

*Riêng điểm 1), bản phổ nhạc viết là* " Từ nay tao xin nhận làm chồng ", nhận *chứ không phải* gọi. *Mong anh rà lại với bản ghi âm do tác giả đọc theo trí nhớ*].

## Rất vui mừng được gặp lại các anh chị ê kíp Đoàn Kết mười năm trước đây

Đối với chúng tôi, những người Việt đang sống tại Đông Âu, Diễn Đàn thực sự là món ăn tinh thần quý giá, không những vì những thông tin kịp thời về chính trị – thời sự mà còn cho chúng tôi những phút thư giãn tinh thần qua các trang văn học nghệ thuật. Một số bài báo hay của Diễn Đàn đã được chúng tôi gửi về Việt Nam. Chúng tôi hy vọng đến một ngày mà Diễn Đàn sẽ được hiện diện công khai ở quê nhà

Nhận được Diễn Đàn hàng tháng, chúng tôi đọc đầu tiên mục Tin Tức Thời Sự, kế đó là các bài bình luận. Tác giả mà tôi thích nhất là Bùi Mộng Hùng vì phần lớn các bài báo của ông viết đều hay và súc tích. Phần văn học nghệ thuật tôi cho là cân đối với khuôn khổ của tờ báo, nhưng có đề nghị là nếu có thể được toà soạn nên dành thêm " đất " cho các bài thơ hay. Ngoài ra cũng nên dành chỗ cho các bài về sinh hoạt cộng đồng tại Pháp. Ngoài ra, tôi tán thành những ý kiến của bạn TBN (Choisy le Roi) ở số 21/93 về việc Diễn Đàn nên gắn chặt hơn với những hoạt động thực tiễn cho Việt Nam.

Cách đây gần 10 năm (từ tháng 10.83 đến 4.84), tôi có may mắn được đặt chân đến Paris hoa lệ và một trong những kỷ niệm khó quên được là được đọc tờ Đoàn Kết, nay rất vui mừng được gặp lại một số anh chị trong ê kíp đó nay lại tiếp tục dành dụm thời gian eo hẹp của mình cho Diễn Đàn với thiện ý vì một Việt Nam dân chủ và phát triển...

N.H. (Tiệp)

## Tôi muốn Diễn Đàn trở thành người bạn tinh thần

Tôi là sinh viên năm thứ hai trường Đại học tổng hợp W.... Nhân dịp nghỉ hè tôi có đến thăm một người bạn đồng hương và được đọc báo Diễn Đàn. Tôi không ngờ Diễn Đàn lại thu hút tôi một cách kỳ lạ, không ngờ ở nước ngoài lại có một tạp


CENTRE CULTUREL
FRANCO-VIETNAMIEN
*Trung tâm Văn hoá Pháp-Việt*
24, rue des ecoles, paris 5è
43 29 60 89 Métro Maubert mutualité

EXPOSITION
**SƠN TRÚC**
TRIỂN LÃM

du **18 septembre** au **30 octobre 1993**
chaque jour de 10 h à 19 h (*fermé le dimanche*)
từ **18.9** đến **30.10.1993**

chí hấp dẫn đến thế ! Không những về chất lượng in ấn mà cả về nội dung đều rất tốt. Tôi rất thích thơ, thơ trong Diễn Đàn tuy rất ít so với những thể loại khác nhưng rất chọn lọc với những bài thơ của những nhà thơ nổi tiếng. Phần bình luận, thời sự đưa những tin rất khách quan về tình hình Việt Nam và quốc tế... Thực lòng Diễn Đàn lôi cuốn tôi đến một cách kỳ lạ và tôi muốn Diễn Đàn trở thành người bạn tinh thần của tôi.

T.H.V. (Ba Lan)

## Diễn Đàn và bạn đọc Đông Âu...

Chủ trương của Diễn Đàn rất được nhiều người Việt tại Tiệp ủng hộ, nhất là những bạn trẻ. Đất nước quê hương chúng ta đau khổ và đã tốn nhiều xương máu cho độc lập ngày hôm nay mà không có tự do. Nên đấu tranh dân chủ, tự do, quyền con người mà Diễn Đàn mà Diễn Đàn chủ trương bằng đấu tranh bất bạo động, bằng tự do ngôn luận là con đường đúng với xu thế của thời đại ngày nay.

L.Q (Jigin, Tiệp)

## Đính chính

Trong bài thơ *Vết thơ trần thế* (Diễn Đàn số 21 1.7.93, tr.23) trong câu 2 xin đọc " *đem **tim*** " thay vì " *đem tin* " , và câu 11 : " ***tàn** thông* " thay vì " *tàu thông* ".

Diễn Đàn xin cáo lỗi cùng bạn đọc và tác giả Nguyễn Chí Trung.

**Diễn Đàn**

## Cùng bạn đọc

Số 22 đang ở trong tay bạn đọc là số cuối năm thứ nhì. Số sau là số đặc biệt tăng lên 48 trang, đánh dấu đầu năm thứ ba của Diễn Đàn. Báo sống được hoàn toàn nhờ sự ủng hộ bằng cách mua và giới thiệu báo cho bạn bè. Chính bạn đọc đã bảo đảm cho sự tồn tại của tờ báo trong suốt hai năm qua.

Hai năm, Diễn Đàn làm nhịp cầu đối thoại trên những vấn đề căn bản của đất nước, vì dân chủ và phát triển.

Diễn Đàn tồn tại chỉ để tồn tại thôi không đủ. Nếu sự có mặt của Diễn Đàn là bổ ích, thì tờ báo phải đi tới, được thêm nhiều độc giả ngoài nước và trong nước, được thêm nhiều tiếng nói khác nhau tham dự. Cuối năm thứ hai bước sang năm thứ ba, sự ủng hộ của các bạn cần thiết hơn bao giờ hết cho lẽ sống và cho tờ báo tiếp tục bước tới.

Chúng tôi hoan nghênh sự giúp đỡ của bạn đọc dưới hai hình thức :

– mua tặng hay giới thiệu Diễn Đàn cho bằng hữu

– ủng hộ tài chính để báo có quỹ gửi tặng cho bạn đọc ở Việt Nam và những nước Đông Âu không có điều kiện trả tiền mua báo.

Và cũng xin nhắc các bạn đừng quên gia hạn mua báo năm thứ ba. Về phần mình ban chủ trương Diễn Đàn cũng " kết ước " với bạn đọc : tiếp tục đóng góp, bằng ngòi bút và việc làm, vào công cuộc dân chủ hoá và phát triển đất nước Việt Nam

**Diễn Đàn**

## DIỄN ĐÀN FORUM

*Chủ nhiệm*: Hà Dương Tường

*Tổng biên tập* : Trần Hải Hạc

*Ban chủ biên*: Trần Hải Hạc, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường, Lê Văn Cường

*Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý* :

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyên Thắng, Hàn Thuỷ, Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Vân, Hoà Vân


## Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên

.....

Địa chỉ

.....

.....

.....Điện thoại :

.....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếu .....FF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo ( Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc money order) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 Bourg-la-Reine (France).

Riêng bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 dm cho ông Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg hoặc chuyển khoản vào trương mục (Uberweisung) tran (Bank : Stadt & Kreissparkasse, Sulzbach-Rosenberg, Konto : N° 21 09 700 blz 752 517 80)

Tôi có những người bạn chưa biết báo Diễn Đàn. Đề nghị báo gửi tặng một số giới thiệu :

1) Tên họ.....

Địa chỉ.....

.....

.....

2) Tên họ.....

Địa chỉ.....

.....

.....

# Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức

## Tình hình kinh tế – xã hội 6 tháng đầu năm : Lạc quan hay lo ngại ?

Tại kỳ họp quốc hội cuối tháng 6, đầu tháng 7 vừa qua, theo báo **Nhân dân** ngày 9.7.93, một số đại biểu quốc hội đã cho rằng bản báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội của chính phủ *" hơi quá lạc quan "* (**AFP**, 9.7.93). Do phó thủ tướng Phan Văn Khải trình bày, bản báo cáo này nhận định rằng tình hình năm tháng đầu năm 1993, trên đà của năm 1992, *" tiếp tục chuyển biến tốt, nhưng chưa vững chắc, còn những mặt yếu và khó khăn lớn phải khắc phục "*.

Một mặt, sản lượng thóc vụ đông-xuân tuy giảm 6,2 % so với cùng kỳ năm 1992, nhưng vẫn cao hơn các năm trước đó. Sản xuất công nghiệp tăng 10,2 % với nhịp độ phát triển tương đối đều cả trong khu vực tư doanh cũng như quốc doanh. Xuất khẩu tăng 17,5 % so với cùng kỳ năm trước. Nhập khẩu tăng 32 % nhưng kim ngạch vẫn thấp hơn kim ngạch xuất khẩu. Ngân sách tăng thu 45 % so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá bán lẻ tăng bình quân 0,9 % mỗi tháng, so với 2,5 % cùng kỳ năm 1992.

Mặt khác, khi đề cập đến những công việc trong sáu tháng cuối năm, phó thủ tướng Phan Văn Khải đặt ở hàng đầu khó khăn về ngân sách và giá cả. Vấn đề đặt ra cho những tháng sắp tới là đảm bảo tăng chi đồng thời cân đối ngân sách mà không tăng mức thuế và không phát hành tiền, thực hiện mục tiêu đưa chỉ số giá trong cả năm xuống dưới 15 %.

Cũng trong những khó khăn lớn, bản báo cáo của chính phủ nói đến :

– đầu tư cho phát triển còn thấp và chậm ;

– sản xuất nông nghiệp và công nghiệp thiếu vốn và thị trường ;

– tiềm năng kinh tế tư doanh chưa được phát triển, việc cải cách kinh tế quốc doanh và tập thể tiến hành chậm ;

– tình trạng thiếu việc làm gay gắt ;

– cuộc đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu đạt kết quả thấp.

Các đại biểu quốc hội đã nhấn mạnh đến tình trạng tồn đọng hàng hoá. Theo báo **Lao động** (10.6.93), chỉ riêng ở các xí nghiệp quốc doanh, hàng công nghiệp tồn kho trị giá gần 100 tỷ đồng, nặng nhất là thuốc lá, vải các loại, bao tải đay... Mặc dù đều bán hạ giá, các mặt hàng này vẫn không cạnh tranh nổi với hàng nhập lậu.

Trong nông nghiệp, theo báo **Quân đội nhân dân** (13.7.93), riêng ở đồng bằng sông Hồng, sản lượng thóc mùa đông - xuân không tiêu thụ được lên đến mấy trăm ngàn tấn do cung vượt quá cầu trong nước, mà lại không xuất khẩu được do gạo không đủ tiêu chuẩn chất lượng. Trên thị trường, giá một kí thóc đã giảm xuống đến 900 - 1000 đồng vào cuối tháng 6 và còn khả năng tuột nữa. Với mức giá hiện nay, người nông dân trồng lúa không thể thu hồi chi phí sản xuất. Ngoài lúa gạo, rau cải và thịt heo cũng đang gặp khủng hoảng thị trường. Một nguồn thu nhập quan trọng khác của nông dân đồng bằng sông Hồng, tỏi, đã mất đến 75 % giá trên thị trường. Được biết là năm 1992, giá cả nông sản đã giảm 22 %, trong khi hàng công nghiệp mà nông dân mua tăng giá 12 %, dịch vụ tăng 27 %.

Các đại biểu quốc hội còn bày tỏ sự không hài lòng trước xu hướng phát triển các tệ nạn xã hội như ma tuý và mại dâm, và việc giẫm chân tại chỗ của chiến dịch chống tham nhũng, buôn lậu. Trên mười vụ án lớn mà thủ tướng Võ Văn Kiệt cam kết đưa ra toà án trong quí một, đến giữa năm mới có ba vụ (A Quý, Nguyễn Lê Cường, Nguyễn Xuân Tá) được xét xử. Theo bài viết của một cán bộ Ban nội chính Trung ương đảng cộng sản, đăng trên báo **Nhân dân** (19.7.93), tham nhũng *" không giảm mà còn tăng cả về số lượng, về tính chất xảo quyệt "*. Còn buôn lậu, *" cũng không giảm, mà tăng cả số lượng, thủ đoạn, ngày càng xảo quyệt tinh vi "*. Và có sự kết giao giữa tham nhũng và buôn lậu : *" đây là sự kết giao của kẻ cầm quyền và kẻ có tiền "*.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên, nhưng theo lời của chính phó thủ tướng Phan Văn Khải, *" nguyên nhân rõ nhất là trách nhiệm và quyết tâm chưa đầy đủ của các cấp bộ đảng, chính quyền, các cơ quan bảo vệ pháp luật, quản lý thị trường "*. Được biết trong năm 1993, cũng theo báo **Nhân dân**, nạn tham nhũng đã làm thiệt hại khoảng 60 triệu đôla cho nhà nước.

Và, lại một lần nữa, chính phủ đã bị chất vấn về công trình xây dựng đường dây điện 500KW Bắc - Nam. Báo **Nhân dân** ghi nhận *" một sự lo ngại lớn ở nhiều đại biểu quốc hội "* sau khi chi phí dự trù của công trình bị nâng từ 300 triệu lên 500 triệu đôla. Bộ trưởng năng lượng Thái Phụng Nê giải thích rằng đây là một công trình *" vừa thiết kế, vừa thi công "*, và trong tháng 7, hội đồng thẩm định quốc gia *" sẽ họp phiên họp cuối cùng để duyệt thiết kế công trình "*...

Được biết là việc đúc 3428 móng trụ đã hoàn tất và công trình đã đi vào giai đoạn dựng cột và kéo dây, với mục tiêu là đầu tháng 4 năm 1994 đưa điện Hoà Bình vào lưới điện phía Nam. Các người quan sát đều nhấn mạnh rằng thủ tướng Võ Văn Kiệt đã đưa tất cả uy tín cá nhân, nếu không nói là sinh mệnh chính trị của ông, vào quyết định thực hiện đường điện Bắc - Nam. Ngoài những vấn đề kinh tế - kỹ thuật được các chuyên viên nêu ra từ lúc đầu, điều đó giải thích vì sao công trình này tiếp tục gây tranh luận ở mỗi kỳ họp quốc hội.

## Quốc hội giảm 860 tỷ đồng thuế

Khai mạc ngày 16.6, kỳ họp quốc hội vừa qua là kỳ họp dài nhất (29 ngày) và đạt kỷ lục về số đạo luật được thông qua (8 luật), gồm có : luật đất đai ; luật thuế sử dụng đất nông nghiệp ; các luật sửa đổi thuế doanh thu, thuế lợi tức, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu ; luật dầu khí ; luật xuất bản.

Trong tinh thần " khoan sức dân " để phát triển sản xuất, các đại biểu quốc hội đã sửa đổi 5 luật thuế, với những trường hợp giảm thuế suất và những trường hợp tăng nhưng nhìn chung giảm nhiều hơn tăng. Trong nông nghiệp, mức thu thuế giảm bình quân 30 %. Đồng thời, nhà nước bỏ cách tính thuế theo sản lượng và thực hiện tính thuế theo hạng đất căn cứ vào các yếu tố chất đất, vị trí, địa hình, điều kiện khí hậu, điều kiện tưới tiêu. Đất khai hoang phục hoá được miễn thuế nông nghiệp từ 3 đến 7 năm. Đất đồi trọc, vùng cao, miền núi được miễn thuế không thời hạn.

Đối với công nghiệp và thương nghiệp, mức thu thuế lợi tức giảm 5 %. Các doanh nghiệp mới thành lập được miễn thuế lợi tức 2 năm đầu và được giảm 50 % thuế trong 2 năm tiếp theo. Thuế suất doanh thu được hạ xuống 0,5 % đối với các ngành in, xuất bản, dụng cụ giáo dục và y tế.

Tính chung trên cả một năm, ngân sách nhà nước sẽ giảm mất 860 tỷ đồng thuế, gồm 500 tỷ đồng thuế nông nghiệp, 142 tỷ đồng thuế lợi tức, 67 tỷ đồng thuế đoanh thu và 151 tỷ đồng thuế tiêu thụ đặc biệt. Được biết là tổng thu ngân sách nhà nước năm 1993 khoảng 22 000 tỷ đồng. (**Lao động** 8.7 và **Thời báo kinh tế Sài Gòn** 19.8.93)

## Luật đất đai cho nông dân 5 quyền sử dụng đất

Hội trường quốc hội đã chứng kiến cuộc tranh luận sôi nổi nhất khi bàn về dự luật đất đai, với những ý kiến đối lập nhau ở những điều khoản cốt lõi : quyền của nông dân được giao đất, thời hạn giao đất, hạn điền, quỹ đất 5 %. Song cuối cùng, hầu hết các đại biểu đã phải chấp nhận những thoả hiệp của dự thảo đề ra, và luật đất đai sửa đổi đã được thông qua với 356 phiếu thuận, 8 phiếu chống và 6 phiếu trắng.

Đạo luật khẳng định lại đất đai thuộc *" sở hữu của toàn dân do nhà nước thống nhất quản lý "* , đồng thời công nhận cho những người được nhà nước giao đất đầy đủ 5 quyền : chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, thế chấp quyền sử dụng đất.

Thời hạn giao đất là 20 năm đối với đất trồng cây hàng năm, nuôi trồng thuỷ sản, và 50 năm để trồng cây lâu năm. Hạn mức đất trồng cây hàng năm của mỗi hộ gia đình là không quá 3 ha và sẽ do chính phủ qui định theo từng địa phương. Chính phủ sẽ có những qui định về thuế đối với phần đất vượt qua hạn mức trên. Mỗi xã được giữ lại một diện tích không quá 5 % đất nông nghiệp để phục vụ cho các nhu cầu công ích của địa phương.

Với tất cả những hạn chế của nó, đạo luật đất đai mới chính thức khai tử chế độ tập thể hoá nông thôn mà đảng cộng sản Việt Nam đã bắt đầu từ bỏ từ năm 1988. Tại hội nghị trung ương đảng dành cho các vấn đề nông nghiệp và nông thôn tháng 6 vừa qua, tổng bí thư Đỗ Mười đã cho rằng *" lôgíc thị trường cần xâm nhập nông thôn "* (**AFP** 16.8.93)

## Chuyến đi thăm Tây Âu của thủ tướng Võ Văn Kiệt : Viện trợ và nhân quyền

Sau chuyến đi thăm Tây Âu, cuối tháng 6, đầu tháng 7 vừa qua, thủ tướng Võ Văn Kiệt đánh giá kết quả *" rất thuận lợi "* cho những mối quan hệ hợp tác mà, theo ông, sẽ *" rất nhộn nhịp"* trong thời gian tới. Ông Kiệt đã nêu lên ba nhân tố : *" Một là do tình hình Việt Nam trong thời gian qua và cho đến nay đang trong chiều hướng ổn định và phát triển. Hai là lệnh cấm vận của Mỹ đối với Việt Nam đang có dấu hiệu được giải quyết. Thứ ba, các nước châu Âu đang hướng sự quan tâm và đầu tư vào châu Á. So với những khu vực khác như Đông Âu, Liên Xô cũ, châu Phi... thì châu Á là nơi có những điều kiện đầu tư tốt hơn. Họ đang hướng mạnh về châu Á, trong đó đặc biệt là Việt Nam "*.

Trước mắt, chính phủ Pháp đã dành cho Việt Nam khoảng viện trợ trị giá 360 triệu frăng (trong đó có 100 triệu frăng viện trợ không hoàn lại). chính phủ Đức : 50 triệu mác. Chính phủ Bỉ : 10 triệu đôla Mỹ. Chính phủ Anh : 25 triệu đôla Mỹ.

Đối với Cộng đồng châu Âu, một hiệp định khung về hợp tác thương mại, kinh tế, khoa học và kỹ thuật sẽ được ký kết trước cuối năm nay, kèm theo những điều khoản về tôn trọng nhân quyền và dân chủ. Vừa qua uỷ viên, đối ngoại của Cộng đồng châu Âu, ông Hans van Den Broek, đã bày tỏ ý muốn *" tăng cường việc đối thoại chính trị "* với Việt Nam.

Được hỏi về những vấn đề dân chủ và dân quyền đề cập trong các cuộc hội đàm ở Tây Âu vừa rồi, ông Võ Văn Kiệt đã né tránh trả lời : *" Vấn đề không đặt ra trong các cuộc hội đàm cấp thủ tướng "*. Song, ông đồng thời cho rằng *" việc đối thoại về dân chủ, nhân quyền đối với bên ngoài còn ít quá. Đó là điểm yếu nhất của chúng ta "*. (**AFP** 11 và 14.7.93 ; **Tuổi Trẻ** 15.7.93)

## Thu nhập đầu người Việt Nam : hơn 1000 đôla

Trong hai năm trở đại đây, Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) đã đưa ra một cách tính tổng sản phẩm trong nước (GDP) theo phương thức sức mua tương đồng thay vì dựa vào hối suất thị trường (xem **Diễn Đàn** số tháng 7.93). Cách tính mới này đảo lộn thứ bậc giữa các nền kinh tế trên thế giới. Tỷ trọng của các nước công nghiệp hoá trong tổng sản phẩm toàn cầu giảm đi từ 73 % xuống còn 54 %. Trong khi đó, tỷ trọng của các nước kém phát triển tăng từ 18 % lên 34 %.

Theo báo **Asiaweek**, với cách tính mới, GDP của Việt Nam đạt đến 73,4 tỷ đôla, thay vì 14 tỷ đôla với cách tính cũ, đứng hàng thứ 46 trong thứ bậc các nền kinh tế lớn nhất thế giới, trên một số nước như Na Uy, Chi Lê, Irắc hay Rumani. Như vậy, thu nhập bình quân đầu người hàng năm của Việt Nam vào khoảng 1023 đôla, so với cách tính cũ chỉ là 220 đôla (**Tuổi Trẻ chủ nhật** 18.7.93)

## Thành lập thị trường tiền tệ

Đầu tháng 7 vừa qua, Ngân hàng nhà nước Việt Nam đã ban hành quy chế thành lập thị trường liên ngân hàng, một thị trường tiền tệ mở cho mọi ngân hàng, kể cả những ngân hàng nước ngoài, hoạt động tại Việt Nam. Nhóm phiên họp đầu tiên ngày 23.7, thị trường này, bước đầu chỉ giao dịch bằng tiền đồng Việt Nam.

Tại thị trường liên ngân hàng, sẽ thực hiện hai loại cho vay : vay vốn để bù đắp khoản thiếu hụt trong thanh toán bù

trừ, và vay vốn để mở rộng tín dụng ngắn hạn. Ngân hàng nhà nước cho vay theo lãi suất do thống đốc ngân hàng quyết định. Các thành viên khác cho vay lẫn nhau theo lãi suất thị trường nhưng trong khung lãi suất qui định.

Tiếp theo, và trước cuối năm nay, một thị trường liên ngân hàng về ngoại hối sẽ được thành lập và thay thế những trung tâm giao dịch ngoại tệ , hiện là nơi thiết lập tỷ lệ hối đoái.

Đến nay, thị trường tiền tệ vẫn là khâu thiếu trong hệ thống tiền tệ - ngân hàng Việt Nam, một cơ chế gần hai cấp trong đó Ngân hàng nhà nước đáng lý chỉ giữ vai trò " người cho vay cuối cùng " . Sự hình thành của thị trường tiền tệ là điều kiện thiết yếu để nhà nước điều hành, một cách có hiệu lực, chính sách tiền tệ.

Do số người sử dụng hệ thống ngân hàng còn ít ở Việt Nam (chỉ khoảng 6 % số dân), khối lượng tiền vốn mà thị trường liên ngân hàng có thể huy động được sẽ tương đối hạn chế. Song nó làm tiền đề cho việc hình thành thị trường chừng khoán khả dĩ thu hút tiền tiết kiệm của người dân trong nước. Theo ước đoán của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, khối lượng vốn có thể huy động qua thị trường này tương đương với 1 tỷ đôla. (**FEER** 5.8.93)

## Bể hụi hàng trăm tỷ đồng

Mùa hè vừa qua một vụ bể hụi lớn đã xảy ra tại Chợ Lớn ở nhà hàng Trúc Viên (còn gọi là Quán Tre) trong khuôn viên nhà văn hoá quận 5 (Đại thế giới cũ). Hụi Trúc Viên tập hợp 39 chủ hụi, 420 dây hụi, trên 600 người tham gia, với đủ các loại hụi : ngày, tuần, 10 ngày, 15 ngày, tháng... Người ta ước tính tổng số tiền huy động vượt trên 100 tỷ đồng và lưu lượng tiền mỗi ngày luân chuyển khoảng từ 5 đến 7 tỷ đồng.

Vào đầu tháng 7, ông Trọng Hoà, một ca sĩ người Hoa nổi tiếng và một trong các chủ hụi, đã mất khả năng chi trả. Số nợ của ông lên đến 40 tỷ đồng ở hụi Trúc Viên và 16,4 tỷ đồng ở những nơi khác. Áp dụng phương thức hốt hụi nhỏ để nuôi hụi lớn, với lãi suất 20 đến 25 % mỗi tháng, ông Trọng Hoà trong giai đoạn cuối cùng đã khui hụi với tỷ lệ lãi phải trả là 17,5 % một ngày. Việc ông Trọng Hoà giựt hụi làm cho nhiều chủ hụi khác cũng mất khả năng chi trả. Riêng ở Trúc Viên số nợ này lên tới hàng chục tỷ đồng.

Theo quan điểm của chính quyền, hụi là một hình thức tương trợ có từ lâu đời, song về mặt pháp luật không được nhà nước công nhận và bảo hộ. Do đó khi có bể hụi, nhà nước để cho những người chơi hụi tự giải quyết với nhau, và chỉ can thiệp khi nào có yếu tố lừa đảo.

Khi hay tin bể hụi, hơn 10 người đã tự sát vì nhà cửa, tài sản đem thế chấp chơi hụi đã tan theo mây khói. Người ta cũng được biết một số cơ quan nhà nước và quân đội chơi hụi đã bị mất từ 100 triệu đến cả tỷ đồng. Trưởng ban điều hành hụi Trúc Viên, ông Trần Thành, đã tuyên bố với báo chí : *" Bỏ tù rục xương tôi cũng được. Tôi đã hưởng thụ, thoả mãn nhiều rồi. "* (**Tuổi Trẻ** 20 và 22.7.93)

## Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng một trung tâm đô thị mới

Theo qui hoạch của thành phố Hồ Chí Minh, một trung tâm đô thị mới sẽ mọc lên ở vùng ngoài thành phía Nam, dọc theo một tuyến đường đi từ Nhà Bè đến Bình Chánh. Để thực hiện dự án qui mô lớn này, mà tổng số vốn đầu tư lên đến 242 triệu đôla, thành phố Hồ Chí Minh đã chọn hình thức liên doanh với tập đoàn Đài Loan Central Trading and Development Corporation. Công ty liên doanh, mang tên Phú Mỹ Hưng, có vốn pháp định 60 triệu đôla, do phía Đài Loan góp 70 % và phía Việt Nam 30 % dưới dạng quyền sử dụng 600 ha đất trong vòng 50 năm.

Với thời hạn xây dựng qui định là 7 năm, Phú Mỹ Hưng sẽ thực hiện 2 công trình. Một mặt, xa lộ Bình Thuận, tên đường nối liền Bắc Nhà Bè với Nam Bình Chánh, dài 19 km, rộng 60 m với 6 đường xe chạy nhanh, 4 đường xe hỗn hợp và đi bộ. Mặt khác, cơ sở hạ từng (cầu cống, đường sá, cây xanh...) trên diện tích 750 ha gồm 600 ha khu dân cư và 150 ha công trình công cộng. Phú Mỹ Hưng sẽ kinh doanh cơ sở hạ từng khu dân cư trong thời gian 50 năm (các công trình công cộng được chuyển giao ngay không bồi hoàn cho thành phố), và sẽ kinh doanh xa lộ Bình Thuận trong 30 năm bằng cách thu lệ phí giao thông (hết thời hạn đó, xa lộ sẽ được chuyển giao không bồi hoàn cho nhà nước).

Trong tháng 7 vừa qua, Phú Mỹ Hưng đã khởi công xây dựng xa lộ Bình Thuận. Đồng thời, công ty củng đã công bố kết quả cuộc thi quốc tế về đề án thiết kế đô thị trên diện tích 750 ha. Công ty Hoa Kỳ SOM (Skidmore, Owens and Merril, ở San Francisco) sẽ thiết kế toàn diện trung tâm đô thị mới. Hai công ty khác là Koetter, Kim and Associates (Boston, Mỹ) và Kenzo Tange Associates (Tokyo, Nhật) được giao thiết kế khu trung tâm thương mại và cụm cao ốc chính, đặt gần khu chế xuất Tân Thuận.

Một trong những vấn đề " nóng " do dự án đô thị hoá này đặt ra là việc giải toả và đền bù 1200 hộ dân cư (7000 người) với 144 ngàn $m^2$ đất gò, 72 ngàn $m^2$ nền nhà và 3000 mồ mả. Giá đền bù đất, dự tính tối đa là 15 000 đồng/ $m^2$, không được xem là thoả đáng. Các hộ bị giải toả có mua lại nổi những nhà sẽ được xây cất, dù cò bán dưới giá kinh doanh, hay không ? Những hộ nông dân mất đất canh tác sẽ làm gì để sống ? Những câu trả lời hiện nay còn rất mù mờ. (**Pháp luật** 28.6 và 25.7.93)

## Giáo dục tụt hậu

Theo kết quả khảo sát chất lượng học tập do bộ giáo dục tiến hành trong năm học vừa qua ở nhiều địa phương trong cả nước, tỷ lệ học sinh yếu kém môn văn đến 60 %, môn toán khoảng 70 %, môn vật lý từ 40 – 50 %. Tỷ số học sinh bỏ học là 9,2 % ở các trường phổ thông cấp một, 17,3 % ở cấp hai và 12,9 % ở cấp ba.

Còn về thầy giáo, theo một đánh giá mới đây của bộ giáo dục, 40 – 50 % giáo viên phổ thông cơ sở không đạt tiêu chuẩn đào tạo, 35 % giáo viên phổ thông trung học bị xem là yếu kém. Có đến 88 % giáo viên sống ở mức nghèo khổ do lương không đủ nuôi sống bản thân. Trong điều kiện đó, hiện tượng giáo viên bỏ nghề vì lý do kinh tế đưa đến tình trạng thiếu người dạy nghiêm trọng : ở mẫu giáo thiếu 42 000 giáo viên, ở phổ thông cấp một thiếu 53 000 giáo viên. Một tỉnh như Vĩnh Phú có trên 2 000 giáo viên nghỉ việc, chiếm 10 % tổng số. Ngay Thành phố Hồ Chí Minh, vào năm 1993 – 94,

cũng sẽ thiếu 2 300 giáo viên cấp một.

Cơ sở trường ốc tiếp tục xuống cấp nghiêm trọng. Theo thống kê của bộ giáo dục, số trường lớp xây tạm, bán kiên cố chiếm đến 70 % ở cấp phổ thông cơ sở, và 85 % ở cấp phổ thông trung học (**Tuổi Trẻ** 20.7 và **Tuổi Trẻ chủ nhật** 22.8.93)

## Khi công an, hải quan tiếp tay cho buôn lậu

Toà án Thành phố Hồ Chí Minh, trong đầu tháng 8 vừa qua, đã xét xử một vụ buôn lậu và hối lộ lớn ở sân bay Tân Sơn Nhứt : đó là đường dây buôn lậu quốc tế đưa vàng và đồng hồ từ Hồng Kông vào Việt Nam để chuyển đôla (trên 1,5 triệu đôla ra nước ngoài). Đường dây, do ông Henry Long Tài (quốc tịch Mỹ) và Trương Thị Mục (quốc tịch Hồng Kông) tổ chức , đã hoạt động trong các năm 1990 - 91 nhờ sự tiếp tay đắc lực của một số cán bộ trách nhiệm công an và hải quan ở cửa khẩu.

Đội phó đội giám hộ máy bay Tân Sơn Nhứt , đại uý công an Trần Xuân Tuấn đã chuyển hàng lậu 104 lần qua cửa khẩu sân bay. Được giao nhiệm vụ chỉ huy kế hoạch bắt đường dây, giám đốc hải quan Thành phố Hồ Chí Minh, trung tá công an Phan Anh Tuấn, đã không những bỏ qua mà còn tiết lộ kế hoạch cho đại uý Trần Xuân Tuấn để nhận tiền hối lộ.

Toà án đã tuyên phạt ông Henry Long Tài và bà Trương Thị Mục tù chung thân về tội buôn lậu (và phạt tiền 50 tỷ đồng và 6 triệu đôla). Ông Phan Anh Tuấn cũng bị kêu án tù chung thân về tội nhận hối lộ. Ông Trần Xuân Tuấn lãnh 5 năm tù về tội đưa hối lộ, cộng với bản án 11 năm về tội buôn lậu đã xử trước đó.

Cùng thời gian đó, người ta được biết đại uý công an Phạm Tâm Liêm, đội trưởng đội cảnh sát chống ma tuý của Hà Nội đã bị bắt giam cùng với hai cán bộ khác trong đội. Việc bắt giam này liên quan đến một đường dây buôn lậu ở biên giới Việt – Trung mà chính đội cảnh sát chống ma tuý Hà Nội đã phát hiện trước đó. Đại uý Phạm Tâm Liên còn là con của một thứ trưởng bộ nội vụ, uỷ viên ban chấp hành trung ương đảng cộng sản, trung tướng Phạm Tâm Long.

Ngoài ra, Viện kiểm sát nhân dân đã có quyết định truy tố nguyên bộ trưởng năng lượng Vũ Ngọc Hải và thứ trưởng Lê Liêm về tội " *cố ý làm trái qui định nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng* ". Việc khởi tố này liên quan đến vụ công ty Vinapol cung ứng 4 000 tấn thép cho công trình xây đường điện 500 KW Bắc – Nam. Số thép đó đã được một số công ty khác mua bán lòng vòng, gây thiệt hại cho nhà nước 3,1 tỷ đồng. (**Tuổi Trẻ** 3,10 và 12.8.93)

## Giáo hội Công giáo và chính quyền Việt Nam

Ngày 8.8, Thủ tướng Võ Văn Kiệt, và ngày 17.8, Tổng bí thư Đỗ Mười đã đến thăm Tổng giám mục Nguyễn Văn Bình đang điều trị tại một bệnh viện ở thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng ngày, tại Hà Nội, nhà cầm quyền không chấp nhận để Hồng y Edward Clancy đồng tế lễ thánh tại Nhà thờ lớn Hà Nội, viện cớ Hồng y (người Úc) đến Việt Nam với tư cách cầm đầu một phái đoàn nhân đạo Úc, chứ không với tư cách một chức sắc của Giáo hội Công giáo.

Đằng sau hai sự kiện này, là sự bất đồng kéo dài từ mấy năm nay giữa chính quyền Việt Nam và Vatican trong việc chỉ định ba chức vị tổng giám mục Hà Nội, Huế (bỏ trống) và Thành phố Hồ Chí Minh (chuẩn bị kế vị TGM. Bình).

## Xử lại giáo sư Đoàn Viết Hoạt : 15 năm tù

Đầu tháng 7.93, Toà án phúc thẩm nhân dân tối cao thành phố Hồ Chí Minh đã xử phúc thẩm giáo sư Đoàn Viết Hoạt và những bạn cùng nhóm *Diễn Đàn Tự Do* của ông. Cuối tháng 3, toà sơ thẩm đã kết án giáo sư Hoạt 20 năm tù, sáu người bạn của ông từ 4 đến 16 năm tù. Bản án mà chúng tôi đã gọi là " *bất chấp công lý và công luận* " này đã làm phẫn nộ công luận thế giới, và nhiều chính phủ đã lên tiếng đòi xử lại.

Ngày 9.8, toà đã tuyên án giáo sư Hoạt 15 năm tù (giảm 5 năm), các ông Phạm Đức Khâm 12 năm, Nguyễn Văn Thuận 8 năm (giảm 4 năm so với án trước).

Vụ xử lại chứng tỏ nhà cầm quyền vẫn tiếp tục đàn áp quyền tự do tư tưởng và tự do dư luận, nhưng không thể làm ngơ trước sức ép của dư luận quốc tế, nhất là trong bối cảnh tiếp tục mở cửa hợp tác quốc tế. Thêm một lý do để công luận tiếp tục áp lực đòi trả tự do cho tất cả những người bị giam cầm, quản thúc vì lý do chính trị.

## Vụ án chất nổ : 3 án tù chung thân

Ngày 25. 8, ba người cầm đầu một nhóm bạo loạn đã bị kết án tù chung thân : Trần Tư (tức Peter Tran, tức Nguyễn Duy Khương), Nguyễn Văn Muôn (tức Michael Van Nelson) và Đỗ Hườn (tức Bùi Phán, Mories Bui), cả ba đều cư ngụ ở California và mang hộ chiếu Mỹ. Tám người khác, trong đó có 6 người mang hộ chiếu Pháp (Phạm Anh Dũng tức Minh, Lê Hoàn Sơn, Phạm Văn Thành), Canada (Nguyễn Ngọc Đăng) và Mỹ (Đỗ Hồng Vân, Phạm Đức Hậu) bị kết án từ 6 đến 20 năm.

Các bị can nằm trong một tổ chức lấy tên " *Liên đảng Cách Mạng Việt Nam* ", mở " *chiến dịch Đông Xuân* " bắt đầu ngày 7.3.93 với kế hoạch phá nổ khoảng 10 địa điểm ở Sài Gòn, Vũng Tàu và Phan Thiết. Cả nhóm đã bị bắt trước ngày hành động với 29 kg TNT, 218 kíp nổ...

Toà án chiếu theo luật quốc tịch vẫn coi 9 bị can mang hộ chiếu Mỹ, Pháp và Canada người có quốc tịch Việt Nam, vì họ " *chưa tuyên thệ trước toà từ bỏ quốc tịch* ". Phó tổng lãnh sự Pháp, ông Daniel Omney, có mặt trong phiên toà. Báo chí nước ngoài theo dõi vụ xử có phóng viên AFP và bà Nam Trân, phóng viên một đài truyền hình ở California.

## Hai thủ tướng Campuchia thăm Việt Nam : một giai đoạn mới trong quan hệ song phương

Ngày 25.8, hoàng thân Norodom Ranariddh và ông Hun Sen, hai đồng chủ tịch Chính phủ dân tộc lâm thời Campuchia, đã kết thúc cuộc đi thăm chính thức, kéo dài 3 ngày, theo lời mời của thủ tướng Võ Văn Kiệt. Một thông cáo chung cho biết các cuộc hội đàm đã diễn ra " *trong bầu không khí hữu nghị và hiểu biết lẫn nhau* ", và hai bên tỏ ý muốn " *đưa quan hệ hữu nghị và hợp tác sang một giai đoạn mới* ". Hai bên " *sẽ tiến hành đàm phán để xác định những chương trình hợp tác về chính trị, kinh tế, thương mại, văn hoá, khoa học và công nghệ, du lịch và những lãnh vực khác nhằm phục*

*vụ phát triển của mỗi nước và vì lợi ích của sự hợp tác trong khu vực* ".

Bản thông cáo không nói tới một thoả thuận cụ thể nào. Giới quan sát nêu ba vấn đề được đặt ra. Từ phía Campuchia là vấn đề đường biên giới, và điều kiện cho phép Campuchia được sử dụng đường sông (Tiền và Hậu) để ra biển. Từ phía Việt Nam là vấn đề an toàn và quyền sống của người Campuchia gốc Việt và của Việt kiều ở Campuchia, trong đó đặc biệt sôi nóng là số phận 25 000 lánh nạn về Việt Nam trong mùa xuân, nay vẫn chưa được trở lại Campuchia. Hai bên chưa đi tới giải pháp cụ thể nào.

Về vấn đề đường biên giới, hai bên mới đồng ý thành lập một tiểu ban hỗn hợp để đi tới thoả thuận trên cơ sở bản đồ Đông Dương tỉ lệ 1/100 000 của Pháp năm 1954.

Việt Nam cũng nhận khi xây cầu bắc qua sông Cửu Long, sẽ xây cao để tàu trọng tải lớn có thể đi lại giữa Nông Pênh và biển Đông.

Vấn đề 25 000 người bị kẹt ở biên giới vẫn còn nguyên vẹn : phía Campuchia nêu lý do tháng 9, quốc hội mới thông qua luật lệ về di trú và quốc tịch, lúc đó mới có cơ sở để giải quyết vấn đề. Một nhóm hỗn hợp chuyên viên sẽ họp để nghiên cứu vấn đề này và " tìm ra những giải pháp tối ưu ".

Một sự cố chưa nắm rõ nguyên nhân và ý nghĩa : cuộc đi thăm thành phố Hồ Chí Minh của hai nhà lãnh đạo Campuchia, vào giờ chót, đã được thay thế bằng cuộc đi thăm nhà máy thuỷ điện Hoà Bình. Theo một nguồn tin Campuchia, chính phía Campuchia đã đổi chương trình vì phía Việt Nam không cung cấp một phi cơ đặc biệt cho phái đoàn khách.

Phía Campuchia đã mời thủ tướng Việt Nam và bà Võ Văn Kiệt sang thăm chính thức Campuchia và ông Võ Văn Kiệt đã nhận lời. (**AFP** 25.8, **Tuổi Trẻ** 26.8).

## Giáo hoàng cho dẹp cờ 3 sọc

Ngày 15.8, tại Denver (Hoa Kỳ), giáo hoàng Jean-Paul II đã gặp gỡ mười ngàn giáo dân Việt Nam sinh sống tại Mỹ và nhiều nước khác, kêu gọi " *đừng quên Giáo hội ở Việt Nam* " và " *các anh chị em đang sống đạo trong tình hình khó khăn* ". Giáo hoàng bày tỏ sự " cảm phục " đối với " *sự dũng cảm và kiên trì của toàn thể nhân dân Việt Nam đang tìm cách khắc phục những chướng ngại do những kinh nghiệm bi thảm trong quá khứ* ". Thách thức lớn nhất đối với người Công giáo Việt Nam, Giáo hoàng nhấn mạnh, là " *hàn gắn những oán hận, chia rẽ đã nảy sinh giữa những công dân cùng một nước. Bao nhiêu khổ đau đã để lại những vết thương thâm sâu. Công cuộc tái thiết Việt Nam chỉ có thể tiến hành với điều kiện mọi người đều tham gia, trong sự tôn trọng lẫn nhau và trong sự tha thứ* ". Ban tổ chức đã được chỉ thị cấm những lá cờ vàng ba sọc đỏ mà một vài tổ chức cựu quân nhân muốn giương lên.(AFP, 15.8).

## TIN NGẮN

✓ Thủ tướng Võ Văn Kiệt sẽ thành lập một " tổ tư vấn về cải cách kinh tế và hành chính ", gồm những chuyên gia trong và ngoài bộ máy nhà nước và một số trí thức người Việt ở nước ngoài, để phản biện các đề án và dự thảo chính sách của chính phủ, đồng thời nghiên cứu một số vấn đề và đưa ra kiến nghị với thủ tướng. Bộ trưởng Lê Xuân Trình được chỉ định làm tổ trưởng, và hiệu trưởng Trường đại học kinh tế Đào Công Tiến sẽ làm đầu mối tập hợp các chuyên gia tư vấn tại Thành phố Hồ Chí Minh.

✓ Phó chủ tịch ngân hàng thương mại Mỹ City bank, ông Robert Wells, dự đoán đến ngày 14.9 này, tổng thống Clinton sẽ bãi bỏ một phần lệnh cấm vận và cho các công ty Mỹ tham gia đấu thầu các dự án có nguồn vốn do Quỹ tiền tệ quốc tế và Ngân hàng thế giới tài trợ cho Việt Nam.

✓ Trong bảy tháng đầu năm 1993, bộ ngân khố Mỹ đã cấp giấy phép cho 160 công ty Mỹ đến thăm dò cơ hội kinh doanh tại Việt Nam. Theo bộ thương mại Việt Nam, đã có 18 công ty Mỹ mở văn phòng đại diện ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

✓ Cộng đồng châu Âu đã đồng ý viện trợ khoảng 60 – 80 triệu đôla để xây dựng 22 cầu giao thông ở Nhà Bè, Bình Chánh, Thủ Đức (ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh), và 200 000 đôla cho một công trình nghiên cứu xây dựng một nhà ga mới tại sân bay quốc tế Nội Bài của thủ đô Hà Nội.

✓ Theo kết quả thăm dò ý kiến của 3 000 doanh nhân trong vùng châu Á – Thái Bình Dương, do *Tạp chí Kinh tế Viễn Đông* (FEER 15.7.93) tổ chức, 42 % các nhà kinh doanh cho rằng Việt Nam là nơi đầu tiên họ chọn lựa đầu tư trong hai năm tới, trước Trung Quốc, Malaixa và Indonêxia. 35 % nhà kinh doanh cho rằng Việt nam có tiềm năng phát triển lớn nhất trong năm tới, sau Trung Quốc (59 %) và trước Indonêxia (26 %), Malaixia và Thái Lan (22 %), Đài Loan (15 %), Nam Triều Tiên và Hồng Kông (14 %), Nhật Bản (13 %) và Singapo (11 %).

✓ Chính phủ Nhật Bản sẽ cung cấp 2,8 triệu đôla để thiết bị bệnh viện Hai Bà Trưng ở Hà Nội. Năm 1992, Tokyo đã cung cấp gần 6 triệu đôla để nâng cấp bệnh viện Chợ Rẫy ở Thành phố Hồ Chí Minh.

✓ Một bệnh viện mang tên Việt – Mỹ sẽ được xây cất ở Hà Nội với tổng số vốn dự trù là 10 triệu đôla. Đây là một dự án liên doanh giữa Viện quân y 108 và hai công ty Hoa Kỳ Real Estate Medical Investment Trading và First Choice Reality Investment.

✓ Các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế và Quảng Nam – Đà Nẵng đang gặp phải hạn hán nghiêm trọng và kéo dài : suốt mùa hè, hầu như không có mưa trong khi nhiệt độ lên đến 39 – 40 °C. Ngoài những thiệt hại lớn về mùa màng, tại nhiều địa phương dân và gia súc không có nước uống : ở một số nơi đã xảy ra những vụ giành giật nguồn nước.

# tín dụng quốc tế...(tiếp theo trang 1)

– **Quỹ tiền tệ quốc tế** : 440 triệu đôla. Những khoản vay ở đây tuỳ thuộc vào số tiền cổ phần đóng góp của Việt Nam là 220 triệu đôla : Hà Nội có thể vay 50% tiền cổ phần bất cứ lúc nào (tức 110 triệu), và vay 150% tiền cổ phần để ổn định kinh tế và điều chỉnh cơ cấu (tức 330 triệu).

– **Ngân hàng thế giới** : 550 triệu đôla. Ngoài khoản tín dụng 100 triệu để bù đắp sự mất cân đối trong kinh tế, Việt Nam còn có thể vay theo ba trong năm dự án sau đây : thâm canh nông nghiệp (102 triệu), hồi phục hệ thống thuỷ lợi ở miền Trung (105 triệu), nâng cấp quốc lộ số 1 đoạn Hà Nội - Vinh và Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ (117 triệu), chế biến tơ tằm và cà phê (116 triệu), cải tiến giáo dục tiểu học (70 triệu).

– **Ngân hàng phát triển châu Á** : 373 triệu đôla. Những dự án được chuẩn bị gồm có : xây dựng hệ thống thuỷ lợi ở đồng bằng sông Hồng (90 triệu), cải tạo hệ thống cấp nước ở Thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương khác (64 triệu), nâng cấp con đường nối liền Thành phố Hồ Chí Minh và Nha Trang (90 triệu) cùng một số dự án khác đang được xem xét.

Bên cạnh đó, người ta chờ đợi viện trợ song phương của các chính phủ cũng sẽ đổ vào Việt Nam dễ dàng hơn trước (xem trong tin Việt Nam những khoản viện trợ của Paris, Bonn, Luân Đôn, Bruxelles). Tokyo đã cho biết khoản viện trợ được cấp *" sẽ không thấp hơn năm vừa qua "* (400 triệu đôla).

Với những nguồn vốn khá lớn này, vay dài hạn với lãi suất thấp, Việt Nam sẽ có điều kiện tiến hành việc hiện đại hoá cơ sở hạ từng kinh tế (đường bộ, đường sắt, hải cảng, sân bay, hệ thống điện, nước, viễn thông...) và xã hội (trường học, bệnh viện...), tiền đề của mọi quá trình phát triển. Và dù tín dụng quốc tế có bị giới hạn vào lúc đầu đi nữa, tác dụng trước hết của nó là làm chất xúc tác kích thích các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài : họ sẽ cảm thấy an lòng, chắc chắn hơn khi hoạch định công việc làm ăn dài hạn.

Muốn những khả năng trên trở thành hiện thực, Việt Nam còn phải đáp ứng một số điều kiện. Trước tiên là thanh toán món nợ cũ 140 triệu đôla, gồm 130 triệu thiếu IMF và 10 triệu thiếu ADB. Những cuộc thương lượng tại Hà Nội trong tháng 8 đã đề ra một giải pháp trong đó hai chính phủ Pháp và Nhật cam kết trả thay Việt Nam hai phần ba món nợ quá hạn, phần còn lại do các thành viên khác của " nhóm nước bạn của Việt Nam " – gồm Bỉ, Ý, Thuỵ Điển, Phần Lan, Canada – trả giúp. Giải pháp sẽ chính thức được thông qua ở một cuộc họp của Quỹ tiền tệ quốc tế triệu tập vào cuối tháng 8, đầu tháng 9 tại Paris.

Tiếp theo đó, cũng tại Paris, vào giữa tháng 11, cùng với Liên hiệp quốc, Ngân hàng thế giới dự kiến họp một hội nghị quốc tế về viện trợ phát triển với mục tiêu vận động và phối hợp vốn đầu tư và viện trợ kỹ thuật cho Việt Nam. Hà Nội ước tính nhu cầu về vốn của Việt Nam, từ đây đến năm 2000, vào khoảng từ 40 đến 50 tỷ đôla, trong đó phân nửa sẽ phải trông đợi từ vốn nước ngoài.

Song để tiếp nhận viện trợ phát triển này, Việt Nam sẽ phải tuân thủ những điều kiện cho vay khe khắt của IMF và WB. Và, như nhà kinh tế Huỳnh Bửu Sơn vừa qua đã lên tiếng, *" Việt Nam sẽ dần dần nhận ra rằng các điều kiện khắt khe được gọi là kinh tế kỹ thuật không chỉ đơn thuần là kinh tế kỹ thuật, và sẽ không dễ dàng gì đáp ứng "* (**Lao động**, 15.7.93). Đó là các chương trình mang tên " ổn định kinh tế " và " điều chỉnh cơ cấu " mà các nước muốn vay vốn của IMF và WB đều phải tiến hành.

– **Ổn định kinh tế** : Theo một quan điểm duy tiền tệ, các định chế tài chính quốc tế cho rằng nhiệm vụ hàng đầu đặt ra cho nhà nước là triệt tiêu lạm phát. Giảm bội chi ngân sách bằng cách cắt giảm mọi chi tiêu và tăng thuế, thắt chặt tín dụng bằng cách nâng cao lãi suất, tóm lại, chính sách khắc khổ, thắt lưng buộc bụng : đó là " khuyến cáo " đầu lưỡi của IMF và WB đối với các nước đi vay nợ.

– **Điều chỉnh cơ cấu** : Theo một quan điểm tự do chủ nghĩa, các định chế tài chính quốc tế cho rằng kinh tế thị trường đảm bảo tăng trưởng kinh tế tối đa thông qua hoạt động tự do và tự điều tiết của các thị trường hàng hoá, vốn, đất đai, lao động. Huỷ bỏ mọi chánh sách trợ giá, trợ cấp, và thiết lập giá cả, lãi suất, hối suất thị trường ; thu hẹp khu vực kinh tế quốc doanh, và phát triển khu vực tư doanh ; bãi bỏ hàng rào bảo hộ mậu dịch, và mở rộng thị trường nội địa cho hàng hóa nước ngoài ; tạo sự linh động trong tiền lương, qui định lao động, và giới hạn các chế độ hiệp ước lao động tập thể, bảo hộ xã hội... Đó là những " khuyến cáo " đã trở thành tín điều mà IMF và WB tìm cách áp đặt ở mọi nước vay nợ.

Nhận sự tài trợ vốn của IMF và WB, do đó, có nghĩa là nhận một sự can thiệp sâu rộng của họ – tức là của Washington và giới tài phiệt quốc tế – vào các chính sách tiền tệ, tài chính, ngoại thương, lao động... Và chấp nhận hậu quả của các chính sách này là xã hội phân hoá ngày càng trầm trọng, thất nghiệp và đói nghèo gia tăng, chí ít cũng trong một giai đoạn nào đó. Áp dụng bạo tay ở một số nước con nợ tại châu Mỹ La tinh và châu Phi, những " toa thuốc " đó đã từng dẫn tới bùng nổ xã hội và mất ổn định về chính trị.

Từ giữa tháng 8 tại Hà Nội đã bắt đầu những cuộc thảo luận với IMF và WB về các chương trình " ổn định kinh tế " và " điều chỉnh cơ cấu " sẽ áp dụng ở Việt Nam. Các định chế tài chính quốc tế đã cho biết *" sẽ tăng cường những khuyến cáo "* đối với chính phủ Hà Nội.

Đành rằng trong giai đoạn cải tổ kinh tế vừa qua, Việt Nam được xếp loại vào hạng " học trò giỏi " của Quỹ tiền tệ quốc tế, và nhiều quan chức cấp cao của Quỹ đã bày tỏ " sự hài lòng " trước những kết quả mà Hà Nội đạt được trong việc chống lạm phát và phá bỏ cơ chế kinh tế bao cấp. Song, bước vào giai đoạn hội nhập cộng đồng tài chính thế giới, Việt Nam không chỉ có thuận lợi mà còn chịu những bó buộc khắc nghiệt. Hai câu hỏi lớn đặt ra cho chính phủ Võ Văn Kiệt là :

– Làm sao sử dụng tín dụng quốc tế cho có hiệu quả và có lời để trả được nợ, khi mà bộ máy chính quyền đang ruỗng nát vì nạn cát cứ và tham nhũng ?

– Làm sao thương lượng, kháng cự và đối phó với những đòi hỏi của IMF và WB không phù hợp với quyền lợi của đất nước ?

Hai câu hỏi này phải chăng có cùng một đáp số : dân chủ và hậu thuẫn của dân ? Nếu quả như vậy thì, song song với việc cải tổ guồng máy nhà nước và tranh thủ tín dụng quốc tế, đã đến lúc chính phủ ông Kiệt phải quan tâm gầy dựng chân kiềng thứ ba đó.

**Hải Vân**

# thư việt nam

Các anh chị thân mến,

Sau mấy tuần lễ cực nóng, Hà Nội cuối tháng 8 này đã được vài trận mưa thu. Cuộc sống làm ăn vẫn sôi động. Chính phủ dự định kiểm soát chặt, *chặn hàng lậu từ Trung Quốc tràn vào*, phá giá, bóp chết hàng nội địa, nhưng dư luận hoài nghi khả năng thực hiện. Biên giới dài hàng mấy trăm cây số, hàng trăm đường mòn xuyên qua, sức nào chặn nổi. Vả chăng, các tỉnh, huyện trong cả nước đều có " đại diện buôn bán " ở biên giới phía bắc, họ kiếm lời với biết bao ngóc ngách, móc ngoặc, " lót tay " ; công an, hải quan, chính quyền, đảng uỷ đều chấm mút và vớ bẫm, sức ai dẹp nổi ! Vẫn chỉ là những thiện chí *tốt đẹp trên giấy tờ* !

Chuyến đi thăm Hà Nội của hoàng tử Ranarith và Hun Xen với cương vị là *đồng – chủ tịch* chính phủ CPC, nói theo bài bản *văn bia* của nhà nước, đúng là " mở ra giai đoạn mới " trong quan hệ giữa hai nước. Hoàng tử Khơme đã từng phỉ báng Việt Nam là *xâm lược, thực dân* và từng bị bộ máy nhà nước ta đả kích, châm biếm, nay được trải thảm đỏ và đón tiếp long trọng. Ông Hun Xen ngày nào còn như anh em trong nhà, (đúng hơn : *em út*), với *quan hệ đặc biệt, tình hình không thể đảo ngược*, nay hành xử chi li xét nét và bị đối xử cũng chi li xét nét không kém. Cũng không phải ngẫu nhiên mà hai ông đồng – thủ tướng đi Băng Cốc, Viên Chăn trước rồi mới sang Hà Nội. Giữa Nông Pênh và Băng Cốc, vấn đề khá nghiêm trọng, nhưng cũng có hướng giải quyết : đó là chuyện bọn Pôn Pốt vẫn còn được mấy ông tướng Thái ở biên giới dung túng. Giữa Nông Pênh và Hà Nội, mấy vấn đề tồn tại (biên giới, Việt kiều hay người CPC gốc Việt...) tuy không nghiêm trọng, nhưng lại có nguy cơ kéo dài và có khả năng trở thành nguy hiểm. Nhưng thôi, những chuyện ấy, các nhà bình luận nói nhiều rồi. Ở đây, tôi chỉ nói tới lời bình của dư luận Hà Nội. Điều mà dư luận giới trí thức và báo chí chú ý nhất là kết quả cuộc bầu cử ở Campuchia và tác động của nó vào não trạng Việt Nam, của người dân cũng như của " các cụ ".

Mấy năm nay, các cụ cứ dạy đi dạy lại : nào *dân chủ đa nguyên đa đảng ắt dẫn đến hỗn loạn*, nào *châu Á khác châu Âu*, nào *âm mưu lật đổ*... Bây giờ, ở sát nách Việt Nam, nhờ có tranh cử và bầu cử đa đảng, tình hình Campuchia từ hỗn loạn chuyển sang ổn định : nguy cơ Pôn Pốt bị đẩy lùi một bước thật dài, mặc dầu không ai dám nói là vĩnh viễn.

Sự thật, điều bất ngờ làm các cụ *đau điếng* là số phiếu của đảng Nhân dân của ông Hun Xen. Các cụ chắc mẩm ông Hun Xen thế nào cũng được đa số 50–60 %. Nào ngờ chỉ được 38 %. Khách quan mà nói, đảng Funcinpec về nhất mà không được đa số quá bán, đảng Nhân dân về nhì mà không thua kém, là tình huống *tối ưu* cho quá trình ổn định ở Campuchia : hai bên dầu muốn dầu không cũng phải dựa vào nhau — vừa dựa, vừa kèn cựa — mới cầm quyền được, và tổng số phiếu áp đảo của hai đảng, với tỉ lệ đi bầu cao bất ngờ của cử tri đã làm cho Pôn Pốt bị *đại bại* về chính trị, mặc dầu Pôn Pốt không thiếu chủ bài ngay trong lãnh vực chính trị : sự tham nhũng quá hiển nhiên của chính quyền Hun Xen, những oán hận do chính sách *đàn anh trịch thượng* của Việt Nam kéo dài gần suốt thập niên 1980 làm cho người dân Khơme quên đi cái ơn cứu mạng năm 1979 của bộ đội Việt Nam, làm sống lại niềm thù hận truyền kiếp, đẩy chính quyền Hun Xen vào cái thế muốn khỏi mang tiếng là *tay sai Việt Nam*, lại phải càng tỏ ra *độc lập* bằng cách *đối lập*.

Bất luận thế nào, Campuchia đã tiến một bước đài trên quá trình dân chủ hoá và ổn định chính trị. Một nước Cammpuchia ổn định, dù muốn hay không, cũng góp phần tạo ra bối cảnh khu vực thuận lợi cho Việt Nam. Nếu chính quyền Việt Nam có một tầm nhìn xa về quyền lợi quốc gia dân tộc, dứt khoát từ bỏ quan niệm đàn anh lỗi thời và tai hại của mình, và cảm thông mặc cảm nước nhỏ của nước láng giềng (chỉ nghĩ tới nỗi khổ của dân Việt phải chịu ông Mao ông Đặng là có thể thông cảm được thôi), thì có thể đẩy lui được những oán hận quá khứ và giải quyết được những tranh chấp trước mắt, không để chúng trở thành những ngòi nổ nguy hiểm. Tôi nghĩ chỉ có cách đó mới bảo vệ được an toàn cho bà con gốc Việt và Việt kiều ở Campuchia, và bảo vệ được quyền lợi quốc gia.

Thôi, hãy tạm gác những chuyện quốc gia đại sự, mà nói chuyện trong nhà ngoài ngõ. Dư luận thủ đô đang chú ý tới mấy vụ *scandale* lớn. Đầu tiên là vụ ông tướng công an Phạm Tâm Long (thứ trưởng nội vụ) có con trai là đại uý công an chuyên trách chống ma tuý đã bị bắt vì tội... buôn ma tuý. Cuộc bắt này diễn ra khi tướng Tâm Long đi công vụ ở nước nước ngoài, và có tin hành lang là trong cuộc sắp xếp nhân sự dự trù vào cuối năm, ông Long có thể sẽ thay thế ông Bùi Thiện Ngộ ở chức bộ trưởng, còn ông Ngộ sẽ vào làm bí thư Thành uỷ Hồ Chí Minh, để ông Võ Trần Chí ra Hà Nội phụ trách công tác tổ chức... Buôn lậu ma tuý thì chắc chắn có thật rồi, dùng tiêu cực để gí nhau cũng là điều có thực. *Tiêu cực này chống tiêu cực nọ*, là thế. Dư luận Hà Nội cũng theo dõi vụ vỡ nợ, *bể hụi* của Trúc Viên [*xem tin trang 6*, chú thích của *Diễn Đàn*]. Vụ này coi mòi lớn hơn cả vụ nước hoa Thanh Hương. Không ít cán bộ, tư nhân ở Hà Nội cũng gửi tiền vào Chợ Lớn cho Trúc Viên. Đó là không kể vụ Thanh Hương đã gây tác động dây chuyền ra một loạt hợp tác xã tín dụng ở miền Bắc.

Kinh tế tiếp tục thả nổi, văn hoá tư tưởng thì vẫn tìm cách xiết. Phim ***Người tìm vàng*** của Đào Bá Sơn (thành phố Hồ Chí Minh) được mời dự *Festival des Trois Continents ở Nantes* cuối năm ngoái, cục điện ảnh nhận lời, hứa gửi, rồi không gửi. Vừa qua, nghe nói Đào Bá Sơn đi tìm *âm bản*, thì hỡi ơi, mới có 4 năm mà bản phim gốc đã nhầy nhụa, dính chặt cả cuộn ! Đó cũng là một hình thức kiểm duyệt, tuy không phi văn hoá và phi pháp bằng việc ông bộ trưởng văn hoá Trần Hoàn ra lệnh cấm một cuốn phim đã được hội đồng duyệt phim toàn quốc cấp giấy phép : đó là phim ***Hãy tha thứ cho em*** của LưuTrọng Ninh, mà các anh chị đã nói tới cuốn phim đầu tay : ***Canh bạc***.

Âm thầm hơn, nhưng không kém bỉ ổi, là chiến dịch văn nghệ chống phá mấy truyện ngắn truyện dài như cuốn tiểu thuyết mới ra của Lê Lựu : ***Chuyện Làng Cuội***. Tưởng là sau ***Thời xa vắng*** để đời, Lê Lựu cạn nguồn, nhàm chán kể chuyện đi Mỹ đi Hà Lan lăng nhăng bậy bạ, nay lại ra được *Chuyện Làng Cuội*, một thứ *chronique picaresque* cười ra nước mắt. Chuyện làng, mà hoá ra chuyện nước, và thằng Cuội thì vẫn tít mù *đèn cù nó chạy vòng quanh*. ***Bi kịch nhỏ*** cũng bị đánh, nhưng tôi chưa đọc, xin miễn bàn. Đánh cả cái truyện rất ngắn của Phan Thị Vàng Anh : ***Kịch câm***. Hình như Diễn Đàn

*Quan hệ chính quyền & giáo hội Phật giáo*

# Một tình hình đáng quan ngại

Hơn một năm qua, kể từ ngày cố hoà thượng Thích Đôn Hậu viên tịch, một số sự kiện nối tiếp xảy ra đã cho thấy rõ sự căng thẳng giữa chính quyền và một bộ phận chức sắc Phật giáo, đặc biệt là hoà thượng Huyền Quang, đồng thời, càng khoét thêm sự chia rẽ trong nội bộ giáo hội. Trong các vụ đó (yêu sách của HT. Huyền Quang tháng 6.92, vụ tự thiêu và vụ bắt giữ ba nhà sư ở Huế tháng 5.93, vụ tranh chấp tại một ngôi chùa Vũng Tàu, tháng 8.93...), các bên đưa ra những lời tường thuật hoàn toàn trái ngược nhau, nhưng cường điệu như nhau, khiến người ở ngoài, tuy không có thông tin chính xác, nhưng căn cứ vào một số sự việc đã kiểm chứng được, có thể kết luận : sự thật không ở trong những bản thông cáo đó.

Nói tới Phật giáo Việt Nam và nghe tin tự thiêu, ai cũng liên tưởng tới tình hình năm 1963 ở miền Nam. Rõ ràng những cuộc tranh chấp, lục đục và trấn áp hiện nay khác xa " vụ Phật giáo " cách đây 30 năm, về quy mô, mức độ và bối cảnh. Song, nếu các bên hữu quan không có đủ tầm nhìn và sáng suốt rút ra những bài học chung, và nếu không biết đặt quyền lợi dân tộc và những giá trị nhân bản lên trên mọi suy tính, thì không thể loại trừ khả năng một cuộc xung đột nghiêm trọng.

Trong tinh thần dân tộc và nhân bản ấy, chúng tôi xin mạnh dạn nêu lên một vài suy nghĩ về trách nhiệm của những tác nhân chính. Mong rằng những ý kiến này không bị gán cho tham vọng " dạy đời ", mà được cho tham gia vào cuộc suy nghĩ chung.

Bốn tác nhân đã và đang trực tiếp tác động vào diễn biến của các vụ việc vừa kể : (1) chính quyền, (2) HT. Huyền Quang và những chức sắc đòi thừa nhận trở lại Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, (3) Giáo hội Phật giáo Việt Nam, (4) những tổ chức Phật giáo (hay không) ở hải ngoại quan tâm tới tình hình Phật giáo.

Chính quyền Việt Nam mang một trách nhiệm nặng nề về tình hình thiếu tự do dân chủ ở Việt Nam. Do một quan niệm thô bạo về tín ngưỡng, do tham vọng vừa độc chiếm chính quyền vừa triệt tiêu mọi hình thái tổ chức tự lập của xã hội công dân, nhà nước đã đặt Giáo hội Phật giáo Việt Nam vào vòng kiềm toả chặt chẽ của bộ máy dân vận, thực chất là bộ máy an ninh nội chính (và... phản gián). Từ ngày đổi mới (tự nguyện hay bắt buộc), sinh hoạt tôn giáo đã có phần thoải mái hơn trước, và những hội đoàn tôn giáo đóng một vai trò ngày một quan trọng trong những hoạt động xã hội, nhân đạo và văn hoá. Tuy nhiên, những sự nới rộng từ phía chính quyền vẫn chỉ quanh quẩn trong cái vòng kim cô của quan niệm lạc hậu nói trên : điều này thể hiện khá rõ trong chỉ thị 379 ngày 23.7 vừa qua của thủ tướng chính phủ, cũng như trong việc ép buộc những nhà lãnh đạo giáo hội ra tuyên bố về hùa.

Về phía HT. Huyền Quang, bên cạnh những đòi hỏi chính đáng về tự do tín ngưỡng (nhất là việc đòi trả tự do cho các tu sĩ và cư sĩ Phật giáo còn đang bị giam hay quản thúc), tiếc rằng thượng toạ, đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam và những vị lãnh đạo đã từng tu hành và tranh đấu bên ông, đã giữ những trách nhiệm hàng đầu trong GHPGVNTN cũ, đã có một thái độ mạ lỵ, loại trừ, độc quyền khiến ngay cả những người ngoại đạo cũng phải suy tư về mấy chữ *tham sân si*.

Càng tiếc hơn khi thấy có những nhà lãnh đạo khả kính của Giáo hội Phật giáo Việt Nam hoặc đã, vì sức ép của chính quyền, có những lời tuyên bố về hùa, không làm hoá giải được oan khiên, mà nghiêm trọng hơn, đã làm cho Phật tử mất tin tưởng, hay ít nhất, chán nản đau lòng trước cảnh chia rẽ trong giáo hội.

Từ hải ngoại, nơi mà Phật giáo và các ngôi chùa là điểm tựa tinh thần và những trung tâm văn hoá không những cho Phật tử mà cho cả phần lớn cộng đồng, tất nhiên có sự quan tâm tới diễn biến tình hình. Hai xu hướng nổi bật : (a) một số cá nhân và tổ chức hoàn toàn ủng hộ HT. Huyền Quang, và mạ lỵ GHPGVN là " quốc doanh ", sự ủng hộ ồn ào tới mức người ta có thể tự hỏi phải chăng hoà thượng (cũng như đại đức Trí Tựu ở chùa Linh Mụ) có phải là nạn nhân đầu tiên của sự ủng hộ đó không ; (b) từ vài tháng nay, một số nhà lãnh đạo tinh thần có uy tín và nhiều tổ chức đã có thái độ ôn hoà hơn hẳn, biểu lộ sự tôn trọng đối với các vị lãnh đạo Phật giáo của cả hai bên, và tìm cách góp phần xây dựng giáo hội thống nhất thực sự, đồng thời gạt bỏ giấc mộng ngông cuồng " quốc giáo " của mấy vị *ayatollah* chọn nhầm tín ngưỡng.

Sớm muộn — sớm vẫn hơn là muộn — và dù muốn hay không — muốn vẫn tốt hơn là không — nhà cầm quyền Việt Nam sẽ phải trả lại quyền tự lập cho xã hội công dân, tôn trọng tự do tư tưởng và tín ngưỡng, tôn trọng các giáo hội, thừa nhận sự đóng góp của tôn giáo vào đời sống tinh thần của dân tộc. Sự manh nha của xã hội công dân đã rõ nét trong lãnh vực xã hội và một chút trong văn hoá. Về phía giáo hội — Phật giáo cũng như Công giáo — cũng như về phía những lực lượng dân chủ, có lẽ cũng nên học tập kinh nghiệm chiến lược " *biết thắng từng bước* " của đảng Cộng sản Việt Nam, chữ *thắng* xin hiểu theo cả hai nghĩa : tiến lên và... *hãm phanh*. *Tiến lên* chứ không phải *chiến thắng*. Vì *chiến tranh Việt Nam đã qua rồi*. Như giáo hoàng Jean-Paul II cũng vừa nhắc nhở một số giáo dân của Ngài.

**Phong Quang**

---

đã đăng truyện này rồi : các anh chị cứ đọc lại, mới thấy hết tâm địa thảm hại của những tên ném đá giấu tay. Trên báo chí công khai, chúng chưa dám làm gì, song lại dùng những thủ đoạn thô tục bỉ ổi nhất đối với một người như Kim Hạnh, nguyên tổng biên tập Tuổi Trẻ. Tôi không muốn đi vào chi tiết, tốn giấy mực và mất thì giờ của các anh, các chị.

Thân chào,
**HÀ THÀNH**

# Trận chiến đồng frăng : hồi thứ nhì

**bùi mộng hùng**

Tháng 9 năm 1992 một trận chiến gay cấn giữa đầu cơ chống đồng frăng của Pháp và phe Cộng đồng châu Âu làm rúng động hệ tiền tệ của khối thị trường kinh tế Âu châu SME. Đồng bảng Anh và đồng lia Ý phải phá giá, rút ra khỏi SME.

Khi ấy đồng frăng Pháp thắng được một trận. **Diễn Đàn** có bài tường trình (xem Quốc gia dân tộc trong thời kỳ sau chiến tranh lạnh, **D.Đ.** số 17, 1.3.93). Cuối tháng 7, đầu tháng 8 vừa qua, bất thần đầu cơ lại tấn công, dữ dội và nguy hiểm cho chính phủ Balladur và SME. Tình tiết trận chiến ra sao xin xem hạ hồi phân giải.

Chiều ngày thứ năm 29 tháng 7. 1993, thủ tướng Pháp Balladur, một người lúc nào cũng điềm tĩnh, đáp lại các câu hỏi tới tấp của đám nhà báo háo hức săn tin đang tụ tập trước điện Matignon, giọng bình thản hơn bao giờ hết :

– *Ngày hôm nay là một ngày rất đỗi bình thường. Trời mưa, ngoài ra mọi việc đều vận hành trơn tru cả.*

Cái bình thản của người thuyền trưởng, để cho mọi người tin rằng mình vững tay lái trong cơn bão tố. Ngày thứ năm 29 tháng 7 ấy, đồng frăng Pháp và cả hệ tiền tệ châu Âu (SME, Système Monétaire Européen) mà báo chí vẫn gọi đùa là Serpent Monétaire Européen, con rắn tiền tệ châu Âu, đang lay chuyển dữ dội trong một cơn bão đầu cơ hiếm nghèo chưa từng thấy.

Đã từ gần một tháng trời, những kẻ đầu cơ không tin rằng SME có thể đứng vững trong tình hình kinh tế thế giới hiện nay, đánh cuộc rằng đồng frăng sẽ phá giá, đem tung ra thị trường để mua Đức Mã. Các đồng frăng Bỉ, đồng cuaron Đan mạch, đồng peseta Y Pha Nho, đồng escudo Bồ Đào Nha đều lâm vào cùng cảnh ngộ. Mọi người theo dõi từng động tác xử sự của Ngân hàng liên bang Đức Bundesbank.

Tin Bundesbank quyết định không hạ tỷ suất chiết khấu (taux d'escompte) vừa đưa ra, đầu cơ tăng thêm dữ dội trong ngày thứ năm 29 tháng 7. Nguy cơ đồng frăng Pháp phải phá giá hiển hiện trước mắt.

Đồng frăng mà phá giá thì chính sách của chính phủ Pháp – ổn định tiền tệ, chống lạm phát, giảm thiếu hụt ngân sách – sẽ sụp đổ. SME sẽ tan rã, sẽ mất đi một yếu tố căn bản ổn định hối suất tiền tệ của các nước trong Cộng đồng kinh tế Âu châu (Communauté Economique Européenne, CEE) trong những năm qua, mất đi một yếu tố làm cho thị trường CEE ngày càng thống nhất thêm, trở nên thịnh vượng hàng đầu trên thế giới. Và công trình 14 năm xây dựng cộng đồng CEE cũng tan vỡ theo. Chính sách tăng cường thống nhất CEE theo tinh thần hiệp ước Maastricht sẽ bị triệt hạ ngay từ bước đầu, bước thống nhất tiền tệ. Khối Liên hiệp kinh tế và tiền tệ (Union économique et monétaire, UEM) chưa biết ngày nào mới hình thành...

Chính vì thế mà chiều ngày 29 tháng 7 này nhà báo tụ tập trước điện Matignon, săn tin buổi họp khẩn cấp của uỷ ban đối phó tình hình khủng hoảng do thủ tướng Balladur chủ trì lúc 6 giờ chiều ngày hôm đó. Và cũng vì thế mà khi họp xong thủ tướng Balladur tỏ vẻ quá đỗi bình thản.

Sáng thứ sáu 30 tháng 7, Paris còn hy vọng giờ chót Bundesbank đưa ra tín hiệu giảm tỷ suất lãi. Theo qui định của SME tiền Pháp được phép dao động từ 3,27 frăng/ 1 Đức mã đến 3,43 frăng/ 1 Đức mã, Ngân hàng quốc gia Pháp tung tiền ra giữ cho đồng frăng đứng ở mức 1 Đức mã ăn 3,4180 frăng. Cho tới 11 giờ sáng. Các chuyên gia đoán rằng vào thời điểm đó thì dự trữ hối đoái Ngân hàng quốc gia Pháp đã cạn. (Thật ra thì đã hụt ngay từ ngày hôm trước, 29.7).

Đến giờ phút ấy, Ngân hàng quốc gia Pháp cho hối suất đồng frăng tụt xuống tận đáy, sát mức tối đa mà qui chế SME cho phép : 1 Đức mã ăn 3,4305 frăng. Buộc Đức tuân thủ qui định của hệ SME, đồng tiền mạnh phải can thiệp để bảo vệ tiền tệ trong hệ bị lâm nguy : ngày hôm ấy chẳng những là đồng frăng Pháp mà còn frăng Bỉ, peseta và escudo. Bundesbank có khứng tuân theo luật chơi hay không ? Hôm " thứ tư đen tối " 16 tháng 9 năm 1992, chỉ trong vòng 5 giờ đồng hồ đồng bảng Anh đã chẳng phải chịu thua đầu cơ, phải phá giá và rút ra ngoài SME đó sao ? Đồng frăng Pháp chịu đựng được bao lâu ? Thị trường tiền tệ sôi động suốt ngày.

Ngân hàng liên bang Đức tỏ ra tích cực trong nhiệm vụ ủng hộ đồng tiền Pháp. Đến chiều 30.7, khi thị trường tài chính đóng cửa nghỉ đồng frăng vẫn đứng vững.

Nhưng Bundesbank đã bị dồn vào thế phải phát hành thêm Đức mã để ủng hộ tiền Pháp. Một tình thế không thể kéo dài. Mà nào phải chỉ có Pháp, còn Y Pha Nho, Bồ Đào Nha... Chiều thứ sáu 30.7, bộ trưởng tài chính Y Pha Nho công khai tuyên bố rằng các nhà chức trách tiền tệ trong CEE cần phải họp mặt gấp để tham khảo ý kiến nhau.

Ba giờ chiều thứ bảy 31, Đức triệu tập họp ủy ban tiền tệ Âu châu – một ủy ban kỹ thuật gồm các giám đốc ngân khố và các phó thống đốc ngân hàng trung ương của 12 nước trong CEE. Vào đầu, Đức đề nghị nới rộng giới hạn dao động xung quanh hối suất " trục " từ 2,5% ra 6%. Hầu như không một nước nào đồng ý. Pháp lo rằng nới ra 6% thì đầu cơ lại tấn công ngay, đồng frăng có cơ lại phải tụt xuống sát đáy, nhưng mà lần này thì chỉ còn có nước phá giá mà thôi.

Bàn đi lại mãi cho đến khuya thứ bảy, nảy ra một giải pháp khác : gây ra vấn đề là đồng Đức mã, vậy thì cho tiền Đức tạm thời ra khỏi SME. Thật thà mà nói, đó là giải pháp mà Pháp đã ngầm toan tính từ trước. Đức đồng ý. Nhưng Hoà Lan, Lục Xâm Bảo, Bỉ và Đan Mạch lại đặt yêu cầu, trong trường hợp đồng Đức mã ra khỏi SME, tiền của họ phải được ra theo. Bế tắc vẫn hoàn bế tắc, cho đến khi buổi họp bế mạc.

Tình trạng vẫn y như thế khi hội nghị các bộ trưởng tài chính bắt đầu họp ngày chủ nhật 1 tháng 8. Nhiều ý kiến quá trái ngược nhau. Suốt ngày hết họp tay đôi, tay tư lại họp toàn thể. Vẫn bế tắc. Cặp bài trùng Đức-Pháp nặng thì có

nặng thật, nhưng thương thuyết ở Bruxelles thì phải cả 12 bên đồng thuận mới xong.

Tám giờ tối, ai ai cũng nghĩ rằng đành đến phải để thả nổi toàn thể tiền tệ cộng đồng châu Âu mà thôi. Phái đoàn Anh mở cờ trong bụng. Đường lối Anh quốc đúng, mà đúng đã từ lâu, từ hồi tháng chín 1992 khi quyết định cho đồng bảng rời khỏi SME ! Có ý kiến nên cứ bình tĩnh tiếp tục bàn cãi, kéo dài qua đầu tuần sau cũng không sao. Mười hai giờ khuya chủ nhật ở Bruxelles đã là giờ mở cửa thị trường hối đoái ở Tokyo, ở Hồng Kông, ở Singapo sáng thứ hai thật đó, nhưng không hề chi : cứ ra lịnh đóng cửa đợi thương thảo kết thúc hãy mở lại. Các kỹ thuật gia vội giải thích cho thấy rằng đóng cửa thị trường hối đoái sẽ vấp phải khó khăn như thế nào. Thực ra ngày nay không còn khả năng đóng cửa thị trường nữa.

Khuya chủ nhật 11 giờ, kể như là cầm chắc phải khai tử SME . Buổi họp tạm ngưng. Để các phái đoàn điện về thủ đô của mình tham khảo ý kiến... Bỗng đâu sáng kiến mới xuất hiện. Dường như từ Paris thì phải. Đã không thể tránh được thả nổi toàn thể tiền tệ thì ta hãy tổ chức cho vào bên trong hệ SME. Nguyên tắc cứ giữ y như cũ. Nhưng tại sao mà chỉ giới hạn mức dao động ở 6%, đã mở thì mở cho trót, 10%, 20%...100%. Rốt cuộc, định ở mức 15%.

Một giờ sáng thứ hai, 2 tháng 8, các phái đoàn vào ngồi họp lại. Thống nhất ý kiến về tương lai của SME chỉ mất có vài phút. Không chạm tới những nguyên tắc căn bản của hệ SME, một hệ đã chứng minh khả năng suốt mười năm trường. Hối suất " trục " – chẳng hạn đối với tiền Pháp là 3,35 frăng/ 1 Đức mã – vẫn giữ nguyên như cũ : không một đồng tiền nào phải chính thức phá giá. Nhưng mức dao động tối đa quanh trục, trước đó qui định là 2,25%, thì cho nới rộng lên 15%. Như thế là trong thực tế là các nước trong cộng đồng được trả lại quyền tự chủ tiền tệ ; trong tình thế kinh tế suy thoái này ai cũng thấy đó có phần lợi cho mình. Tiền nào muốn theo sát Đức mã thì cứ theo, không gây trở ngại cho nước khác.

Hai giờ sáng thứ hai, thông cáo được chính thức loan đi.

Giải pháp khéo thật. Không một ai mất mặt. Bộ trưởng kinh tế Pháp Edmond Alphandéry có thể tuyên bố : *" Âu châu đã vượt qua cuộc khủng hoảng. Chúng ta giữ vững được nguyên tắc của cơ chế hối đoái, bất chấp hành vi phá hoại của bọn đầu cơ ... "*. Thủ tướng Pháp Balladur trong cuộc họp báo sáng thứ hai, 2 tháng 8, cũng nói rằng nhờ Pháp và Đức hoà hợp mới tìm ra giải pháp cứu sống SME, giải quyết được vấn đề nhất thời do đồng Đức mã gây ra.

Tiếng là không chết, nhưng trên thực tế kỷ luật SME trở nên lỏng lẻo tới mức bản chất hệ tiền tệ châu Âu có nguy cơ biến đổi. Quan niệm liên bang Âu châu thể hiện qua tinh thần hiệp ước Maastricht bị lay chuyển đến gốc rễ. Tiến trình xây dựng cộng đồng châu Âu chậm lại chưa biết là bao nhiêu năm. Không kể Ngân hàng quốc gia Pháp đã tiêu mất 300 tỷ (khoảng 50 đến 60 tỷ $US) trong trận bảo vệ đồng frăng này.

Đầu cơ thắng lợi, đánh bại Cộng đồng kinh tế Âu châu.

Điều này không làm ngạc nhiên. Những qui lệ ngăn chặn tài chính giao lưu qua biên giới quốc gia đã bị các biện pháp " giải lệ " (*déréglementation*) phá vỡ từ những năm 80, không còn gì cản trở tiền tệ tự do lưu thông khắp thế giới. Tài chính ngày nay giao dịch liên tục ngày đêm, suốt 24 giờ, không giây phút nào ngưng. Người điều khiển mua bán tiền tệ ngồi một nơi, trực tiếp tham dự từng phút từng giây cùng một lúc các thị trường Tokyo, Luân Đôn, Nữu Ước... Hàng tỷ đôla không ngớt di chuyển quanh trái đất với vận tốc của ánh sáng, nhờ phương tiện truyền tin hiện đại qua vệ tinh. Lưu lượng trao đổi hàng ngày trên thị trường thế giới là 1000 tỷ $US. Khi cần, tư bản tài chính có sức tức tốc tung ra mỗi ngày 600 tỷ, mà tổng số dự trữ hối đoái của tất cả các nước nhóm G7 giàu nhất thế giới cộng chung lại mới đạt 250 đến 300 tỷ.

Thị trường tài chính *toàn cầu hoá* vượt khỏi khả năng điều tiết, kiểm soát của bất cứ một quốc gia hay một khối thị trường nào. Tháng chín 1992, hai nước Anh, Ý đã nếm mùi thất bại, phải phá giá và rút tiền của mình ra khỏi SME. Trong một ngày, Georges Soros đầu cơ chống đồng bảng Anh thu lợi 1 tỷ $US. Lúc đó đồng frăng Pháp thắng được một trận. Nhưng đến trận này thì thực tế là cả khối Cộng đồng châu Âu đã phải thua đầu cơ.

Phải chăng đây là hiện tượng của một thời đại mới, thời kinh tế *toàn cầu hóa* (tiếng Anh *globalisation*, tiếng Pháp *mondialisation*) ?

Thị trường *toàn cầu hoá* là gì ? Doanh nghiệp *toàn cầu hoá* tổ chức ra sao ? Đặt ra những vấn đề gì ? Xin xem *" Khi thị trường trở thành toàn cầu hoá "*, trong số này.

**Bùi Mộng Hùng**

(tháng 8.1993)


Tìm đọc

# Hợp Lưu

**Tập san Văn học - Nghệ thuật - Biên khảo**

* Nơi quy tụ hầu hết các cây bút nổi tiếng của trong và ngoài nước.
* Nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam.

**Giá báo dài hạn :**

* Trong nội địa Hoa Kỳ và Canada :
Hạng tư : $18.00 (1/2 năm) - $ 36.00 (1 năm)
Hạng nhất : $24.00 (1/2 năm) - $ 48.00 (1 năm)
* Á châu, Úc châu, Âu châu :
Đường thuỷ : $24.00 (1/2 năm) - $ 48.00 (1 năm)
Hàng không : $34.00 (1/2 năm) - $ 60.00 (1 năm)

Xin gửi bằng Mỹ kim, ngoài Hoa Kỳ bằng International Money Order hoặc bưu phiếu, đề :
**Hợp Lưu Magazine**, P.O. Box 277,
Garden Grove, CA 92642, USA
Tel. và Fax : (714) 537-2468

Đại diện tại Âu châu :
M&Mme Lê Tất Luyện,
15 Place Souham, F- 75013 Paris. Tel. 45 83 19 12

# Khi thị trường trở thành *toàn cầu hoá...*

bùi mộng hùng

## Thị trường toàn cầu hoá

Mấy hôm sau khi tổng thống Mỹ Bill Clinton đắc cử, báo Wall Street Journal ngày 9.11.92 viết ngay trang nhất : " *Dù rằng không được dân cử ra, lại không tên tuổi mà phần đông cũng chẳng phải là dân Hoa Kỳ, thế mà những tay đầu tư tài chính, trên khắp thế giới, ngày nay nắm quyền hạn lớn chưa từng thấy – có lẽ cả quyền phủ quyết – trên chính sách kinh tế của Hoa Kỳ.* "

Trận chiến đồng frăng vừa qua (xem **Diễn Đàn** số này) là một ví dụ cụ thể minh hoạ việc thị trường toàn cầu hoá vượt khả năng điều tiết của chính trị.

Thật ra chiều hướng mở rộng kinh tế đã khởi xuất từ thế kỷ thứ 16, nhưng mỗi ngày mỗi tăng tốc. Từ giai đoạn *quốc tế hoá*, phát triển xuất khẩu đi khắp nơi. Đến giai đoạn *xuyên quốc gia*, các công ty đầu tư và đặt cơ sở ở nước ngoài. Giai đoạn *toàn cầu hoá* hiện nay có ba đặc điểm : *một là tính thống nhất của thị trường toàn cầu, hai là doanh nghiệp hình thành dạng màng lưới toả khắp thế giới, ba là trên mức độ toàn cầu không có thể chế thích nghi để điều tiết cho kinh tế và chính trị phụ thuộc vào lẫn nhau.*

Các thể chế cản trở hàng hoá giao dịch qua các biên giới quốc gia không ngớt bị triệt hạ, càng ngày càng gia tốc, từ khi Hiệp định toàn bộ về biểu thuế hải quan và thương mại (*Accord général sur les tarifs douaniers et le commerce*, GATT) được ký kết năm 1947. Rồi phương tiện giao thông mỗi ngày mỗi nhanh chóng, giá lại mỗi ngày mỗi hạ, lưu lượng giao dịch thương mại, tài chính bùng nổ từ những năm đầu 80. Rồi các biện pháp " giải lệ " (*déréglementation*) phá vỡ các qui lệ ngăn chặn giao lưu qua biên giới quốc gia. Doanh nghiệp vươn ra khỏi biên giới đất nước nguyên quán, phát triển khắp bốn phương trời. Đầu tư trực tiếp ở nước ngoài (theo định nghĩa của Quỹ tiền tệ quốc tế FMI là chiếm trên 20% sở hữu một doanh nghiệp ở ngoại quốc) không ngớt tăng, năm 1980 bằng 0,4% tổng sản lượng thế giới, đến năm 1990 tăng lên 1,1%. Năm 1992 đầu tư trực tiếp ở nước ngoài trên toàn thế giới đạt 181 tỷ $US. Với xu hướng trong giao dịch hiện nay lượng hàng hoá vật chất mỗi ngày mỗi giảm so với dịch vụ, dữ kiện tin học, viễn thông, thông điệp nghe nhìn..., hiện tượng toàn cầu hoá lại càng tăng.

Thị trường công nghiệp, thị trường thương mại, thị trường tài chính đan xen với nhau thành một thị trường thống nhất trên toàn cầu. Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa sụp đổ, thị trường thao túng một khu vực sản xuất và thương mãi duy nhất gồm toàn thế giới. Trên khắp năm châu thông tin trao đổi với vận tốc thời gian thực (*en temps réel*) chẳng khác ngồi đối mặt mà trao đổi với nhau nhờ vệ tinh và phương tiện viễn thông ngày nay. Dù rằng thế giới chia ba chân vạc thành ba khu vực tụ quanh các cực Bắc Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản là có thật, xu hướng này không loại bỏ tính cách thống nhất của thị trường toàn cầu ngày nay.

## Doanh nghiệp toàn cầu hoá

Doanh nghiệp đã biết nhanh chóng toàn cầu hoá. Trong quản lý, cái nhìn toàn cầu quyết định các khâu thực hiện, sản xuất, phân phối sản phẩm và dịch vụ. Miễn sao cho thu lợi và năng suất tối đa.

Trong những năm 70, các doanh nghiệp đa quốc gia là những con bạch tuộc, vòi đưa ra khắp nơi, nhưng tuỳ thuộc một cơ quan trung ương. Trung tâm đó có nơi định cư nhất định, xây dựng nên chiến lược rồi truyền lịnh đi khắp mọi nơi.

*Doanh nghiệp toàn cầu hoá ngày nay không còn trung tâm. Mà là một màng lưới gồm nhiều thành phần bổ sung cho nhau, phân tán trên khắp thế giới, tổ chức theo tính hợp lý thuần kinh tế.*

Trong kinh tế toàn cầu hoá, các khâu tư bản, lao động, nguyên liệu không một khâu nào tự nó còn là yếu tố quyết định nữa. Điều quan trọng là quan hệ tối ưu giữa cả ba yếu tố. Để tạo ra quan hệ đó các doanh nghiệp tìm cách khôn khéo khai thác thông tin, tổ chức lao động và vận dụng lý thuyết quản lý mới : tiết kiệm, nhờ tầm cỡ đạt mức tối ưu làm cho chi phí tương đối giảm, đặc biệt là phí tổn nghiên cứu mỗi ngày mỗi nặng ; phối hợp khai thác lợi thế riêng của mỗi vị trí trên thế giới cùng lợi thế đặc thù của xí nghiệp ; và bảo đảm sự có mặt của mình khắp mọi thị trường lớn trong hoàn cầu. Vì thế mà ta thấy hình thành những mạng lưới sản xuất và phân phối sản phẩm xuyên quốc gia. Nhờ phương tiện viễn thông ngày nay, các cơ sở trên khắp thế giới liên hệ gắn bó với nhau, quản lý và xử lý nghiệp vụ với thời gian thực.

Mạng lưới có thể qui tụ trong một doanh nghiệp duy nhất. Hitachi chẳng hạn tối ưu hoá phân bố hoạt động theo đặc điểm của vùng cơ sở của mình du nhập : sản phẩm đại chúng như máy ghi âm thì sản xuất ở các nước mới nổi vùng Đông Nam Á, còn sản phẩm cần kỹ thuật cao như vi mạch thì về phần các cơ sở ở châu Âu và ở Hoa Kỳ.

Mô hình " doanh nghiệp khổng lồ " toàn cầu hoá như trên không thịnh hành lắm. Xu hướng hiện nay là " giảm tầm vóc " (downsizing), giải các nhóm tổ hợp lớn thành vô số đơn vị tự trị, là tạo những mạng lưới cộng tác kỹ thuật giữa những doanh nghiệp độc lập về pháp lý. Chung sức thực hiện sản phẩm như trong công nghiệp hàng không, hình thành mạng lưới gia công như trong công nghệ dệt, hay kết thành những liên minh phức tạp như trong công nghiệp xe hơi. Một ví dụ cụ thể, Nissan lập kế hoạch thực hiện một kiểu cam nhông ở San Diego bang California Hoa Kỳ, khâu lắp ráp làm tại xưởng của công ty Ford tại bang Ohio, linh kiện thì sản xuất ở nhà máy của Nissan ở bang Tennessee và sau đó hai hãng Ford và Nissan đem bán xe ở Hoa Kỳ và ở Nhật.

## Toàn cầu hoá và hiện tượng " chuyển chỗ "

Dưới dạng tổ chức như nói trên, tư bản và mạng lưới sản xuất xuyên quốc gia trở nên vô cùng linh hoạt. Thấy có chốn thuận lợi là không ngần ngại chuyển chỗ cơ sở dù là cơ sở đó đang sản xuất rất tốt. Hiện tượng " chuyển chỗ "

(*délocalisation*) gây ra một loạt hệ quả.

*Đối với một quốc gia hay một địa phương điều quan trọng không chỉ còn là xuất khẩu sản phẩm và dịch vụ mà là phải thu hút và giữ lại được vốn đầu tư, bất cứ lúc nào cũng có thể " chuyển chỗ " mất dạng.*

Vốn đầu tư chọn đất lành để đậu theo hai xu hướng trái ngược nhau :

Một là ưa những vùng lao động lương thấp. Vì thế công nghiệp sản xuất quần áo may sẵn " chuyển chỗ " đến các nước ven biển Địa Trung Hải như Hy Lạp, Marốc... Vì thế mà dịch vụ ghi dữ kiện tin học tập trung vào các nước Á Đông như Phi Luật Tân, Ấn Độ...

Trong " *Báo cáo thông tin về hiện tượng chuyển chỗ các hoạt động công nghiệp và dịch vụ ra ngoài nước Pháp* " (Rapport d'information sur les délocalisations des activités industrielles et des services hors de France) Jean Arthuis lên tiếng báo động tại Thượng nghị viện Pháp (Sénat) ngày 3 tháng 6 1993 : " *Chỉ cần vài chữ cũng đủ gợi ra tầm nghiêm trọng của vấn đề. Lôgíc của hiện tượng " chuyển chỗ " đi đến mức tột cùng của nó là biến Âu châu thành một siêu thị rộng lớn chỉ dùng vào việc giao dịch, hàng hoá thì chế tạo ở nơi đâu khác* ".

Những nước phát triển có cơ sở để lo âu. Tuy nhiên một nước nằm trong vùng Đông Nam Á đang có khả năng thu hút một số hoạt động công nghiệp như nước Việt Nam ta chớ vội thấy thế mà mừng.

Một số lớn doanh nghiệp, như Adidas, như Nike, không xây dựng cơ sở sản xuất mà chỉ trưng ra một tên hiệu để thu thập sản phẩm do hàng nghìn cơ sở gia công làm ra. Nay ở nước này, mai đã bỏ sang nước khác tuỳ mức lương, tuỳ mức thuế suất. Người lao động bản xứ được trả lương bao nhiêu, điều kiện lao động ra sao, không phải là việc họ bận tâm. Xí nghiệp thế giới thứ ba bị họ bóc lột thường quay ra bóc lột lại những kẻ cùng khốn hơn : Madagascar lãnh gia công nhưng không làm, giao cho đảo Maurice gia công lại, có lợi hơn !

Và ngay tại những nơi thành công hào nhoáng, tiếng là được tư bản chọn làm nơi " chuyển chỗ ", xét kỹ lại trong cái lợi trước mắt có thể kèm theo cái di hại lâu dài cho xã hội. Theo báo **Time** số 10.5.93, trong số 8 700 " khu phát triển kinh tế " của Trung Quốc, không đầy 2% thực sự sản xuất, còn lại chỉ dùng làm bình phong cho " đầu cơ đất đai " , hàng chục triệu nông dân bị phú hào " mới " chiếm đoạt ruộng đất, tiền của tiêu tan hết rồi, trôi dạt từ tỉnh này đến tỉnh khác tìm miếng cơm nuôi miệng.

Xu hướng thứ hai, có phần trái nghịch với hướng trên : các doanh nghiệp ưu tiên đu nhập vào những vùng ven đô thị lớn, trình độ phát triển cao. Vì sẵn quần chúng lao động có trình độ, vì tầm vóc quan trọng của thị trường địa phương. Trong tương lai xu hướng này mà cứ tiếp tục như hiện nay thì quyền lực lọt vào tay các màng lưới doanh nghiệp xuyên quốc gia liên kết với các thế lực chính trị các đô thị-khu vực. Ngày nay kinh tế đã tụ quanh độ 30 đô thị lớn là những trung tâm đầu não thị trường và trao đổi hàng hoá thế giới. Đó là Luân Đôn, Nữu Ước, Tokyo, Mexico, Sao-Paulo, Séoul, Đài Bắc, Hồng Kông, Singapo, Paris, Lyon, Copenhague, Zurich, Milan, Munich... Và ngày mai có lẽ sẽ thêm Thượng Hải, Quảng Đông, Bombay, La Mã...

*Thị trường có mãi lực lớn, trình độ học thức lao động cao, đường xá, viễn thông, thiết bị hạ tầng thuận tiện là những điều thuận lợi quyết định hơn là lương lao động thấp. Thêm nữa, công nghệ rôbot hoá cũng đã giảm tầm quan trọng của lao động trên một số mặt hàng như xe hơi và một số thiết bị điện tử.*

Phương sách cho đất nước và dân tộc ta phát triển lâu bền là đầu tư cao độ và có hiệu suất vào giáo dục đào tạo, vào thiết bị giao thông vận tải, vào viễn thông, là không phí phạm viện trợ trong việc tạo ra hàng loạt " nhân công rẻ tiền " mà đầu tư cho người dân ta có trình độ, cho thiết bị cơ sở của ta thành hiện đại, là có chính sách công nghiệp xây dựng nên một mạng lưới doanh nghiệp phong phú, là có kế hoạch dài hơi cho đại đa số nhân dân được trù phú, mãi lực dân ta ngày thêm đáng kể. Có thế mới thu hút và giữ được vốn đầu tư.

## Chính sách quốc gia, pháp lý quốc tế đều bất lực

Trận chiến đồng frăng vừa qua cho thấy thị trường toàn cầu có khả năng phủ quyết chính sách của những quốc gia giàu mạnh nhất và làm cho kinh tế mất ổn định. Ngày nay, khủng hoảng tài chính và giao dịch chứng khoán, không sức nào kiểm soát nổi, có thể bùng lên bất cứ lúc nào.

Trong khi đó lợi về các công ty toàn cầu hoá thì nhiều còn các quốc gia chẳng thu được thuế khoá bao nhiêu. Vì không có cách chi ngăn cản doanh nghiệp toàn cầu hoá phân bố lợi nhuận nội bộ giữa các chi nhánh để giảm suất thuế đóng cho nước sở tại đến mức tối thiểu. Chưa kể phương tiện trốn thuế nhờ các thiên đàng thuế khoá. Tại một trong những thiên đàng đó, đảo Caiman, từ Miami đi tới mất có một giờ, số công ty đặt cơ sở định cư nơi đó cao bằng số cư dân – mười ba nghìn sáu trăm người. Và tiền ngoại quốc gởi ngân hàng tại cái đảo tí hon đó (260 tỷ $US) cao hơn tổng số gởi tại ngân hàng Đức.

Ngoài ra, bọn mafia, bọn buôn ma tuý có thể đầu tư ở nước ngoài mà không có phương cách gì ngăn chặn hữu hiệu được. Bọn đó biến đồng tiền bất nghĩa thành vốn tư bản trong sạch khá dễ dàng, trở nên chủ nhân một khu vực kinh tế xuyên quốc gia.

Liên hiệp quốc đã phải nhận xét rằng : " *Không gian pháp lý quốc gia ngày nay đã trở thành quá nhỏ hẹp để có khả năng kiểm soát hữu hiệu các doanh nghiệp đã toả hoạt động ra trên nhiều quốc gia, nhiều lục địa* ".

Mà thể chế quốc tế cũng bất cập : Những tiêu chuẩn quốc tế do BIT (Bureau International du Travail, Văn phòng lao động quốc tế) thảo ra – như " điều khoản xã hội " phải đi kèm theo với thương thuyết thương mại – không được tôn trọng. Thương thảo GATT hiện nay lại gần như không đề cập đến vấn đề đầu tư xuyên quốc gia.

## Vài vấn đề do thị trường toàn cầu hoá đặt ra

Chính trị bất lực. Pháp lý quốc tế bất lực. Trong khi một số vấn đề do thị trường toàn cầu hoá đặt ra lại vô cùng nghiêm trọng cho cả nhân loại.

1 Chủ nghĩa tư bản không phải là không có những mặt tích cực. Nó sản xuất ra của cải, nó khuyến khích đổi mới, kích thích hoạt động sản xuất. Nhờ doanh nhân có sáng

kiến, nhờ ngân hàng dám tài trợ, phải mạo hiểm cũng không ngại. Tinh thần người đầu tư sản xuất là dám nghĩ và nghĩ có kế hoạch dài hạn, dám làm và tìm cách sáng tạo nhất để chế tạo ra sản phẩm.

Khi chủ nghĩa tư bản phát triển thành thị trường toàn cầu hoá, thì tinh thần thị trường lấn áp tinh thần sản xuất. Sản xuất phải dựa vào kế hoạch dài hạn, thị trường thay đổi như chong chóng, thiên hẳn về ngắn hạn.

Kinh tế sản xuất nhường bước kinh tế niên kim (économie de rentes). Ngày nay, phần tài trợ hoạt động sinh ra sản phẩm của các ngân hàng gần như không đáng kể. Trong tổng số 1000 tỷ $US giao dịch hàng ngày trên thế giới chỉ có một phần cực nhỏ là để đầu tư vào sản xuất. Vì đặt tiền lấy lời là béo bở hơn cả. Thị trường toàn cầu hoá kích thích xu hướng này. Lãi suất vọt lên đến những mức lịch sử chưa từng thấy. Trả lãi cho vốn đầu tư trở thành gánh nặng cho những ai đi vào sản xuất, làm nhiều mà chưa chắc được ăn. Ngồi cho vay lấy lãi đã ăn chắc mà lại lợi nhiều. Georges Corm trong quyển **Le Nouveau désordre économique mondial** (Vô trật tự mới trong kinh tế thế giới, La Découverte Paris 1993) vạch rõ phần trách nhiệm của các ngành ngân hàng và tài chính quốc tế trong tình hình hư hoại của kinh tế thế giới ngày nay. Và nêu câu hỏi, phải chăng tư bản chủ nghĩa đang giết chết tư bản chủ nghĩa thứ " thiệt " ?

*Trong cơ chế thị trường toàn cầu hoá có những nhân tố cản trở phát triển kinh tế.* Làm cho tình hình suy thoái kinh tế các nước công nghiệp chậm phục hồi. Đối với các nước thế giới thứ ba nguy hại lại càng lớn hơn. Vì còn tròng thêm chính sách của Ngân hàng thế giới (Banque Mondiale) và Quỹ tiền tệ thế giới FMI. Cho vay và chấn chỉnh cấu trúc để " cứu trợ các nước nghèo ", nhưng căn bản là buộc các nước trong tình thế vỡ nợ phải trả vốn trả lời những số tiền vay trước đây. Trên thực tế, chuyện trớ trêu là các nước nghèo phải viện trợ cho các nước phát triển : riêng tiền lãi phải trả tính ra đã cao hơn tổng số tiền viện trợ và cho vay cộng chung lại. Từ 1986 đến 1990, các nước thế giới thứ ba và Đông Âu đã phải trả về cho FMI 31,5 tỷ $US.

2 Thị trường toàn cầu hoá truất hữu người sản xuất. Và gia nô hoá người tiêu thụ. Thuần dưỡng thị hiếu, thuần dưỡng tập quán. Để cho từ La Paz đến Ouagadougou, từ Kyoto đến Bangkok, từ Oran đến Amsterdam đâu đâu cũng tiêu thụ một loại phim ảnh, một loại xe cộ, một loại quần áo, một loại nước uống. Đài vô tuyến, đài truyền hình đâu đâu cũng truyền đi tin tức từ một nguồn mà ra, các chương trình, các bài ca bản nhạc rập khuôn với nhau. Kiến trúc khắp nơi na ná nhau, vật dụng gần giống nhau...

Cá tính đặc thù của mỗi dân tộc mỗi quốc gia, muôn màu muôn sắc biểu hiện khả năng sáng tạo vô cùng phong phú của con người trong tiến trình lịch sử, phải mai một đi. Nhường chỗ cho thị hiếu một lối, sở thích một chiều của một nền văn hoá nhạt nhẽo, tiêu chuẩn hoá theo một thị trường duy nhất.

*Thị trường toàn cầu hoá đang gia nô hoá văn hoá thế giới, đẩy con người vào tròng nô lệ cho thị trường.*

3 Thị trường chỉ biết phân biệt hai loại người. Người đủ sức tiêu thụ là người ở " trong " , không sức tiêu thụ thì loại ra " ngoài ".

Thị trường toàn cầu hoá tăng thu lợi, tăng năng suất. Và số người bị loại cũng tăng. Năm 1992, năng suất trung bình ở Hoa Kỳ tăng vọt lên 2,8%. Với tỷ số tăng năng suất đó, khả năng sản xuất lò cao ở trung tâm công nghiệp gang thép Gary, bang Indiana Hoa Kỳ, tăng 50%. Và sa thải 180 000 trên tổng số 440 000 lao động . Tháng 12. 1991, hai ngân hàng lớn ở Nữu Ước Chemical và Manufacturers Hanover sáp nhập với nhau, lợi tăng thêm 280 triệu $US. Và đuổi 6200 nhân viên.

Ranh giới ngăn chia " trong " , " ngoài " không theo biên giới quốc gia. Nước phát triển nào cũng có thế giới những kẻ bị loại của họ. Đó là thế giới của 40 triệu người nghèo " mới " ở các nước thị trường chung châu Âu. Của những người dân cùng khốn Hoa Kỳ phải lãnh food stamp (phiếu mua thức ăn với giá trợ cấp) do chính phủ liên bang cấp cho. Theo số báo **Time** ngày 15.3.93, trong ba năm số người này tăng 40% và tính đến tháng 12 năm 1992 lên đến 26,6 triệu người.Và dĩ nhiên đó là thế giới của đa số nhân dân các nước chậm tiến.

Tuy nhiên trong các nước đang phát triển này, một số ít người được hưởng ân huệ của thị trường toàn cầu hoá lại đứng về thế giới của những người " trong " thị trường.

Báo cáo **Global perspectives 2010. Tasks for Science and Technology, a synthesis report** (Viễn cảnh toàn bộ năm 2010. Nhiệm vụ của khoa học và kỹ thuật, một báo cáo tổng hợp, Thomas Whiston, chương trình FAST FOP, Commission des Communautés européennes, Bruxelles 8. 1992) dự đoán rằng đến năm 2020 cái thế giới bị vất ra " ngoài " lề này sẽ lên đến 7 tỷ con người.

Thị trường toàn cầu hoá đến đâu là sản sinh ra lớp người bị loại ra " ngoài " đến đó. Vì thế mà thị trường toàn cầu hoá hoàn toàn không có khả năng giải quyết nạn khủng hoảng xã hội khắp thế giới do chính nó sinh ra.

4 Thị trường toàn cầu hoá gia tăng nhịp độ khai thác. Tài nguyên (đất, nước, khí trời) chung của nhân loại kiệt quệ, không kịp hồi sinh. Tại sao mà những triệu chứng báo động cho sông cho biển, cho rừng núi, cho khí quyển bao quanh trái đất lại đồng loạt nổi lên ngày hôm nay ? Hệ sinh thái địa cầu có nguy cơ bị huỷ diệt vì sức phá hoại của tổng hợp tài chính – kỹ thuật mà thị trường toàn cầu hoá đang sử dụng một cách vô trách nhiệm vì mục tiêu vụ lợi thiển cận.

*Thế hệ đến sau sẽ phải chịu hậu quả, trả giá đắt cho cung cách ăn sổi ở thì của thị trường ngày nay.*

Thị trường toàn cầu hoá vuột khỏi khả năng kiểm soát của chính trị, của pháp luật quốc tế. Ngày nay guồng máy kinh tế chỉ còn biết tuân theo qui luật " cạnh tranh ", chỉ còn biết những mục tiêu riêng của nó. Mọi sinh hoạt khác của con người buộc phải phục tùng theo. Làm cho kinh tế mất cân bằng, xã hội khủng hoảng. Các nền văn hoá muôn màu muôn sắc của loài người bị san bằng để thay bằng một thứ văn hoá nghèo nàn duy nhất, biến con người thành nô lệ của thị trường. Con người bị chia ra làm hai loại mỗi ngày mỗi xa lạ nhau, dân chủ bị bóp nghẹt. Sinh thái địa cầu ở trên đà huỷ hoại, không đếm xỉa đến các thế hệ sinh sau.

Thị trường toàn cầu hoá là vấn đề thời đại của nhân loại, của địa cầu.

**B.M.H.** (tháng 8.93)

*Việt Nam, 23 năm sau*

# TRỞ LẠI CHỮ NGHĨA

***Robert KRAMER***

*Khi thất thế tên rơi đạn lạc*
*Bãi sa trường thịt nát máu trôi*
*Mênh mông góc bể bên trời*
*Nắm xương vô chủ biết nơi chốn nào (...)*
*Kìa những đứa tiểu nhi tấm bé*
*Lỗi giờ sinh lìa mẹ lìa cha*
*Lấy ai bồng bế vào ra*
*U ơ tiếng khóc thiết tha nỗi lòng.*

NGUYỄN DU, *Văn chiêu hồn* [1]

*« Khi lớn lên, tôi chẳng biết gì về cha mình cả. Tôi chắc mẹ tôi hiểu về cha tôi cũng ít. Cả đời cha tôi gắn với súng đạn, chiến tranh ».*

NGUYỄN HUY THIỆP, *Tướng về hưu* [2]

Tháng bảy 1992 ở Hà Nội, có một người tôi thiết tha muốn gặp. Đó là nhà văn Dương Thu Hương. Cách đây khoảng hai mươi lăm năm, chị chiến đấu ở vĩ tuyến 17 lúc đó là giới tuyến Nam Bắc, là vùng bị máy bay Mỹ oanh kích nặng nề nhất. Nhiệm vụ thanh niên xung phong của chị lúc bấy giờ là tìm kiếm và chôn cất tử thi sau mỗi trận bom Mỹ. Sau đó được tuyên dương và kết nạp vào Đảng cộng sản. Rồi đời chị cũng thay đổi, như người ta thay đổi khi nhìn lại cuộc đời chung quanh và buộc phải đặt lại vấn đề. Và chị đã trở thành nhà văn đáng kể như ngày nay, đồng thời là người ly khai về mặt chính trị. Năm 1991, bị bắt giam một thời gian. Tháng 7-1992, gần như không thể nào gặp chị.

Một đêm khuya, nghĩ rằng rồi có cách gửi thư đến tay Dương Thu Hương, nên tôi đã ngồi viết lá thư sau đây cho chị :

*« Thân gửi chị D. T. H.,*

*Tôi là người Mỹ, nhưng vì nhiều lẽ nên từ năm 1980 đến nay tôi sống ở châu Âu* (Pháp, chú thích của *Diễn Đàn*). *Tôi làm điện ảnh. Mùa hè năm 1969, tôi có sang Việt Nam, đến Hà Nội, với tư cách là khách mời, trong một đoàn đại biểu phong trào phản chiến, và để quay phim. Chúng tôi đã thực hiện một cuốn phim, nhan đề* **Chiến tranh nhân dân**. *Một phần cuốn phim này quay ở Vĩnh Linh. Nếu tôi không lầm, lúc đó chị cũng ở vùng này.*

*Có thể nói rằng tấm gương Việt Nam (hay ý kiến của chúng tôi về Việt Nam, và ý muốn của bản thân chúng tôi) đã tác động mạnh mẽ vào cuộc đời của chúng tôi.*

*Ngày nay, hai mươi ba năm sau, tôi lại trở về đây, và cũng để quay phim. Thật ra cũng không phải là một cuốn phim về Việt Nam, mà đúng hơn là về thời gian trôi qua, về sự lãng quên, về những biến đổi to lớn đã diễn ra, về diễn biến từ những hy vọng về một ngày mai tươi sáng chuyển thành một cái gì không phải như vậy. Song đây không phải là một cuốn phim chua chát hay hoài cổ. Nó sẽ xoáy quanh một khoảng trống, một sự hẫng hụt trong cuộc đời chúng tôi. Tôi cho rằng tôi đang làm một cuốn phim về sự khiếm diện, về sự bất lực của tôi trước câu hỏi :* " Tại sao mỗi ngày còn đứng dậy, còn đấu tranh chống lại sự ngu xuẩn ? Lợi gì cho cá nhân, cho tập thể ? Chẳng lẽ chỉ để sống còn và tiếp tục chiến đấu thôi sao ? ". *Câu hỏi ấy không chỉ liên quan tới Việt Nam. Mà tôi cũng rất khó suy nghĩ về Việt Nam... Một lần nữa, Việt Nam là một trường hợp ví dụ, một tấm gương phản chiếu.*

*Có lẽ tôi viết hơi dông dài, và quá huych toẹt chăng. Nếu vậy cũng vì tôi rất hâm mộ tác phẩm của chị. Tôi đã đọc* **Những thiên đường mù** *và* **Tiểu thuyết vô đề**. *Tôi đã bị* **Tiểu thuyết vô đề** *chiếm ngụ. Nó đã hướng dẫn cái nhìn của tôi mỗi khi tôi đi lại trong thành phố này. Và đêm đêm, trong từng hơi thở, tôi lắng nghe cái thế giới ngột ngạt của những con người bị chôn sống trong lịch sử của họ.* **Tiểu thuyết vô đề** *là một tập truyện lớn về chiến tranh.*

*Có lẽ vấn đề là ở chỗ đó. Bằng cách này hay cách khác, tôi muốn tiếng nói đó (của chị) có ở trong cuốn phim của tôi. Bởi vậy mà tôi viết lá thư này để chúng ta tìm ra cách nào chị có thể tham gia cuốn phim. »*

Lá thư này (giống như một thông điệp trong cái chai nổi trôi bập bềnh trên mặt biển chính trị của Hà Nội), tôi nghĩ, không tới tay Dương Thu Hương. Có tới chăng nữa thì

---

[1] Phong Châu và Nguyễn Văn Phú, *Văn tế cổ kim*, Nxb. Văn Hoá, Hà Nội, 1960. Người dịch cảm ơn ông bạn Tạ Trọng Hiệp trong vòng vài phút đã tìm ngay ra hai đoạn nguyên tác.

[2] *Đoàn Kết* số 395, tháng mười 1987, trang 18.

Robert KRAMER là nhà điện ảnh Mỹ, tác giả cuốn phim nổi tiếng *Ice and Milestone*. Năm 1969, ông đã sang Việt Nam, quay cuốn *Chiến tranh nhân dân*. Từ năm 1980, sống và làm việc tại Pháp để tránh Reagan. Năm 1988, ông trở về thăm Mỹ, thực hiện cuốn *Route One USA*. Bốn năm sau, ông trở lại Việt Nam, ở đây 3 tháng, thực hiện phim *Khởi điểm* (Point de départ / Starting Place). Phim này vừa ra mắt và được tặng giải ở festival điện ảnh Locarno (Thuỵ Sĩ, tháng 8.1993). Cùng chiếu tại Locarno, là 4 cuốn phim tư liệu Việt Nam, trong đó có *Chị Dung* của đạo diễn Đào Bá Sơn (TP. Hồ Chí Minh).

Được biết đài truyền hình Pháp ARTE dự định sẽ chiếu phim *Khởi điểm* của R. Kramer trong khoảng tháng 11.93, cùng ngày với phim *From Hollywood to Hanoi* của Tiana Thị Thanh Nga (xem *Diễn Đàn* số 20).

*Diễn Đàn* cảm ơn R. Kramer đã cho phép trích dịch bài bên đây từ 22 trang bút ký tựa đề *Coming (back) to Words*.

Bản dịch này cũng đã được chuyển, theo yêu cầu của R. Kramer, tới tay nhà văn Dương Thu Hương, *người đàn bà vắng mặt* trong phim *Khởi điểm*.

cũng chẳng đi tới đâu, vì lúc đó, Dương Thu Hương bị theo dõi chặt chẽ, bị cách ly và cấm đoán tiếp xúc với người ngoại quốc kiểu như tôi. Cho nên trong phim của tôi không có hình ảnh Dương Thu Hương, không có tiếng nói của chị. Cho dù trong phim tôi đã quay cảnh một ngăn toa tàu trống vắng, trong một chuyến xe lửa. Dự định trước đó của tôi là chị ngồi đó và nói chuyện với tôi. Trong phim không có chị, nhưng có trích đoạn ***Tiểu thuyết vô đề***. Cuốn tiểu thuyết này cho tới nay chưa hề được xuất bản ở Việt Nam, mà mới chỉ có bản dịch Pháp văn được xuất bản ở Pháp [3] (...).

Năm 1969, đoàn chúng tôi sang Việt Nam là phải đi từ Mỹ một cách bí mật. Trở về, chúng tôi được FBI, CIA và cục tình báo quân đội dàn chào. Lần này, xuân 1992, chúng tôi đi Việt Nam là đi công tác, do Bộ ngoại giao Pháp cử đi. Nhiệm vụ của chúng tôi là giúp đỡ Việt Nam về điện ảnh, cụ thể là mở khoá bồi dưỡng cho 25 nhà điện ảnhViệt Nam. Dự định là Richard Copans (nhà sản xuất và quay phim, chú thích của toà soạn), Olivier Schwob (kỹ sư âm thanh), Ruben Korenfeld (nhà sản xuất và dựng phim) và tôi giúp các đồng nghiệp Việt Nam sản xuất 4 cuốn phim 20 phút. Quà chúng tôi mang sang là một máy quay mới, một Nagra, một DAT, một lô phim sống 35 li, trình độ kỹ thuật và ý muốn thật sự hợp tác. Và chúng tôi cũng muốn thực hiện một cuốn phim.

Quá trình làm bốn cuốn phim tài liệu Việt Nam là giai đoạn lý tưởng để *chọn cảnh* (repérage) cho phim ***Khởi điểm***. Bởi vì chúng tôi sống chung với các đồng nghiệp Việt Nam, chứng kiến sự trăn trở của họ trong quá trình làm phim, chọn lựa hình ảnh, chọn cách thực hiện, quan sát quá trình ấy giúp tôi hiểu ra nhiều điều. Nhưng không phải chỉ có vậy : những nơi chúng tôi đi quay, những người chúng tôi gặp, cũng rất có ý nghĩa.

Chẳng hạn như Cầu Long Biên. Khi được biết một êkíp làm phim đã chọn cầu Long Biên làm đề tài, tôi thật mừng. Cầu này nối Hà Nội với hải cảng của miền Bắc là Hải Phòng. Nó được người Pháp xây từ cuối thế kỷ trước. Năm 1954, khi những tù binh Pháp từ Điện Biên Phủ trở về đi qua cầu này, nó còn mang tên toàn quyền Paul Doumer. Năm 1969, khi tôi đặt chân tới Hà Nội, Cầu Long Biên là một trong những biểu tượng tăm tiếng nhất của cuộc kháng chiến chống lại ưu thế công nghệ của Hoa Kỳ. Hơn 260 000 tấn bom đã đổ xuống đây để chỉ đánh sập một cái cầu này (gấp đôi tổng số tấn bom ném trên nước Nhật trong Thế chiến lần thứ nhì). Thế nhưng đường giao thông qua cầu gần như không hề bị gián đoạn, và 358 máy bay Mỹ đã bị bắn rơi. Đó là những con số vô tiền khoáng hậu. Dễ hiểu là năm ấy, chúng tôi muốn được quay cầu Long Biên, và cố nhiên, bộ máy an ninh quân sự của Việt Nam không chịu để cho chúng tôi quay chụp hình ảnh chiếc cầu thép xám đen bắc ngang sông Hồng, dài như bộ xương của một con trăn khổng lồ.

Khoảng bốn, năm triệu người Việt Nam đã bỏ mình trong cuộc chiến tranh can thiệp của Hoa Kỳ. Trong đó có khoảng 300 000 người chính thức được coi là mất tích. Phải nói thêm : cuộc chiến tranh đó không có trận tuyến đơn giản. Nó diễn ra ở khắp nước, đâu đâu cũng là mặt trận. Tôi nhắc lại điều đó vì chiến tranh thường xuyên trở lại trong hồi ức của tôi. Như một thực thể đã chôn sâu mà vẫn hiển hiện khắp nơi, trong tấm thép thành cầu Long Biên, trong lỗ đạn giữa mặt gương Nhà hát lớn, trong lòng người. Trong xương thịt (theo nghĩa đen, như mảnh bom bi, mảnh đạn còn nằm trong người, những thay đổi về gien di truyền do chất độc hoá học mà cho đến nay người ta cũng chưa biết hết hậu quả, hay những vết sẹo mà thoạt trông lắm khi tôi không liên tưởng ngay tới chiến tranh). Và trong trí nhớ của mỗi người. Mặc dầu, nếu tôi không cố tình gợi chuyện, thì cũng chẳng ai chủ động mang chuyện quá khứ — chuyện chiến tranh, chuyện trách nhiệm — ra mà nói. Trong ý nghĩa đó, việc Mỹ tiếp tục chính sách cấm vận đối với Việt Nam là cả một sự bần tiện vô lý, một thứ ưu quyền độc đoán của kẻ giàu sang thần thế. Thái độ của Việt Nam trong vấn đề này rất là *business* : " Chúng ta hãy làm ăn với nhau ". Làm ăn đây là làm áp-phe, làm business, làm kinh tế thị trường tự do. Có lẽ cái tinh thần duy vật chủ nghĩa, thực dụng chủ nghĩa ấy, cái cách tìm giải pháp sống còn trong một bối cảnh biến chuyển nhanh chóng như vậy không phải chỉ đơn thuần là một đặc tính của người Việt Nam, mà còn là một cách hiểu họ đã chiến đấu, và chiến thắng, ra sao.

Đội làm phim về cầu Long Biên đã quay một xí nghiệp tư nhân đang vớt những mẩu thép từ thời Pháp thuộc đã bị bom Mỹ chôn vùi dưới gầm cầu. Họ đào bới bãi cát, nhặt từng mẩu, từng thanh, chất đống rồi chở ra bán kí ở thị trường tự do. Đối với tôi, đây là một điển hình. Lịch sử, Hiện tại đều có cả ở đó, thêm một chút mỉa mai. Mặc dầu đạo diễn Việt Nam chỉ quan tâm tới cảnh này như một thí dụ về xí nghiệp tư nhân cỡ nhỏ trong bối cảnh quá độ sang thị trường tự do.

Một thí dụ nữa về chuyện làm phim tài liệu : một đạo diễn từ Thành phố Hồ Chí Minh (Sài Gòn cũ) chọn đề tài là một nữ diễn viên múa balê bị xe lửa chạy ngang thành phố Hà Nội nghiến cụt hai chân. Một thứ *fait divers* mọi người đều biết. Tại sao đạo diễn lại chọn đề tài này là cả một điều khó hiểu. Tôi nhờ dịch kịch bản và thảo luận khá lâu mà vẫn không nắm rõ ý đồ của anh. Bây giờ cũng vẫn thế. Nhưng đối với tôi, đó cũng là một điển hình có ý nghĩa : Việt Nam đang kinh qua một thời kỳ chuyển tiếp bạo liệt. Cấu trúc chính trị, pháp lý và đạo đức của " chủ nghĩa xã hội " đang nhường chỗ

*Tin Mừng*

Được tin đôi bạn

*Vũ Quỳnh Như & Dương Mạnh Hải*

đã làm lễ thành hôn ngày 14.8.1993 tại chùa Giác Minh (*East Palo Alto*, California),
*Diễn Đàn* xin chúc hai bạn trăm năm hạnh phúc và xin chúc nhà văn Vũ Quỳnh N.H. sáng tác ngày một hưng phấn.

---

[3] Một bản tiếng Việt đã được nhà xuất bản Văn Nghệ (California) công bố năm 1991. Xem bài phê bình " *Tiểu thuyết vô đề* và người đàn bà vắng mặt " của Đặng Tiến trong *Diễn Đàn* số 1 (10.91).

# Điện ảnh Việt Nam SOS

Trong phim ***Khởi điểm*** của R. Kramer, có cảnh tranh luận say sưa giữa đạo diễn trẻ Lưu Trọng Ninh (con trai nhà thơ Lưu Trọng Lư) và mấy đồng nghiệp chung quanh vấn đề quá khứ và hiện tại, ngộ nhận, xung đột giữa thế hệ trẻ và thế hệ đi trước. Đó cũng là đề tài của phim ***Hãy tha thứ cho em*** của tác giả ***Canh bạc*** (xem *Diễn Đàn* số 19). ***Hãy tha thứ cho em*** do một tư nhân đầu tư sản xuất (tuy dưới danh nghĩa xưởng phim quốc doanh). Để cho phim có thể ra mắt công chúng, Lưu Trọng Ninh đã chấp nhận cắt bớt một số đoạn " gay go ", và cuốn phim đã được " duyệt ". Công chúng Hà Nội, nhất là tuổi trẻ, đã đón nhận cuốn phim một cách sôi nổi. Vào đến Thành phố Hồ Chí Minh, khán giả chưa kịp xem, thì cuốn phim đã gặp phản ứng của bộ máy. Sau đó, ông Trần Hoàn, bộ trưởng văn hoá, đã đích thân xem phim, và quyết định cấm, đòi cắt thêm 4 đoạn.

Vì muốn bảo đảm sinh kế cho đội làm phim, Lưu Trọng Ninh lại nhận cho cắt thêm, để cuốn phim được phép chiếu ở Việt Nam. Song anh không nhận ra đứa con tinh thần của mình trong cuốn phim bị cắt đi cắt lại như vậy. Và anh từ chối, không chịu để tác phẩm què cụt này đi dự những liên hoan điện ảnh quốc tế.

Búa chính trị, đe thị trường. Trên đe dưới búa, điện ảnh Việt Nam đang báo động đỏ. Trung bình mỗi năm, cho đến nay, sản xuất khoảng 20 cuốn phim truyện (băng nhựa). Ngay năm ngoái, số phim sản xuất lên tới con số kỉ lục : 31 cuốn . Thế mà 6 tháng đầu năm nay, chỉ sản xuất được vỏn vẹn 1 (**một**) phim truyện. Thuộc loại SBC (săn bắn cướp, tức là phim *kungfu*).

**Kiến Văn**

cho cơ chế vận hành của thị trường tự do, của một thứ chủ nghĩa tư bản tàn nhẫn hơn là chủ nghĩa tư bản mà chúng ta quen biết ở phương Tây ngày nay.

Trở lại vụ tai nạn xe lửa nói trên, vấn đề là không biết căn cứ vào đâu để quy định trách nhiệm. Không có luật, bộ dân luật chưa soạn xong, cơ cấu điều tra và phán quyết không có. Cũng như kinh tế đang ở giai đoạn *quá độ*, các khái niệm như *cá nhân, trách nhiệm, điều tra công khai* cũng đang *quá độ*.

(Theo tôi hiểu, đang có phương án soạn lại các bộ luật, tôi không rõ hiện nay tới đâu rồi. Định ra luật lệ mới, xây dựng lại kinh tế xã hội vốn đã là điều khó. Đằng này, Đảng cộng sản lại muốn duy trì sự kiểm soát chính trị của mình trong khi mở cửa thị trường cho sự cạnh tranh, thì vấn đề càng trở nên phức tạp. Đây là mô hình Trung Quốc. Với các tấm gương Đài Loan, Singapore và Nam Triều Tiên. Lại phải tính tới các đòi hỏi của Hoa Kỳ, của Quỹ tiền tệ quốc tế, của Ngân hàng thế giới).

Bằng chứng rằng đạo diễn phim ***Chị Dung*** (tên nữ diễn viên múa balê) đang mở nắp hộp Pandora, đang phạm huý, là một tín hiệu đến thẳng từ Bộ văn hoá, cấm anh không được kể lại tình tiết tai nạn xe lửa. Còn Tổng cục đường sắt (cơ quan Nhà nước) thì không chịu tiếp đoàn làm phim. Rồi anh chồng chị Dung, chắc đã bị áp lực dữ dội, nên lúc đầu sốt sắng đòi được quay đứng trước những cơ quan trách nhiệm của đóng then cài, đột nhiên đã từ chối hợp tác. Mỗi ngày thêm một chuyện, rõ ràng là có âm mưu phá hoại, ngăn chặn việc thực hiện cuốn phim. Nhưng, như thường lệ, mọi sự việc diễn ra một các mờ ảo, nhập nhoè, nhập nhằng... y như xem một cái băng video xấu, người không ra người, cảnh không ra cảnh.

Một hôm đội làm phim đang quay thì tôi tới, thấy họ xếp chị nữ diễn viên ngồi trước máy tivi xem đoạn hình ảnh video duy nhất còn lưu lại : cảnh chị đang múa balê. Cuộn băng cátxét không biết đã bị tam sao thất bản nên hình ảnh mờ mờ ảo ảo như những bóng ma, nhưng cũng nhận ra đó là cảnh tập dượt trong một phòng múa trống không ở Nhạc viện Mạc tư khoa, là nơi chị được gửi sang học nhiều năm và được coi là một học viên đầy hứa hẹn. Nhạc là một bài valse của Chopin, như các lớp múa thường sử dụng. Hình ảnh chị Dung nhảy, múa như thoát ra khỏi mặt màn ảnh như từ dưới sâu đáy biển thời gian, trồi bật lên. Chị được gửi sang Liên Xô học lúc đó đang chiến tranh. Được đi lúc đó phải là một " phần tử trung kiên ", " gương mẫu ", và chị Dung coi đó vừa là vinh dự lớn lao, vừa là trách nhiệm nặng nề. Nhảy, múa là gì nhỉ, nếu không phải là vận động, chuyển dịch ? Ôi, năm tháng đã trôi qua...

Bỏ qua mọi tình tiết chung quanh câu chuyện chị Dung bị cụt hai chân, và bất luận anh bạn đạo diễn muốn gởi gắm thông điệp gì trong cuốn phim, riêng tôi tìm thấy trong câu chuyện này một hình tượng ý nghĩa về cảm nhận, ý thức về thời gian, về diễn biến qua thời gian của sự vật. Cái vực thẳm phân cách quá khứ và hiện tại ấy, bạn có thể tìm nó ở bất cứ đâu. Nhưng điều mà tôi quan tâm không phải là xem những đổi thay, biến thiên đó phản ánh thế nào lên các cơ chế, cơ cấu xã hội, chính trị chẳng hạn, mà tôi quan tâm tới dấu vết của chúng trong con người ta, nơi một con người cụ thể, với trí nhớ của con người đó, với những hồi ức còn nguyên vẹn, hay lõm bõm, trống trơn. Một cái gì dường như đã khiến tôi đêm đêm một mình trong căn phòng khách sạn, cứ đứng dạy mà đi, đi như chạy, trong không khí nóng nực, trong tiếng ve sầu râm ran như tiếng kim khí đặc biệt của ve sầu Hà Nội, người tôi đẫm mồ hôi, mồ hôi vì rượu, vì cái nóng hừng hực của đêm Hà Nội, cố nhiên, nhưng còn vì cái hừng hực nội tâm, do sự ma xát, do sức ép của những biến cố dồn dập, những ý tưởng đối chất nhau, của nghiệm sinh, của những chân trời thu hẹp lại, vào những năm tháng chót của cái thế kỷ *vô tâm* này.

**Robert KRAMER**

(bản dịch của KIẾN VĂN)

ĐẶNG TIẾN

# những mấy ngàn dâu

Trên *Diễn Đàn* hai số 20 và 21 (tháng 6 và 7.1993) vừa qua, bạn Nguyễn Trọng Nghĩa, nhân chuyện Khổng Lồ và Không Lộ, có " *nêu ra một vài thắc mắc* " về nguồn gốc và ý nghĩa chữ ***ngàn*** và mong bạn đọc góp ý. Tôi xin nhắc lại lời giải thích của giáo sư Hoàng Xuân Hãn khi hiệu đính sách ***Bích Câu kỳ ngộ***, nguyên tác chữ Hán được gán cho Đặng Trần Côn (1710-1750), bản Nôm viết thời Minh Mạng, không rõ của ai. Đoạn đầu tả cảnh phường Bích Câu tại Hà Nội, câu 13 : " *xanh xanh dãy liễu ngàn thông* ".

Bác Hãn giải thích : « ***Ngàn*** *trỏ bờ đất bên sông hồ, bởi chữ* ***ngạn*** *biến âm ra ; chứ không phải là rừng sâu trong núi* ». Cuối sách ở *Phần tự vị*, bác giải thích rất rõ : « *Ngoài nghĩa là* nghìn, *tiếng* ***ngàn*** *còn là biến âm của hai chữ Hán :* ***nguyên*** *là* nguồn *và* ***ngạn*** *là* bờ. ***Ngàn*** [1] *là nguồn, ví dụ* sông Ngàn Sâu, sông Ngàn Phố *và* sông Ngàn Cả *họp lại thành sông Lam ở Nghệ Tĩnh. Vì nguồn ở trong núi rừng xa, cho nên* ***ngàn*** *cũng trỏ rừng núi ở xa, ví dụ :* chớp bể mưa ngàn, hạc nội mây ngàn. ***Ngàn*** [2] *là bờ, đường đắp cao, bờ sông cao.* ***Chinh phụ ngâm*** *có :* Thấy xanh xanh biết mấy ngàn dâu. *Đó là lời dịch về chữ Hán :* Thanh thanh mạch thượng tang *; nghĩa đen là : xanh xanh dâu trên bờ ruộng. Huyện Đông Ngạn thường nói* Đông Ngàn... » [1].

Nguyễn Huy Lượng trong ***Tụng Tây Hồ phú*** (1801) tả cảnh Hồ Tây :

*Kề bến nọ, quán Thiên Niên lớp xớp*
*Cách ngàn kia, ghềnh Vạn Bảo nhấp nhô*
*Toà Kim Liên sóng nổi mùi hương...*

(Quán Thiên Niên ở Quán La, ghềnh Vạn Bảo ở khúc sông Cái gần Hồ Tây, chùa Kim Liên ở Nghi Tàm). Chữ ***ngàn*** có nghĩa là bờ (hồ Tây). Ca dao Hà Nội có câu :

*Muốn than mà chẳng gặp chàng*
*Kìa như đá đổ bên ngàn hồ Tây*
*Đá đổ còn có khi đầy*
*Thương chàng biết thuở nào khuây, hỡi chàng*

Những ví dụ này chứng tỏ chữ ***ngàn*** [2] có nghĩa là bờ, do chữ Hán ***ngạn*** mà ra. Nhưng nghĩa này ít thông dụng nên không có trong nhiều từ điển, như **Từ điển tiếng Việt** của Hoàng Phê (1988), hay **Từ điển Việt Pháp Hoa** xưa hơn (1937) của Gustave Hue. Tuy nhiên cả hai nghĩa bờ bãi, rừng núi đều có trong **Việt Nam quấc âm tự vị** của Huình Tịnh Paulus Của (1895-96). Như vậy, chữ ***ngàn*** = *bờ* là từ cổ, ít thông dụng, ngày nay bị chữ ***ngàn*** = *nguồn, rừng núi* khuất lấp, và nhiều người hiểu theo nghĩa sau. Do đó, khi giải thích câu Kiều " *Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh* ", những học giả uyên bác như Đào Duy Anh (*), Lê Văn Hoè đều hiểu ***ngàn*** là rừng, và từ đó, ***dâu*** có nghĩa là *cây dâu lớn* (*du*) như trong câu " *bóng dâu đã xế ngang đầu* ", chứ không phải *cây dâu nhỏ* (*tang*) trồng để nuôi tằm — tuy rằng hai ông đều có nhắc đến " *mạch thượng tang* " của ***Chinh phụ ngâm***.

Vịnh Kiều, Chu Mạnh Trinh có câu thơ diễm lệ :

*Dãy hoa nép mặt gương lồng bóng*
*Ngàn liễu rung cương sóng gợn tình*

*Ngàn liễu* là bờ liễu bên đường. Nguyễn Khuyến có dùng chữ " *ngạn liễu* " trong một câu đối nổi tiếng viết cho hàng thịt lợn. Bà Huyện Thanh Quan có câu thơ :

*Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi*
*Dặm liễu sương sa khách bước dồn*

Bài thơ tả cảnh đồng bằng, có cả " *ngư ông về viễn phố* " thì chữ *ngàn mai* nên hiểu là hàng mai bên đường, hợp lý hơn là rừng mai.

Chúng ta lấy vội ra nhận định này : nhiều câu ***Kiều***, ***Chinh phụ ngâm*** được truyền tụng, chúng ta chỉ hiểu lờ mờ, thậm chí hiểu sai. Trong văn thơ, trước hết chúng ta cần hiểu đúng — rồi từ chỗ đúng đó, tha hồ nới rộng nhiều cách hiểu khác, theo âm vang của từ ngữ và tuỳ theo văn cảnh. Nhưng trước tiên, điểm tựa phải chính xác.

*Ngàn dâu* còn gọi là *bờ dâu*. Bờ sông, bờ ruộng, hay bờ rào. Bài hát ***Quê em*** của Nguyễn Đức Toàn tả cảnh : *miền trung du... dâu bờ xanh thắm... nong tằm chín lứa tơ.*

Quang Dũng, trong những trang tuỳ bút tuyệt vời về núi Tản Viên, trong ***Nhà đồi***, có dùng chữ *ngàn dâu* :

« *Tỉnh Hà Tây vốn nổi tiếng về những ngàn dâu (A) ven sông Đáy, ven sông Đà, ven sông Hồng... Miền núi rừng Bất Bạt bỗng nhiên trở thành nơi thí điểm cho dâu lên núi. Cái triển vọng của những ec-ta đồi núi xanh mướt ngàn dâu (B) bên cạnh những sở nuôi tằm, những khung dệt lụa hiện đại là cái triển vọng có thể trông thấy được (...) Rất nhiều gốc dâu, người tản cư mỗi chuyến về làng lại đem lên làm bờ rào, cắm chuồng gà* ». Đồng thời, tình cờ, ở Ba Vì cũng có cây dâu lớn (du), « *một ngày một ngả bóng dâu tà tà* » [3].

Chữ *ngàn dâu*, Quang Dũng dùng lần đầu (A) có nghĩa là bờ dâu, lần thứ nhì (B), có thể hiểu hai cách : bờ dâu hay rừng dâu ; lần cuối cùng, ông tả cây dâu trồng ở bờ rào.

Chữ ***ngàn*** nghĩa là ***nguồn***, do âm Hán Việt ***nguyên***, ngày nay còn thông dụng trong nghĩa *rừng núi xa xôi*, không cần được giải thích dài dòng ở đây.

Chữ ***ngàn*** nghĩa là ***nghìn*** cũng rõ nghĩa. Trong lối nói văn vẻ, ta thường dùng những thành ngữ *ngàn dặm, ngàn trùng, ngàn xưa, ngàn năm một thuở* là do ảnh hưởng của chữ Hán. *Ngàn dặm* do chữ *thiên lý*. Trong ***Tự tình khúc***, Cao Bá Nhạ có câu thơ cảm động gợi cảnh nhớ nhung xa cách :

*Vầng trăng khuyết về miền vân thuỷ*
*Soi những người thiên lý tương tư*

*Nước mây ngàn dặm*, nhớ nhau đến mòn cả vầng trăng...

Câu thơ Đặng Trần Côn trong Chinh phụ ngâm :

*Trượng phu thiên lý chí mã cách*

được dịch vừa sát vừa hay :

*Chí làm trai dặm ngàn da ngựa*

Câu thơ đặc sắc nhờ những âm luyến láy và nhờ đảo ngữ *dặm ngàn*, gợi cảm và gợi cảnh hơn là *ngàn dặm* là một thành ngữ mòn sáo. Có lẽ từ đó, ta có thêm câu Kiều

*Dặm ngàn nước thẳm non xa*

Vẫn những nguyên âm, phụ âm luyến láy mỗi lúc một nới rộng không gian, làm nổi bật số phận bé bỏng, mong manh của Thuý Kiều

*Biết đâu thân phận con ra thế này*

Và điều chúng tôi muốn nói ở đây là : chữ *dặm ngàn* trong hai câu *Kiều* và *Chinh phụ ngâm*, ngoài cái nghĩa lượng số *một nghìn* ra, nếu ta hiểu là *rừng núi xa xôi*, thì vẫn hợp lý và có khi còn... hay hơn. Người đọc có khi bị âm vang một câu thơ, một chữ trong thơ mê hoặc và để lòng lìa ngó ý.

Bài ***Màu thời gian*** của Đoàn Phú Tứ nổi tiếng trong thơ mới, có câu

*Ngàn xưa không lạnh nữa, Tần Phi...*

Chữ *ngàn xưa*, bắt nguồn từ chữ *thiên cổ*, bỗng loang dần ra, như hơi lạnh từ thời gian thấm dần, lan rộng ra không gian. Ngược lại

*Nghìn trùng e lệ phụng quân vương*

Chữ *nghìn trùng* chỉ không gian bao la lại xoáy xuống thời gian, thâm sâu, đau đớn. Có lẽ vì những từ kiểu cách, cổ kính chung quanh, đặc sắc nhất là chữ *phụng* rất sáng tạo. Cùng một nghĩa, mà chữ ***ngàn*** thoảng qua, thoáng rộng, mênh mông ngọn gió, trong khi chữ ***nghìn*** đâm xuống như một mũi kim đau nhói. Bây giờ ta thử đặt lại hai câu thơ trong văn cảnh, những cảm xúc nói trên sẽ hiện ra rõ hơn nữa :

*Ngàn xưa không lạnh nữa, Tần Phi*
*Ta lặng dâng nàng*
*Trời mây phẳng phất nhuốm thời gian*
*... Nghìn trùng e lệ phụng quân vương*
*Trăm năm tình cũ lìa không hận*
*Thà nép mày hoa, thiếp phụ chàng*

Từ những chữ *ngàn trùng, ngàn dặm, ngàn xưa*, nhà thơ có thể viết :

*Xa hỡi ngàn xa bóng nhạn chìm*

HOÀNG TRÚC LY

*Ngàn xa* là một sáng tạo, nhưng nghe quen thuộc : như niềm nhớ nhung vừa hoang mang vừa tha thiết, như tiếng gọi thầm vang lên rồi tắt ngấm. Nhịp thơ chậm, rời rã, lạc loài, xa vắng.

Tóm lại, trong văn thơ, một chữ, ngoài ý nghĩa bình thường mà ta có bổn phận phải quy định, còn có âm vang vượt ra khỏi biên giới của từ vựng. Chữ *ngàn* có ba nghĩa, ba nguồn gốc khác nhau, làm thành những vòm sáng giao thoa với nhau. Chất thơ lung linh giữa những vòm sáng ấy. Nó lưu luyến, chập chờn, lần lữa, *cho ngày sau lơ lửng với ngày xưa* [4].

ĐẶNG TIẾN
8.1993

**BỔ CHÚ :**

Trong hai bài báo dài, bạn Nguyễn Trọng Nghĩa có nêu lên thuyết : chữ nôm Khổng Lồ do tên sư Không Lộ mà ra. Nhưng cũng có thuyết nói ngược lại : Phật giáo tiếp thu truyện Khổng Lồ trong nhiều truyền thuyết dân gian có từ thời cổ, để biến thành Phật thoại, cũng như Đạo giáo đã tiếp thu truyền thuyết Trăm con và gán vào đó cái tên Lạc Long Quân và Khổng giáo gán vào nguồn gốc vua Thần Nông bên Tàu : « *Cái tên Không Lộ của nhà sư có thể là biến âm của cái tên Khổng Lồ. Đây là một xu hướng phổ biến có hai mặt mâu thuẫn thống nhất : Phật hoá truyện dân gian và dân gian hoá truyện Phật. Lý do là đạo Phật muốn dễ dàng cắm rễ trong dân gian để tồn tại bền vững, đồng thời nhân dân cũng muốn Việt hoá đạo Phật cho thích nghi với những tín ngưỡng rất thực tiễn của mình* » (Cao Huy Đỉnh, ***Hình tượng Khổng Lồ (...) trong truyện cổ dân gian Việt Nam***, trong *Truyền thống anh hùng dân tộc*, nhiều tác giả, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1971, tr. 94).

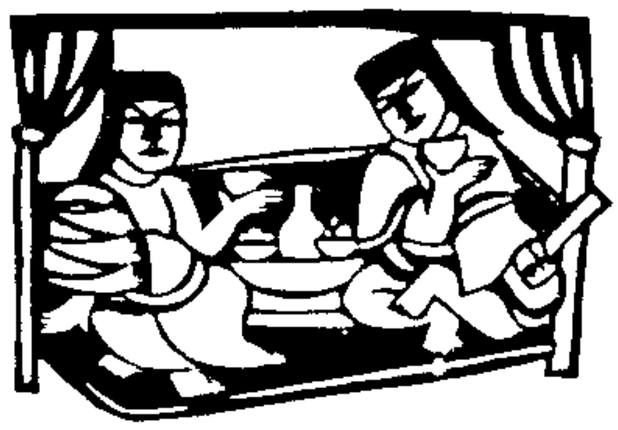

[1] ***Bích Câu kỳ ngộ***, Nhà xuất bản Đại học Huế, 1964, tr. 151, có chụp và in lại tại Pháp.
[2] ***Ca dao ngạn ngữ Hà Nội***, Hội văn nghệ Hà Nội, 1972, tr. 165.
[3] Quang Dũng, ***Nhà đồi***, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội 1983, tr. 131.
[4] Thơ Hồ Dzếnh.
(*) *Chú thích của người đánh máy* : xem cuốn ***Từ điển Truyện Kiều*** của Đào Duy Anh, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974, tr. 276. Tuy nhiên, trong tái bản 1987, do Phan Ngọc bổ sung và sửa chữa, *ngàn* được định bằng cả hai nghĩa " *bờ bãi, rừng núi* " (tr. 326).


Pour suivre la situation politique, économique, sociale et culturelle du Vietnam **en français**, lisez

DIỄN ĐÀN **FORUM**

le N° 9 paraîtra en octobre 1993
abonnement annuel : 75 FF (5 numéros)

# Gió dại

## Chữ nghĩa và văn chương

**Trần Đạo**

Truyện ngắn *Gió dại* của **Bảo Ninh** xuất hiện trên báo ***Cửa Việt***, đăng lại trong ***Diễn Đàn*** số 12, 1.10.92. Từ ấy, báo ***Cửa Việt*** đã bị nhà nước đóng cửa.

Nhà văn khôn ngoan không nên đụng tới những từ nguy hiểm như *quốc gia, cộng sản, ngụy, việt cộng*... Những món đó khó nuốt, khó ăn khách, nhất là hôm nay. Ngược lại, nhà văn có bản lĩnh, có tài, nên dùng chúng. Chỉ nhà văn như thế mới làm nổi một chuyện cần thiết nhưng khó, cải tạo tiếng nói, khai tử ngôn ngữ thời chiến, khai sinh ngôn ngữ thời bình.

Chiến tranh thường là thời điểm khiến con người sống tận gốc, như một con thú, như một con người, như một con thú đòi làm người : con người là một con thú phải học làm người, mỗi thế hệ phải tự mình tái tạo nhân giới, gánh lên vai lịch sử của cha anh, đương đầu với thiên nhiên và nhân loại đương thời, sáng tạo ngày mai. Trong chiến tranh, con người biết xử sự với nhau một cách tàn bạo hơn thú : nó có một cái gì phải bảo vệ, quý hơn sinh mạng của nó. Bình thường nó tuyệt đối hoá, thần thánh hoá, sinh vật hoá, những giá trị khiến nó chấp nhận những hành vi man rợ đối với người khác. Vì người khác biến nó thành thú, để được làm người, nó phải tiêu diệt người khác như tiêu diệt các con thú khác. Để có thể làm việc ấy, trước hết, nó phải biến đối tượng của nó thành thú. Công cụ độc nhất cho phép thực hiện điều đó là ngôn ngữ, vì con người tư duy bằng ngôn ngữ, vì người Việt Nam tư duy, xúc động bằng tiếng Việt Nam. Tiếng Việt thời chiến là di sản của cha anh để lại cho thế hệ người Việt hôm nay. Nó vừa là nhân cách, vừa là thú tính của người Việt trong nửa sau thế kỷ thứ 20. Chúng ta, người Việt hôm nay, giống nhau và khác nhau ở đó. Ngôn ngữ đó là chúng ta, là đối tượng, là thử thách đối với nhà văn.

Đọc *Gió dại*, điều làm ta giãy nẩy, chính là cái tiếng Việt ấy ! tiếng Việt của cuộc đời thực, của một thời đại đã làm ra chính ta. *Nguỵ, nhạc vàng, việt cộng, cộng sản*... Đó là thế giới của ta, là tâm hồn ta, một thế giới có *nguỵ, lính nguỵ, nhạc nguỵ, ca sĩ nguỵ, nguỵ cái, nguỵ con*... một thế giới có *Việt cộng, Vi Ci, gooks, cộng cái, cộng con*... một thế giới trong đó ta có thể nhẹ lòng lên đạn, bóp cò, vì ở đầu nòng súng chỉ có *nguỵ* đực, *nguỵ* cái, *nguỵ* con, chỉ có *cộng* đực, *cộng* cái, *cộng* con, không có người, không có đồng bào.

Ai đã tạo ra cái thế giới đó ? Về khía cạnh lịch sử, xin nhường các sử gia nghiên cứu, phân tích. Cần thiết, bổ ích, nhưng không quyết định.

Ai đã tạo ra ngôn ngữ này ? Chính chúng ta. Đương nhiên, những chính khách, những guồng máy tuyên truyền, nhồi sọ có vai trò của chúng. Nhưng chưa bao giờ tự chúng có thể hiện thực hoá khái niệm, biến khái niệm thành sức mạnh vật chất, thành động lực của xã hội, của Lịch sử. Chính chúng ta đã làm điều ấy, đang làm điều ấy, và do đó, chỉ có chúng ta, những người sống sót, mới có thể *gỡ* những *dây oan* ấy.

Bàn về Việt Nam hôm nay, vì ước mơ hoà hợp dân tộc, có người chủ trương tránh những từ ngữ chuyên chở quá khứ khốc liệt kia, phó mặc cho thời gian hàn gắn những vết thương của quá khứ. Khốn nỗi, con người không chỉ là một sinh vật. Có những vết thương không giày xéo da thịt, mà thấm vào hồn, đọng trong ngôn ngữ, do đó không thể nhờ thời gian hàn gắn. Chỉ có thể quên. Quên tiếng nói, quên bản thân mình ! Điều đó cũng có thể. Nhưng ta thừa biết, người ta chỉ có thể cố ý quên những gì người ta nhớ mãi ! Người Việt còn vương vấn với Việt Nam không bao giờ quên được những gì đã khiến Việt Nam thành Việt Nam hôm nay, khiến mình thành mình hôm nay, không bao giờ quên được chính mình. Hơn thế, những sai lầm ta nỡ quên cũng là những sai lầm ta và con em sẽ mắc lại !

Tác phẩm của Bảo Ninh đẹp ở chỗ ấy. Nó không quên gì cả. Nó đập cửa tương lai từ chính quá khứ kia. Nó ôm ngôn ngữ thời chiến để cải tạo tiếng Việt, để sáng tạo ngôn ngữ Việt Nam thời bình. Chỉ có chính trị và văn chương, xuyên qua quần chúng, làm được chuyện ấy, vì đối tượng cơ bản của chính trị và văn chương là con người, là ngôn ngữ. Nhưng nhà chính trị có khi dùng ngôn ngữ để nô lệ hoá con người, trong khi ngôn ngữ của nhà văn chỉ thành văn khi nó giải phóng con người. Chính vì thế, tuy tác phẩm của Bảo Ninh không có những luận điểm phê phán chế độ, tố cáo những tệ nạn xã hội, chính trị..., mà Bảo Ninh được vinh dự bị đập đích danh trong hội nghị toàn thể Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam đầu năm 1993. Anh làm được chuyện nguy hiểm nhất đối với người cầm quyền bảo thủ, phản động, anh hoàn lại ngôn ngữ cho tác giả chân chính của nó, cho nhân dân. Trong ngòi bút của anh, bỗng nhiên Nguỵ hết là Nguỵ, Việt cộng hết là Việt cộng. Tất cả trở thành người Việt, trong một thời điểm lịch sử có thật, trong đó người Việt Nam đã từng coi nhau là Nguỵ, là Việt cộng. Trong ngòi bút của anh, Nguỵ và Việt cộng hết là đặc tính của một loại sinh vật khác tính với ta. Nếu người xưa có thể coi nhau là Nguỵ, là Việt cộng, đương nhiên người ngày nay cũng có thể coi nhau là người Việt nam, là người, chẳng cần quên quá khứ, có thể nhớ tất cả, nhưng vẫn muốn sống với nhau vì tự thấy có chung " *một quê hương và một mối tình* ", một tiếng Việt, của chung và của riêng từng người ! Tiếng Việt ấy đương nhiên là một tiếng Việt trong đó mỗi người Việt đều có mặt, có mặt người. Tái sinh, tái tạo ngôn ngữ là như thế. Văn chương từ đó mà hình thành. Nó là lời mời của một con người tự do, mời những con người tự do cùng mình chung sống, cùng mình tái tạo và sáng tạo ngôn ngữ chung, sáng tạo tương lai nhân bản cho thời đại của mình. Đó là nguồn gốc của Đẹp. Ngoài nguồn gốc ấy, không có cái gì, từ một thế giới siêu nhân, đảm bảo được tính nghệ thuật của một tác phẩm. Vì vậy, nhà chính trị bảo thủ, phản động chẳng bao giờ ưa nhà văn chân chính.

(xem tiếp trang 24)

trần đạo

# ⋆Cái chết sau quá khứ⋆

# Một nỗi ám ảnh của hôm nay

Văn Trần Vũ có một đặc điểm hiếm : ám ảnh. Lâu sau khi đọc truyện ngắn của Trần Vũ, tình cờ nhớ tới, ta đã quên nội dung, tình tiết, cốt truyện. Thế mà không quên cảm giác gờn gợn, canh cánh trong lòng ! Cái gì, trong văn Trần Vũ, khắc vào ta ấn tượng ấy ? Chính ta ! Ngôn ngữ biến thành văn trong khoảng khắc này : nó khiến ta nhận mặt ta, một bộ mặt chưa thật rõ nét, nhưng đích thực là ta. Sự nhận diện đó, dù chớp nhoáng, khó quên.

Có người nghĩ truyện ngắn của Trần Vũ xúc động ta vì chúng manh động, tàn bạo, dâm đãng. *Actions, violence et sexe* ! Nội dung bạo liệt, dâm dục, hình ảnh bạo liệt, dâm dục, câu chữ bạo liệt, dâm dục. Nhịp văn đặc biệt bạo, dâm, có lúc miên man. Đúng. Không cơ bản. Những xảo thuật nhỏ kiểu best-seller ấy chỉ đủ để khoái phút chốc, rùng mình trước một thế giới cuồng loạn *ngoài da*, những thèm khát *lặt vặt*, phổ biến trong sinh hoạt "nghệ thuật" hàng ngày ở Tây Âu. Tiêu thụ, rồi quên. Ta đã quên biết bao thriller và sex đủ kiểu ta đã xem, đã đọc, trên màn ảnh, sân khấu, trong sách báo ? Những thủ thuật không thể lạm dụng trong văn chương. Chúng thích hợp với điện ảnh, chúng đòi hỏi khán giả thụ động. Văn chương, trái lại, cần sự chủ động của độc giả : nó chỉ hình thành, " tồn tại " trong quá trình đọc. Độc giả sơ ý một khắc, những hành vi tàn bạo, dâm đãng, tức khắc tan hoang. Ta có thể ngồi ì vài giờ trước một màn ảnh đầm đìa máu lửa, miễn sao ta đừng *nhìn* để khỏi bật cười ! Ta không thể đâm chém loạn, gieo bão, giật chớp mười phút liền trong óc ta. Sức người có hạn, nhất là sức tưởng tượng kiểu ấy ! Đoạn văn tả Toàn đuổi theo chị để hiếp y hệt một cuộc đuổi bắt trong phim hành động đương đại (1). Nó kéo dài... năm dòng. Dù sao, cốt truyện, hình ảnh, câu chữ tàn bạo, dâm dục, có thể nhử ta đôi giờ, không thể để lại trong ta một ấn tượng lâu bền. Đâu phải cứ bắt chước Sade là viết được thành văn ! Nếu chỉ có vậy, sẽ thiếu một cái *giọng* ! Cái gì làm ta nhớ *giọng* văn của Trần Vũ ? " Cái " chết sau quá khứ, " cái " sống hôm nay.

Chết, ta vĩnh viễn lăn vào quá khứ, biến thành sự thực không thể sửa đổi được nữa. Người ấy sinh năm ... đã làm ... đã nói ..., và đã chết ngày ... tháng ... năm ... Cái chết ấy, đối với người Việt, trong văn hoá cổ truyền, không khủng khiếp. Tổ tiên ta sợ sống nhục, không sợ chết vinh. Nhưng người ta có thể sống vinh mà chết nhục. Chết, ta biến thành nỗi đau, công cụ, trò đùa của người sống : " *Thực hiện lời dạy của Bác Hồ, chúng ta phải...*". Ngã xuống, Bác hết khả năng dạy bảo, chỉ còn chức năng làm bia đỡ đạn cho người đời. Chính vì thế, hôm nay, Hồ Chí Minh vẫn đỡ đạn cho thiên hạ ! Chết, ta mất khả năng *làm* người, khả năng hành động, tác động vào cuộc đời, tái tạo và sáng tạo chính ta, ta mất tự do, mất mặt người. Đó là ý nghĩa câu văn nổi tiếng của Malraux : *La mort transforme la vie en destin* (Chết, đời ta biến thành định mệnh). Chết khủng khiếp ở chỗ phải trao trọn mình cho đời. Đó là một nội dung độc đáo của vở kịch *Huis-clos*, với câu văn bất hủ : " *L'enfer, c'est les autres* " (Địa ngục, chính là tha nhân). Người khác thú ở chỗ này : không thể chết hoàn toàn, không thể Niết Bàn, phải " đầu thai " mãi mãi qua tâm hồn người khác. Niết Bàn ! Giấc mơ tan hoà vào vũ trụ ! Cuộc tự thiêu không bao giờ trọn vẹn ! cứ vương vấn chút tro tàn. Vũ trụ *có* lịch sử, không *có* kỷ niệm. Con người có kỷ niệm nhưng lại không có sự thật. Vì nó tự do, nó phải tái tạo kỷ niệm, phải sáng tạo thời gian, phải lấy hiện tại nuôi quá khứ, vẽ tương lai. Cái chết hôm qua biến thành cuộc sống hôm nay, cuộc sống hôm nay trở thành quá khứ của mai sau, *trong từng cuộc đời, qua từng thế hệ*. Nhân loại còn, ta chưa thể chết đứt được !

Đó là cái chết thường tình. Nhưng, trong hoàn cảnh đặc biệt, ta có thể chết đằng sau quá khứ ! Chết trước khi sống ! Trước khi *làm* người ! Đó là cái chết khủng khiếp nhất, bất nhân nhất, cái chết của cỏ cây, gia súc, chết ngoài ngôn ngữ của chính mình, chết vĩnh viễn, ít nhất đối với một tiếng nói, một nền văn hoá. Cái chết dành riêng cho một số thân phận.

Sống, ta tái tạo quá khứ từng ngày, từng giờ, từng suy nghĩ, từng tình cảm. Khả năng tái tạo ấy gắn với khả năng sáng tạo tương lai của con người. Quá khứ *trở thành quá khứ của ta* khi nó bắt rễ vào hiện tại của ta, vươn tới tương lai của ta. Nó *trở thành quá khứ* của một tương lai, của một con người, nó trở thành chính ta. Nếu văn Trần Vũ ám ảnh ta, nó ám ảnh ở đó, nó khơi một tương lai khủng khiếp, một tương lai không có quá khứ, không người. Tuy kể chuyện quá khứ, nó vặch mặt hiện tại, vạch mặt ta : tương lai của mày là ai ?

Có người biết sống *vì* quá khứ. Họ có thể viết văn hoài cổ, văn lãng mạn. Cũng có thể hay. Có người biết sống *bất cần* quá khứ. Họ có thể viết văn phản kháng, văn tôn giáo. Cũng có thể hay. Có người biết sống *với* quá khứ. Văn của họ không chỉ luyến tiếc quá khứ, không chỉ thèm khát tương lai, nó đòi hỏi hiện tại, một quá khứ và một tương lai sống, xuyên qua một kiếp người. Nó đòi hỏi thời gian toàn vẹn của con người, của độc giả. Ba thái độ ấy với đời, ba sự lựa chọn làm người ấy, dĩ nhiên, thể hiện trong bút pháp, văn phong. Sống vì quá khứ thường thích nhân hoá tất cả, một cánh hoa, một mầu tím, một sắc nắng, một ban mai, một con chó. Sống bất cần quá khứ thường thích thần thánh hoá, thi vị hoá tất cả, một cơn rượu, một phút loạn, một giây điên, một thằng đĩ. Còn muốn sống *với* quá khứ *vì* tương lai, phải sống thế nào, phải viết thế nào ? Đó là câu hỏi hàng ngày của con người, là *nỗi đau nhân tình* của muôn thuở. Câu hỏi ấy nổ tung khi thời gian đột ngột đứt, khi quá khứ và tương lai chửi nhau qua cuộc sống hiện tại, khi thời cuộc bẩy ta ra ngoài lịch sử, buộc ta làm người di tản, làm người của một thế kỷ rụng rời, long trời lở đất nút người, khi ta sửng sốt thét : " *Trời ơi, chuyện gì*

*đã xảy ra ? Chúng tôi còn ở Vũng Tàu hôm qua kia mà !* " (1). Mới hôm qua ta còn ở Vũng Tàu, còn là người Việt, với phong cách, tình cảm, lý trí, luân lý, đạo đức, quá khứ và tương lai của người Việt. Hôm nay ta là ai, khi ta không còn là nhịp cầu " tự nhiên " giữa quá khứ và tương lai của người Việt ? Khi, trong thực tế, ta đã thành con tàu không bến ? Ta là ai ? Là con người trần truồng thuở hoang sơ, con người bị chặt đứt một phần mình : gia tài bốn nghìn năm hình thành ra mình, với những giá trị, những ràng buộc của nó, với tiếng Việt. Với ta. Bình thường, con người tiếp nhận gia tài đó để trở thành người, và chống đối gia tài đó để trở thành mình, trong đất nước, xã hội, văn hoá, tiếng nói của mình. Qua đó, xuất thân từ quá khứ bốn nghìn năm nó vươn tới tương lai "vô tận" của nhân loại. Chẳng mấy khi nó phải sáng tạo nhân tính của nó từ buổi " hồng hoang " của loài người, khi nó chỉ tìm được chút nhân tình trong bộ lạc, dòng máu. Chẳng mấy khi, nhưng cũng đã phần nào là thân phận của một bộ phận của dân tộc Việt Nam, và một phần không nhỏ của nhân loại hôm nay. Văn Trần Vũ ám ảnh ở đó. Nó ám ảnh được ta vì, vô tình hay cố ý, nó thể hiện được điều ám ảnh tác giả, ám ảnh ta : dù sao đi nữa, ta vẫn là người Việt, đến chết, và, trong tư cách ấy, *sẽ chết đứt*. Nó khơi vẻ mặt của ta, mặt người giữa cuộc bể dâu. Khi " *Tôi gục xuống. Toàn quay lại, mặt đầy thẹo. Vết thẹo. Trời ơi, buổi sáng.* " (1), ta cảm, ta hiểu. Vết thẹo ấy chính là ta, người Việt, là nhát đao chặt đứt dòng thời gian trong cuộc sống của ta, là khoảng trống giữa quá khứ và tương lai của ta, vực hư vô không ai lấp được, ngoài ta. Ta biết, ta không thể trở lại thuở hồng hoang, không thể tìm ánh sáng trong bóng tối của rừng già. Nhưng ta cũng biết, ta đã đứt nguồn. Thời gian không chảy ngược. Con người là thời gian và, khốn nạn thay, là trí nhớ ! Có một cái gì đang chết ngoài đời cứ đòi sống mãi ở ta, qua ta. Muốn sống giữa ban ngày, đáng mặt người, ta phải sống một bình minh mới của nhân loại, ta phải — từ thân phận khốn nạn này — ôm cả quá khứ của ta mà sống, mà sáng tạo một vài giá trị cho đời nay, ta phải dám một lời hứa với ngày mai, dám *làm* người với hai bàn tay gần như trắng, vì lịch sử, vì thời đại đã xoá trắng một phần nhân cách của ta. Ta ? Ai ?

Ở hải ngoại, *trong văn chương Việt Nam*, vừa xuất hiện một ngòi bút.

**Trần Đạo**

(1) *Pháo thuyền trên dòng Yang-Tsé*, truyện ngắn của Trần Vũ, trong tập ***Cái chết sau quá khứ*** (xem khung dưới đây).

## *Trần Vũ* : ***Cái chết sau quá khứ***

Chúng tôi vừa nhận được tác phẩm của Trần Vũ : ***Cái chết sau quá khứ*** (Nhà xuất bản Hồng Lĩnh, California, Hoa Kỳ, 1992, 226 trang, giá bán tại Mỹ : 12 USD, nơi khác + 2 USD). Ngoài *Cánh đồng mùa gặt khô* đã đăng trên Diễn Đàn, tác phẩm này gồm 8 truyện ngắn khác. Đây là tác phẩm thứ nhì của nhà văn, tiếp theo ***Ngôi nhà sau lưng Văn Miếu***.

*Diễn Đàn* cảm ơn Trần Vũ và trân trọng giới thiệu tác phẩm này với bạn đọc.

## *Gió dại* (tiếp theo trang 22)

Phân tích dễ, sáng tác mới khó ! Sáng tác ngôn ngữ đòi hỏi sự hiện diện và sự ưng thuận của người khác, đòi hỏi cả lý lẫn tình và, khi cần, buộc lý phục tình, đòi hỏi nghệ thuật. Lý luận văn học khác văn chương ở đó. Phân tích, bình luận cả nghìn trang, chưa chắc có được một câu đượm chút tình ! Vì đã lý luận thì lý át tình, lôgíc của vũ trụ, lẽ sinh tồn, và niềm âu yếm ai ai, phải thống nhất trong con người, với tư cách một vật thể, một sinh vật, một con người, Việt Nam *par-dessus le marché* ! Cũng bình thường. Tình yêu có khi có khả năng vượt lý trí, ít nhất cái lý trí khốn nạn của hôm nay !

Một đặc điểm trong văn của Bảo Ninh chính là không bao giờ cần giải thích. Để làm ta cảm thấy sự tha hoá của chính ta khi ta dùng những từ như Nguỵ, nhạc vàng... với nội dung thời chiến, Bảo Ninh không thèm lý sự. Anh chỉ khơi một giọng hát, giọng hát vàng của một *con đĩ nguỵ* ! Nó đủ sức cuốn một đoàn biệt động quân trên đường đi đầy cất cao tiếng hát, hoà thành một bè đồng ca. Để nói với đời, với người :

" *Trong cuộc huynh đệ tương tàn*
*Chúng ta chỉ là con sâu cái kiến*
*Nhưng ôi, chúng ta, chính chúng ta đây*
*Một thời chúng ta cũng có*
*Một quê hương và một mối tình...*"

Nó làm ta thấy cô đơn, thèm được hoà nhập vào giọng hát ấy. Nó nhắc ta những gì ta đã mất trong cuộc chiến hôm qua : một quê hương và một mối tình, quê hương và mối tình chung của người Việt, của con người. Vì thời đại đó, (hay vì chính chúng ta ?), chỉ cho phép chúng ta, từng người một, có một mối tình riêng. Nó không cho phép chúng ta, tất cả, có một quê hương, một mối tình, chung. Nó buộc chúng ta làm Nguỵ, làm Việt cộng. Nó không cho phép chúng ta làm người, vì chúng ta chỉ là người Việt.

Ngược lại, tên *Việt cộng*, tên lính *Bắc Việt* vào Nam để giải phóng Tổ quốc, sau khi đã hiểu : " *Đến với Diệu Nương tôi đã từng hưởng những phút giây chưa từng được hưởng ở quê nhà ngoài kia. Nhiều năm qua rồi tôi vẫn không quên và thực sự ra thì cũng không thể nào quên nổi* ", lại bắn chết Diệu Nương, và chấp nhận : " *Cuộc chiến đấu đang chờ đợi sẽ là lối thoát cho tâm hồn chúng tôi. Chúng tôi sẽ chiến đấu và sẽ quên.*" Ta cảm và hiểu liền, anh sẽ chiến đấu tới cùng, nhưng anh sẽ không bao giờ quên được ! Vì anh nhớ tất cả quá khứ, kể cả những gì anh bị tước đoạt, anh có khả năng đập của tương lai. Tương lai của con người, trong tính chất người, vươn lên từ chính cái quá khứ không thể quên ấy, vừa không nên quên, vừa không thể chấp nhận mãi, với tất cả những nét man rợ của nó, với tất cả những giá trị đã giúp con người tiếp tục sống và chiến đấu, tiếp tục làm người.

Sẽ có một ngày, chúng ta, chính chúng ta đây, sẽ có lại một quê hương và một mối tình - chung, một tiếng Việt trong đó tất cả những từ ngữ của cha anh để lại sẽ được gọt rửa, sẽ biểu hiện, một cách bình thường và nhân đạo, sự khác biệt vô cùng, mà vẫn anh em, giữa những con người cùng một nguồn gốc. Ngày ấy xa hay gần, tuỳ thuộc một phần vào tác phẩm của nhà văn, của nghệ sĩ. Bảo Ninh là nhà văn khiến ngày ấy xích gần lại.

**Trần Đạo**

## Vĩnh biệt hoạ sĩ

# NGUYỄN GIA TRÍ

## (1908-1993)

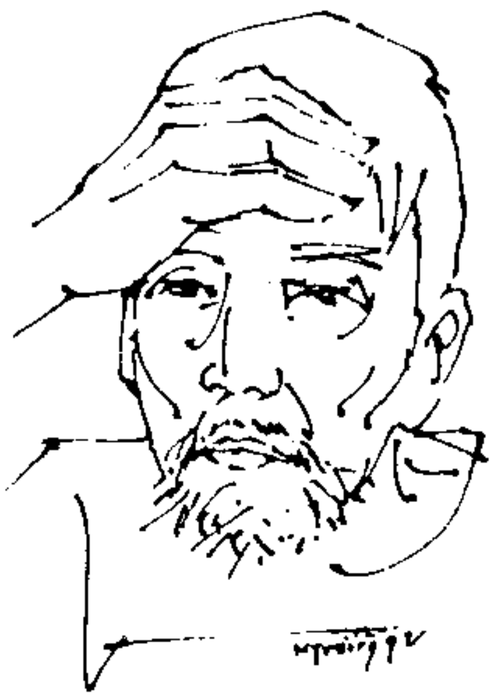

Ngày 20-6-1993, tại nhà riêng, quận Phú Nhuận, TP HCM, hoạ sĩ bậc thầy Nguyễn Gia Trí đã vĩnh viễn ra đi. Trời Sài Gòn trong những ngày này luôn u ám vì những cơn mưa chiều, càng làm buồn thêm nỗi thương tiếc một thiên tài của giới hội hoạ Việt Nam.

Gần 70 năm làm hội hoạ, ngoài một sự nghiệp đã được đất nước thừa nhận là tài sản quốc gia, ông đã để lại trong lòng người ngưỡng mộ một hình ảnh đầy khâm phục về cả hai mặt tài năng và nhân cách (...)

Hoạ sĩ Nguyễn Gia Trí đã thực sự trở nên bất tử khi ông chuyển hẳn qua lãnh vực sơn mài kể từ những thập niên 40-50 với những khám phá hết sức độc đáo về nghệ thuật diễn đạt bằng một loại chất liệu cực kỳ phức tạp và khó chịu. Ông đã gây ngạc nhiên và sửng sốt trong giới chuyên môn bằng những tác phẩm sơn mài đầy cá tính và mới lạ. Khả năng sáng tạo của ông đã khuất phục một cách tuyệt diệu những gì mà tất cả những người vẽ sơn mài từ bao đời trước và kể cả đến thời điểm hôm nay chưa ai làm được ở trình độ cao như ông. Sự reo ca của vàng son, sự chuyển hoá của vỏ trứng, sự huyền hoặc của sơn phủ, chỉ có ông mới bắt nhịp và cất lên những giai điệu huyền ảo từ những chất liệu mà dưới bàn tay người khác nó thường rất vô tri.

Từ đó, sơn mài đã đứng lên với một vóc dáng khác hẳn và hội nhập vào thế giới sáng tạo với một tư cách độc đáo và được ca ngợi ở khắp mọi nơi.

Sự mất đi vĩnh viễn của hoạ sĩ bậc thầy Nguyễn Gia Trí hôm nay làm tôi liên tưởng đến một sự mất mát khác cũng vô cùng lớn, đó là nhà danh hoạ Nguyễn Phan Chánh cách đây vài năm. Hai người đều có công lớn giống nhau, một bên là tranh sơn mài, một bên là tranh lụa. Hai ông đã đưa chất liệu hội hoạ dân tộc lên đến đỉnh cao của nghệ thuật. và cũng giống nhau ở một điểm khác nữa là chưa có ai thay thế được khoảng trống lớn mà hai bậc thầy đã để lại, cho dù hiện nay cả nước đang có hàng vạn hoạ sĩ vẽ tranh sơn mài và tranh lụa.

Xin vĩnh biệt Người với tất cả lòng ngưỡng mộ vĩnh cửu.

Trịnh Cung

(**Lao động** 27.6.93)

---

**mơ về**
**thành phố**
**HỒ CHÍ MINH**

*Hẹn một*
*ngày vui*
*anh đui*
*em dắt*
*réo rắt*
*đàn kìm*
*tiếng chìm*
*tiếng nổi*
*ăn xổi*
*ở thì*
*ta đi*
*hát dạo*
*nắm gạo*
*tang thương*
*nắm xương*
*lạc phố.*

nguyễn đức sơn

nguyễn duy

## *nợ nhuận bút*

Trời xúi kẻ làm thơ đi làm báo
Cũng trâu bò, cũng láo nháo, cũng lăng xăng
Cũng tí tách những tấm hình đen trắng
Xoay trở nồi cơm nhuận bút nhì nhằng

Lếch thếch một xâu tàu há mồm lóc nhóc
Nuôi báo cô ấm ớ thơ tình tang
Bài viết vặt đôi khi là "chữa cháy"
Tồn tại lai rai và mơ tưởng làng nhàng

Tóc rối đầu bù, loay hoay toét mắt
Thời gian vù chong chóng tít mù quay
Tiêu cực này chống tiêu cực nọ
Lắm lúc ngồi đờ xây xẩm cả mặt mày

Thơ cứ rắc làm mưa sương tình tứ
Mưa thật mưa ngập ngụa cả con đường
Đồng nhuận bút phập phèo bong bóng nước
Mẹ Đốp đi làm bì bọp lội mà thương

Áo mưa vợ dương cánh buồm giữa phố
Chồng với con mấp mé một thuyền đời
Năm tháng bão giông sang sông lũ đổ
Một tay em chèo chống ngày, ngày, ngày

Con chữ vụn rụng rời tơi tả hết
Ngoảnh lại còn ta con nít đến già
Rồi một ngày mẹ Đốp cười móm mém
Em vẫn nguồn nhuận bút suốt đời ta !

6.1992

phỏng vấn nhà toán học NGUYỄN QUANG ĐỖ THỐNG

# từ Pierre de FERMAT đến Andrew WILES

***Bất tri tam bách dư niên hậu, thiên hạ hà nhân ... chứng* Fermat *! Từ hơn ba trăm năm nay, các nhà toán học, chuyên nghiệp hay tài tử, đã hoài công chứng minh " định lý Fermat " ...***

***Cuối tháng 6.93, các báo đưa tin : nhà toán học Anh, Andrew WILES đã chứng minh thành công định lý này. Dưới đây, chúng tôi phỏng vấn nhà toán học Nguyễn Quang Đỗ Thống, cựu học sinh Ecole Polytechnique, giáo sư Trường đại học Besançon, một trong vài ba trung tâm toán học Pháp chuyên về ngành lý thuyết số .***

***Câu hỏi và câu trả lời nhằm thoả mãn nhu cầu tìm hiểu thời sự khoa học của bạn đọc ngoài nghề, chỉ cần trình độ trung học phổ thông. Câu nào đoạn nào có vẻ chuyên môn, bạn đọc chỉ cần lướt qua.***

**Diễn Đàn (DĐ) :** *Cuối tháng 6, báo chí thế giới, trong đó phải kể những tờ báo có uy tín lớn (*Le Monde *ở Paris,* The Times *ở London,* The NewYork Times*...), đã đưa tin trang nhất : A. Wiles đã chứng minh* " định lý cuối cùng của Fermat ". *Có lẽ đây là lần đầu tiên mà* toán học thuần tuý *trở thành đề tài thời sự hàng đầu. Tại sao vậy ? Và trước tiên, xin anh tóm tắt cho độc giả* Diễn Đàn *định lý Fermat và lịch sử, có thể nói huyền sử, của nó.*

**Nguyễn Quang Đỗ Thống (NQĐT) :** Định lý Fermat !... Đã gần 350 năm nay nó ám ảnh giấc ngủ, giấc mơ của các nhà toán học — và kỳ lạ hơn — nó ám ảnh cả trí óc của những người ngoại đạo. Có thể nói không ngoa : định lý Fermat đã trở thành huyền thoại. Sở dĩ nó được nhiều người biết đến như vậy là do sự kết hợp của nhiều yếu tố : nó được khai sinh một cách lãng mạn, phát biểu một cách hết sức đơn giản, dễ hiểu, thế mà muốn chứng minh nó, thì khó khăn vô cùng... Các em học sinh trung học đều nghe kể chuyện về định lý Fermat : trong các di cảo của Pierre de Fermat (1601-1665), người ta tìm thấy một tác phẩm của Diophante do Bachet xuất bản, ngoài lề những trang sách, có bút tích của Fermat. Diophante là một nhà hình học thời Cổ Hy Lạp. Ông đã khai sáng ra một lãnh vực toán học mà ngày nay, người ta gọi tên là *phương trình Diophante*, tức là những phương trình đa thức mà người ta phải tìm ra đáp số là những số nguyên. Fermat là nhà toán học xuất sắc nhất của thế kỷ 17 về lãnh vực này. Và trong ấn bản Bachet, trang nói về bài toán số 8 của Diophante (*tìm tất cả những tam giác vuông mà chiều dài ba cạnh tỉ lệ với ba số nguyên*), Fermat có ghi chú ngoài lề như sau : « *Ngược lại, không thể nào phân tích lập phương của một số nguyên thành tổng số của hai lập phương, và nói chung, không thể phân tích luỹ thừa (bậc 3 trở lên) của một số nguyên thành tổng số hai luỹ thừa cùng bậc : tôi đã tìm ra một cách chứng minh tuyệt vời* (định lý tổng quát này) *nhưng không thể viết ra đây vì thiếu chỗ* ». Theo ngôn ngữ toán học hiện đại, có thể phát biểu bài toán số 8 của Diophante như sau : « *Tìm các số nguyên khác không* x, y, z, *sao cho* $x^2 + y^2 = z^2$ ». Nhìn thấy đẳng thức này, ai học trung học cũng nhớ tới định lý Pythagore (một tam giác mà ba cạnh x, y, z liên hệ với nhau bằng đẳng thức $x^2 + y^2 = z^2$ là một *tam giác vuông*, x và y là hai cạnh của góc vuông, còn z là đường huyền). Khó khăn của bài toán Diophante là phải tìm lời giải *số nguyên*. Ở Trung Quốc, từ thời thượng cổ, người ta đã biết một hình tam giác mà ba cạnh chiều dài 3, 4, 5 là một tam giác vuông, vì : $3^2 + 4^2 = 5^2$ ($3^2$ là 3 nhân 3 = 9, $4^2$ là 4x4 = 16 ; $5^2$ = 5x5 = 25 và đúng là ta có 9 + 16 = 25). Như vậy ba số nguyên 3, 4, 5 là một lời giải, nhưng vấn đề là phải tìm ra *tất cả* các lời giải bằng số nguyên. Người Cổ Hy Lạp đã biết giải nhiều bài toán loại này. Các bạn, dù không làm toán, cũng nên ngồi cộng và nhân thử một loạt con số để thưởng thức cái vui của số học : định lý dễ đọc, dễ nhớ, nhưng chứng minh thì hắc búa. Trở lại " định lý " Fermat, ta có thể phát biểu nó như sau : « *Nếu* $n \geq 3$ *thì phương trình* $x^n + y^n = z^n$ *không có nghiệm số nguyên x, y, z mà cả ba đều khác số không* ».

Và từ hơn ba trăm năm nay, các nhà toán học, lớn bé trẻ già, đã tìm cách chứng minh mệnh đề đó, có người, như Gauss, âm thầm tìm kiếm, không thố lộ với ai. Tôi có thể đoán chắc là tất cả những nhà toán học nào đã chọn lãnh vực lý thuyết số (*théorie des nombres*), cũng đều vì duyên nợ với cái định lý tai quái này. Và một trong những nguyên nhân làm cho nhiều người chú ý đến nó là những giải được treo sẵn để tặng thưởng cho những ai chứng minh được định lý Fermat : Giải thưởng lớn của Viện Hàn lâm khoa học Pháp đặt ra từ năm 1853, và Giải

Định lý Pythagore
trong sách vở đời Hán (Trung Quốc)

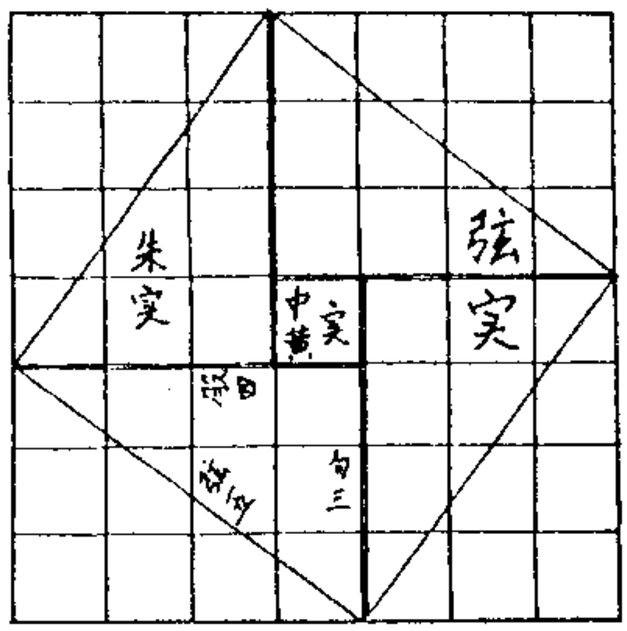


Hình trên tìm thấy trong bộ sách ***Chu bễ toán kinh*** (Zhoubi suànjing) đời Hán. Vì trong hình vẽ, tam giác vuông có ba cạnh chiều dài 3, 4 và 5, nên nhiều nhà nghiên cứu cho rằng thời đó người Trung Quốc chỉ biết trường hợp cá biệt này. Tuy nhiên, một tác giả Trung Quốc thế kỷ thứ III, **Triệu Quân Khanh** (Zhào Junqing), đã ghi chú hình này và rõ ràng đã chứng minh định lý Pythagore một cách tổng quát (xem J. HOE, *Les systèmes d'équations polynômes dans le Siyuan Yujian*, Collège de France et I.H.E.C, Paris 1977).

của Viện Wolfskehl bên Đức (100 000 mác, trị giá năm 1908 !).

Người ta đã giải được một số trường hợp đặc biệt, và quan trọng hơn, những khái niệm mới đã được tạo ra, dẫn tới những tiến bộ lớn trong ngành lý thuyết số. Nhiều lần, người ta tưởng cuộc trường chinh đã kết thúc, mà rốt cuộc, vẫn phải cất bước tiếp tục. Định lý Fermat, đối với làng toán, cũng giống như cuộc đi tìm Saint-Graal của các hiệp sĩ thời Trung cổ. Tôi còn nhớ mãi một cảnh trong phim " *Chiếc ấn thứ bảy* " của Ingmar Bergman : trở về sau một cuộc Thánh chiến, chàng kỵ sĩ thách thức Tử Thần đấu ván cờ với mình, để trì hoãn giờ tạ thế. Có lẽ Pierre de Fermat cũng đã tung ra " định lý cuối cùng " để thách thức Tử Thần : Tử Thần cứ loay hoay tìm cách chứng minh, và Fermat cứ an nhiên sống mãi...

**DĐ :** *Cho đến cuối tháng 6.1993 mới chết ? Nay là cuối tháng 8.93, hai tháng đã trôi qua từ ngày ông Wiles thuyết trình ở Cambridge : có thể nào khẳng định rằng* định lý Fermat đã thực sự được chứng minh *chưa ?*

**NQĐT :** Báo Le Monde đã đưa tin thì phải đúng chứ !... Nếu phải trả lời nghiêm chỉnh, thì xin nói như thế này :

Trong quá trình " chính thức hoá " một chân lý toán học (và rộng hơn, một chân lý khoa học) có ba cửa ải phải vượt qua. Giả sử anh nghĩ rằng mình vừa " tìm " ra một định lý hay. Cửa ải đầu : anh nói chuyện với những đồng nghiệp cùng làm việc trong bộ môn của anh. Đó là cửa ải " *informel* ", không chính thức. Qua cửa ải đó rồi, anh bước sang công đoạn thứ hai, chính thức hơn : thuyết trình bài chứng minh trong một *xêmina* hay một khoá hội thảo (*colloque*), sau đó (hoặc đồng thời) soạn thành một văn bản, gọi là *tiền ấn bản* (preprint), và phổ biến trong giới chuyên gia để xin ý kiến. Nếu tiền ấn bản lọt qua giai đoạn phê bình này, anh phải qua cửa ải thứ ba, là gửi nó tới một tạp chí chuyên môn để xin đăng. Đây mới là giai đoạn chính thức vì bộ biên tập tạp chí sẽ cử một hay nhiều báo cáo viên (*referees*), được chọn trong những nhà toán học có thẩm quyền về lãnh vực này, để họ kiểm tra luận cứ và đánh giá công trình. Họ " duyệt " xong, đồng ý công bố, nghĩa là định lý của anh được thừa nhận một cách chính thức và dứt điểm (đúng hơn, *hầu như* dứt điểm, vì thỉnh thoảng, cũng có bài được đăng, nghĩa là đã qua lọt cả ba cửa ải, mà vẫn còn sót lỗi). Quá trình ba cửa ải nói trên chính là hiến pháp của " *nền cộng hoà khoa học* ".

Về sự kiện Wiles, tôi chỉ có thể nói thế này : ông ta đã thuyết trình ba buổi liên tiếp tại một khoá hội thảo quốc tế về các *hàm số L* tại Học viện Newton ở Cambridge, với sự tham gia của những chuyên gia lớn nhất, và đã gửi đăng công trình 180 trang của mình cho một tạp chí, và tạp chí này đã cử ra 5 người duyệt. Theo thời hạn thông thường, thì phải từ 6 tới 9 tháng nữa, ta mới *biết* chắc. 9 tháng cũng là thời gian bình thường của một cuộc thai nghén, sinh nở !

**DĐ :** *Tóm lại là các nhà báo không thận trọng bằng giới khoa học ?*

**NQĐT :** Nhà báo Diễn Đàn nói thật chí lý. Phải nói rằng các phóng viên khoa học rất nhiệt tình với huyền thoại định lý Fermat. Cách đây bốn, năm năm, báo chí cũng vội vã đưa tin một nhà toán học Nhật Bản, Y. Miyaoka, đã chứng minh định lý này. Thực ra Miyaoka không hề nói như vậy, ông ta mới chỉ ở công đoạn thứ nhất, như tôi đã nói ở trên, chứ chưa đi xa hơn. Nếu là thời xưa, có lẽ Miyaoka đã phải lấy kiếm để tuẫn tiết ! Còn A. Wiles, sau khi thuyết trình xong buổi thứ ba ở Cambridge, ông ta đã tìm cách tàng hình, nhưng không may Tivi Anh đã tìm ra nơi ẩn trú. Âu cũng là cái giá phải trả cho Fermat... Về mặt phương pháp luận, tất nhiên phải thận trọng, nhưng ngay từ bây giờ, có thể nói : lần này có lẽ là *ăn chắc*. Tất cả các chuyên gia đều nhất trí đánh giá : chiến lược là đúng, hậu cần là đúng, mà Wiles lại là một kiện tướng. Tài năng thì Wiles đã từng thi thố rồi : tên tuổi của ông đã ghi vào sử xanh toán học cách đây 15 năm khi ông chứng minh thành công một mệnh đề mà trong nghề toán gọi là *ức đoán chủ yếu về các hàm L p-adic* (conjecture principale des fonctions L p-adiques).

**DĐ :** *Nói vậy, nhưng người ta có cảm tưởng tất cả chỉ dựa vào một nhúm nhỏ những chuyên gia, cho dù là lỗi lạc tới đâu chăng nữa. Nói cụ thể, theo anh, hiện nay trên thế giới, có bao nhiêu người có khả năng kiểm chứng công trình của Wiles ? Hay, đơn giản hơn, có thể đọc và* hiểu *180 trang của Wiles ?*

**NQĐT :** Tất nhiên, trong lãnh vực này, không thể xem thường ý kiến của chuyên gia. Sau bao năm " tu luyện " và " quần thảo " với định lý Fermat, có thể nói là họ đã đắc đạo tới mức đọc một bài chứng minh, bằng trực năng họ có thể cảm nhận là nó đúng hay sai. Có thể so sánh trực năng toán học của họ như lỗ tai thẩm âm tuyệt đối của một Mozart, hay Bach, nghe trình tấu một bản fugue, nốt nào chệch là họ thấy chướng tai ngay.

Anh hỏi tôi : ai có thể hiểu được bài chứng minh của Wiles ? Về nguyên tắc mà nói, toán học là định nghĩa, tiên đề, diễn dịch, định lý. Cho nên, bất cứ ai cũng có thể hiểu được, miễn là phải học từ A tới Z. Tất nhiên, đó là nói nguyên tắc cho vui. Nói một cách thực tế, xin trả lời như sau : ai không ở trong nghề toán thì không thể hiểu chứng minh của Wiles ; còn trong nghề toán, ai không nghiên cứu về lý thuyết số hay hình học đại số, cũng không thể hiểu ; trong giới các chuyên gia về hai lãnh vực vừa kể tên, có chừng vài trăm nhà toán học có thể hiểu được hai nguyên lý lớn của bài chứng minh ; và trong số vài trăm ấy, khoảng vài chục người có thể hiểu từng chi tiết. Còn nói về khả năng kiểm tra từng bước lý luận của Wiles, có lẽ chừng gấp đôi số báo cáo viên vừa được cử, nghĩa là chừng mươi người. Mươi người giữa thế gian hiện nay khoảng bốn tỷ người, kể ra cũng *trớ trêu* thật.

**DĐ :** *Bộ phức tạp đến mức như vậy sao ?* Diễn Đàn *vốn mang tiếng là phức tạp, nên chúng tôi xin miễn đi vào chi tiết. Nhưng muốn anh nói đại để A. Wiles đã phải dùng những công cụ nào, những ngón nghề gì để chứng minh một mệnh đề vỏn vẹn có 2 dòng, liên quan tới số nguyên, tức là những con số mà nhân loại đã biết dùng từ thời tiền sử, ít nhất từ ngày loài người chuyển từ văn minh hái lượm sang văn minh chăn nuôi, vì chăn nuôi là phải biết đếm... đầu trâu mặt ngựa : một, hai, ba, bốn ?*

**NQĐT :** Câu hỏi quá phức tạp ! Tôi xin chịu, không thể trả lời, vì không thể giải thích toán học một cách phổ cập được. Tôi chỉ có thể phác hoạ mấy nét lớn của những tư trào đã hội tụ và dẫn tới công trình của Wiles. Bởi vì, theo tôi, có một điều rất đơn giản nhưng không phải là hiển nhiên đối với mọi người (nếu không thì đã chẳng xảy ra những vụ phát minh tiếu lâm như " *máy bay thính mũi* ", " *nước lã có trí nhớ* " ...), đó là : tri thức

mà loài người tích luỹ được đã trở thành mênh mông và phức tạp đến mức không thể có những phát minh " phép lạ ", từ trên trời rơi xuống được nữa. Xét cho cùng, điều đó cũng chưa hề xảy ra trong quá khứ. Newton đã từng nói sở dĩ ông nhìn xa thấy rộng (khi ông phát kiến ra nguyên lý vạn vật hấp dẫn, và sáng lập ra cơ học cổ điển) là vì ông đã được " *công kênh trên vai những người khổng lồ* ", (ám chỉ các nhà khoa học tiền bối).

Vậy, nếu phải tóm lược (nghĩa là thiếu chính xác) những gì đã dẫn tới Wiles, có thể phân ra 4 thời kỳ lớn :

1) Từ Fermat đến năm 1857, dù các nhà toán học lớn, trong đó phải kể Euler (1707-1783), bỏ ra nhiều công sức, cũng chỉ chứng minh được một vài trường hợp cá biệt. Coi như không đáng kể.

2) 1857 là năm Viện Hàn lâm khoa học Pháp quyết định tặng Giải thưởng lớn cho E.-E. Kummer (1810-1893) để tưởng thưởng các công trình của ông về bài toán Fermat. Tuy rằng xét cho cùng Kummer chưa chứng minh được định lý tổng quát, nhưng ông đã triển khai những phương pháp mới và đã sáng lập ra bộ môn toán học mà ngày nay ta gọi là " lý thuyết đại số học về số " (*théorie algébrique des nombres*). Phần lớn các chuyên gia đều cho rằng không thể chứng minh được định lý Fermat nếu chỉ đơn thuần tự giới hạn trong khuôn khổ lý thuyết này, nhưng từ lâu rồi, lý thuyết này đã phát triển những bước vượt bực, và sống cuộc sống riêng của nó, độc lập với bài toán Fermat.

3) 1983 cũng là một năm bản lề : G. Faltings đã chứng minh một ức đoán về hình học đại số, gọi là " ức đoán của Mordell " : « *Mọi đường cong thuộc loại từ 1 trở lên chỉ có một số hữu hạn những điểm hữu tỷ* » (Toute courbe de genre supérieur ou égal à un n'a qu'un nombre fini de points rationnels). Thế mà một đường cong của phương trình Fermat cấp n, với $n \geq 3$, *loại* của nó là $(n-1)(n-2)/2$, nghĩa là ít nhất cũng thuộc loại 1, cho nên phương trình Fermat chỉ có *một số hữu hạn* đáp số là số nguyên (tất nhiên, định lý Fermat nói rõ con số này là số 0). Cũng xin mở ngoặc để nói là đối với nhiều nhà toán học, công trình 1973 của Faltings là " định lý thế kỷ ", thứ định lý trăm năm một thuở, sâu sắc hơn hẳn định lý Fermat. Từ đó đến nay, nhiều nhà toán học, trong đó có Miyaoka (đã nói ở trên), đã tìm cách cải tiến định lý Faltings để từ đó suy ra định lý Fermat, nhưng họ đều thất bại, và dường như các chuyên gia không đi theo hướng này nữa.

4) Điều kỳ thú là Wiles đã chọn một con đường vòng, có thể dùng thuật ngữ nghệ thuật là *baroque*. Trong thập niên 1980, G. Frey đã *bày trò* bằng cách giả sử rằng định lý Fermat là sai, nghĩa là phương trình Fermat có đáp số. Từ đáp số giả định đó, Frey " vẽ " nên được một đường cong *elliptic* (nghĩa là đường cong *loại* 1). *Trò chơi* trở thành chuyện nghiêm chỉnh khi làng toán khám phá ra rằng đường cong giả định đó *mâu thuẫn* với " ức đoán của Taniyama–Weil ". Nói cách khác, nếu chứng minh được rằng " ức đoán của Taniyama–Weil " là đúng, thì đương nhiên là *không thể có* đường cong giả định, mà đã không có đường cong ấy, thì định lý Fermat *không sai*, nghĩa là *đúng*. Tóm lại, muốn chứng minh định lý Fermat, *chỉ cần* chứng minh " ức đoán của Taniyama–Weil ".

Dường như A. Wiles đã chứng minh được một phần ức đoán của T.W. : ông ta không chứng minh được ức đoán T.W. cho tất cả các đường cong *elliptic*, mà chỉ cho riêng những đường cong elliptic *nửa ổn định*, nhưng như vậy cũng đủ để đi tới hệ quả là định lý Fermat !

Có thể nói thêm : định lý Wiles thâm thuý hơn và lý thú hơn hẳn bài toán Fermat.

Để chứng minh được định lý của mình, Wiles đã phải huy động toàn bộ những thành tựu ba mươi năm qua trong lãnh vực các " *dạng modula* " (mà Wiles là một trong những chuyên gia cự phách) và những lãnh vực phụ cận. Nếu phải kể đến nền tảng chung của các lãnh vực này, thì có thể nói không một chút cường điệu : *Wiles đã vận dụng toàn bộ lý thuyết số từ ngày Kummer sáng lập* !

**DĐ :** *Nếu vậy thì có thể tự hỏi có thật là Fermat đã chứng minh được định lý đó không....*

**NQDT :** Fermat là nhà toán học lớn nhất của thời đại ông. Hồi thế kỷ 17, không có những nhà toán học chuyên nghiệp : Fermat bình sinh là thẩm phán, Descartes là triết gia, còn Pascal thì... đi tu ở dòng Jansen. Toán học là trò tiêu khiển những khi nhàn tản, định lý là những câu đố mà người ta mang ra thách nhau chứng minh. Fermat hầu như chưa hề công bố một chứng minh nào của ông. Nhưng *mỗi lần* Fermat phát biểu một định lý, đời sau đều chứng minh được cả, có khi phải chật vật lắm mới làm được (Euler đã mất 7 năm mới chứng minh được định lý Fermat " *mỗi số nguyên tố dưới dạng 1 + 4n có thể viết thành tổng của hai số nguyên bình phương, và cách viết đó là duy nhất* "). Mệnh đề *sai* duy nhất của Fermat là mệnh đề liên quan tới những số nguyên tố gọi là " số Fermat " (tức là những con số thuộc dạng $2^{2^n} + 1$, Fermat tưởng rằng chúng đều là số nguyên tố ; điều đó sai đối với con số khổng lồ là 4 294 967 297 = $2^{2^6} + 1$), song Fermat cũng chỉ nêu mệnh đề này như một *giả thuyết (hypothèse)*, chứ không quả quyết đó là *định lý (théorème)*. Do đó mà uy tín của Fermat đối với người đương thời cũng như đối với đời sau vô cùng to lớn. Tuy nhiên, ngày nay, phần đông các chuyên gia cho rằng nếu Fermat đã tìm ra một chứng minh cho định lý cuối cùng, thì chứng minh đó chắc cũng sai. Một trong những người phản bác ý kiến này là G. Terjanian (ở Toulouse), năm 1977 đã đưa ra một chứng minh " sơ đẳng " (dài vỏn vẹn có 3 trang) về định lý Fermat trong trường hợp số mũ n là một số chẵn. Chữ " sơ đẳng " xin hiểu một cách tương đối, vì " sơ đẳng " cũng có ba bảy cấp. Hàng năm, Hàn lâm viện khoa học Pháp đều nhận được hàng tá những chứng minh do các nhà toán học tài tử gửi tới : những chứng minh " sơ đẳng "chỉ dùng các phép tính " sơ đẳng " là cộng (trừ) nhân (chia) đều chắc chắn là vô hiệu (điều này có thể dùng khái niệm " số nguyên p-adic " để minh chứng).

**DĐ :** *Anh đã nhấn mạnh tới vai trò động lực của bài toán Fermat trong quá trình phát triển của toán học, nhất là của số học. Bây giờ (coi như) bài toán đã được giải, thì toán học lấy gì làm động lực? Còn bao nhiêu* ức đoán *vẫn đợi chờ những A. Wiles để trở thành* định lý *được chứng minh ?*

**NQDT :** Đúng là từ nay các nhà toán học sẽ cảm thấy ít nhiều trơ trọi, côi cút. Nghe tin mừng truyền đi từ Cambridge, tôi tin chắc tôi không phải là người duy nhất cảm thấy trống trải trong lòng. Một cuộc tìm kiếm kéo dài hơn ba thế kỷ nay đã kết thúc, một giấc mơ trở thành hiện thực, một khát vọng cuồng nhiệt

*(xem tiếp trang 31)*

Những phức tạp trong cõi trung mô ( II )

# Ổn định, phát triển và phát sinh hình thái

HÀN THUỶ

## 1. Bốn cái dịch lý của ông Aristote

Trước khi giới thiệu những cuốn sách phổ biến khoa học mới về ổn định cấu trúc, tăng trưởng hình hài và phát sinh hình thái trong thế giới tự nhiên, xin trở về đại sư tổ Aristote, với một số khái niệm bao quát do ông tổng hợp từ những người đi trước và phát triển có hệ thống. Những khái niệm ấy ngày nay đã trở thành xương thịt của tinh thần khoa học tây phương, người gốc đông phương nhiều khi không thấm hết và không hiểu tại sao mỗi khi trong khoa học có vấn đề (như hiện nay), người ta lại muốn đọc lại tư tưởng Hy Lạp, nhất là Aristote. Dĩ nhiên ở đây chỉ tóm tắt những điều cơ bản nhất cần nói đến, theo sự hiểu biết của người viết, những điều này nếu đọc từ những tác phẩm gốc của Aristote thì rất dài và phức tạp, vì thế không thể đoan quyết chủ thuyết của ông về thế giới tự nhiên đích thực là như trình bày, nếu bạn muốn tìm về từ nguồn xin đọc chẳng hạn như ***Lịch sử khoa học Hy Lạp*** của Geoffrey E.R. Lloyd (1), và ***Bài giảng vật lý*** của Aristote (2). Vả lại những thuật ngữ và khái niệm mà các nhà khoa học ngày nay nói rằng thừa hưởng từ Aristote cũng đã được mài dũa qua nhiều đời, do đó ý nghĩa của từ ngữ dù muốn dù không cũng đã khác, vì những cách mạng trong khoa học một phần cũng là những cách mạng trong các khái niệm này, hoặc phủ định, hoặc làm cho hoàn chỉnh hơn .

Trước hết có một thế giới khách quan chung cho mọi người, trong thế giới ấy hiện hữu những vật thể, những vật thể đó thay đổi và chuyển động. Điểm khởi đầu của tư tưởng Aristote về thế giới tự nhiên rất là ....tự nhiên, phù hợp với trực giác của mọi người. Tiến tới một bước nữa, vật thể nào trong thế giới tự nhiên cũng nằm ở một chỗ nào đó trong không gian, giới hạn bởi hình thể của nó (*forme*), bên trong hình thể chứa đựng vật chất (*matière*), nói chung ; hay bản chất (*substance*), nói riêng. Aristote chống thuyết nguyên tử và cũng chống sự hiện hữu của khoảng không (*vide*). Vật chất, theo Aristote, được cấu tạo bởi bốn nguyên tố, các bản chất khác nhau là do các nguyên tố nhiều ít khác nhau mà thành. Bốn nguyên tố đó là đất (lạnh và khô), nước (lạnh và ướt), khí (nóng và ướt) và lửa (nóng và khô), trong mỗi bản chất có sự đối chọi giữa các cặp khô/ướt, nóng/lạnh, cho nên có thể thay đổi tự bên trong.

Theo Aristote có bốn lý do làm cho vật thể *hiện hữu, thay đổi và chuyển động* (*causes*), ở đây không thể dùng chữ *nguyên nhân* ngày nay đã trở nên quá chính xác, vì vậy nên xin nói đến bốn cái *dịch lý*, để giữ cái âm hưởng có phần nào mông lung của thời cổ đại, *cause* có nghĩa rất rộng như là những khiá cạnh phải xét đến khi khảo sát các vật thể, tại sao nó hiện hữu, thay đổi và chuyển động. Bốn *dịch lý* ấy là : dịch lý bản chất (*cause substantielle*), thí dụ như dịch lý bản chất của cái bàn là gỗ ; dịch lý hình thể (*cause formelle*), dịch lý hình thể của cái bàn là phải có một mặt phẳng và bốn chân ; dịch lý tác nhân (*cause motrice*), dịch lý tác nhân của cái bàn là do anh thợ mộc làm ra ; cuối cùng là dịch lý cứu cánh (*cause finale*), dịch lý cứu cánh của cái bàn là để ngồi viết thư, học bài hoặc ăn cơm.

Khuynh hướng của khoa học là phân tích và giảm thiểu (*réductionisme*) để tìm ra những cấu thành cơ bản nhất của vật chất và các quy luật tất định chế ngự chúng, cho nên thường coi trọng cái tác nhân dịch lý, phá vỡ các hình thể, quy bản chất của mọi vật vào một nhúm nhỏ các hạt lượng tử, còn cái cứu cánh dịch lý thì coi như bị đẩy vào địa hạt tôn giáo mà ' kính nhi viễn chi ' , vì từ Darwin trở về sau cái cứu cánh của những sinh vật cũng có thể giải thích bằng *ngẫu nhiên và tất định (le hasard et la nécessité)*. Nói đến ổn định, phát triển và phát sinh hình thái tức là đã thu hẹp vào cái hình thể dịch lý, khuynh hướng hiện đại trở về với Aristote cho rằng hình thể, hình thái hay cấu trúc có tầm quan trọng mà trong quá khứ khoa học có phần nào lãng quên, nhất là trong cõi trung mô thì hình thái của sự vật lại càng quan trọng. Nói như vậy không có nghĩa là quan điểm này mâu thuẫn với tất định và giảm thiểu, mà thực ra là chúng bổ sung cho nhau vì không phải lúc nào cũng có thể bắt đầu từ các hạt lượng tử trở đi để giải thích mọi hiện tượng, cần một ngôn ngữ trung gian trong đó ngay cả cái cứu cánh dịch lý vẫn là một khái niệm hữu ích. Chính xác ra thì có nhiều ngôn ngữ trung gian, ngôn ngữ của cơ học cổ điển, hoá học, sinh vật học, vân vân.

## 2. Năng lượng, thông tin và entropi

Hubert Reeves, trong cuốn ***Giờ say sưa*** (3) đã mô tả quá trình các nguyên tố được hình thành từ những giờ phút ban đầu của vũ trụ, trong cái " lò cừ " hàng triệu độ của tạo hoá. Thật nhiều những ngạc nhiên lý thú, những câu hỏi hấp dẫn mà không dễ trả lời. Vì trong cái buổi hỗn mang chi sơ, các hạt lượng tử hỗn độn như thóc và gạo trộn lẫn trong thúng, không có bầy chim nào do Bụt gọi đến nhặt như trong truyện cổ tích, thì tại sao chúng lại kết duyên với nhau để nảy sinh ra các nguyên tử ? Rồi tại sao lại tụ tập thành các thiên hà, các hệ thái dương và các hành tinh, ở đó đất nặng thì lắng xuống, khí nhẹ thì lên cao, nước rơi xuống thành biển, sông hồ ? Rồi tại sao trong lòng đất sắt lại đi về với sắt, đồng với

đồng thành các mỏ kim loại ? Một hình thức tổ chức cao đã nảy sinh từ hỗn mang, hình như ngược lại với quy luật thứ hai của nhiệt động học. Quy luật gì thế ? tại sao chỉ *hình như* thôi ? Chính đó là những điều cần biết, mà rất khó. Ở đây phát hiện một khả năng to lớn của tự nhiên : khả năng của hình thể, kết hợp với sự hiện hữu của trọng trường và quy luật vũ trụ nở, từ ba điểm khởi đầu này có thể giải thích tại sao các cấu trúc phức tạp nảy sinh từ hỗn mang mà không đi ngược lại quy luật thứ hai của nhiệt động học, vì theo Hubert Reeves, hình như entropi của toàn thể vũ trụ không tăng không giảm. Giải thích thế nào thì quá dài trong khuôn khổ bài báo, mời bạn đọc. . . đọc sách.

Nhưng dù sao cũng phải giới thiệu hai quy luật của nhiệt động học. Quy luật thứ nhất là quy luật bảo toàn năng lượng, sau Einstein phải nói là quy luật bảo toàn *vật chất - năng lượng* : Trong một hệ thống đóng kín (không trao đổi năng lượng với bên ngoài) thì năng lượng không tăng không giảm. Không có gì đặc biệt, phải kể ra cho đỡ thắc mắc, không lẽ ở đâu cũng chỉ nói quy luật thứ hai. Quy luật này là : Trong một hệ thống đóng kín thì entropi luôn luôn tăng cho đến tối đa. Entropi là gì ? đó là chiều ngược lại của cái khả năng chuyển hoá có trật tự của năng lượng. Nếu mật độ năng lượng trong một hệ thống kín được phân bố rất đều khắp thì không chuyển hoá được nữa, tức là entropi đã tối đa. Nói cách khác, cái bản chất dịch lý của một hệ thống kín là đi đến tịch diệt, có hai hình thức tịch diệt, hoặc là hỗn loạn tối đa như thể khí, hoặc là trật tự tối đa như các tinh thể, tuỳ theo năng lượng chứa trong hệ thống. Để ý là cần rất ít thông tin (theo cách hiểu thông thường) để mô tả các hệ thống đã tịch diệt, còn gì để nói nữa đâu ! vì thế thông tin cũng có thể được định nghĩa một cách khoa học (tức là có thể biểu thị bằng số để tính toán) như là ngược lại của entropi. Nói cách khác nữa : có năng lượng và năng lượng, tổng số năng lượng của một hệ thống có thể có chất lượng cao (entropi nhỏ) hay thấp (entropi lớn), một hệ thống có tổ chức cao (không nói trật tự, vì trật tự tối đa như tinh thể là một tổ chức thấp) là một hệ thống có nhiều khả năng trao đổi năng lượng giữa các phần tử, và cũng là một hệ thống cần nhiều thông tin để mô tả, như vậy cũng có thể nói là bản thân nó mang nhiều thông tin.

## 3. Ổn định cấu trúc

Không biết làm độc giả nhức đầu như trên có thực sự cần thiết không, vì khả năng của người viết có hạn ; nhưng dù sao cũng đã quá dài dòng, xin chuyển sang những chuyện thực tế hơn, cũng để minh chứng các khái niệm trên là hữu ích.

Trước hết, tại sao sự sống có thể nảy sinh trên trái đất ? Cơ bản nhất vì trái đất tiếp thu năng lượng từ mặt trời ? Nói như vậy không đúng hẳn, cán cân chi thu năng lượng của trái đất là thăng bằng, vì trái đất cũng thải ra ngoài không gian một số năng lượng bằng với năng lượng mà nó tiếp nhận, nếu không nhiệt độ khí quyển sẽ tăng, như có nguy cơ của *hiệu ứng nhà kính* do thán khí thải ra quá nhiều có thể phá hoại mức thăng bằng này, như các nhà nghiên cứu đang khuyến cáo nhân loại. Vậy phải nói rằng sự sống nảy sinh trên trái đất là do trái đất tiếp thu thông tin từ mặt trời ! Thông tin, trong cái nghĩa tia sáng mặt trời là năng lượng cấp cao, năng lượng có định hướng, còn năng lượng trái đất thải ra là nhiệt lượng bắn ra một cách hỗn loạn. Tiếp thu thông tin và nhả ra entropi trong trạng thái cân bằng năng lượng cũng là đặc điểm của sinh vật. Một trong những khái niệm rất cơ bản của sinh vật học, sau này được sử dụng nhiều trong điều khiển học (*cybernétique*), là khái niệm điều bình (*homéostasie*), điều khiển học gọi là hồi dưỡng (*feed back*) : tự đo (nhiệt độ, hay một tham số nào đó) rồi tự điều chỉnh mức chênh lệch để trở lại thăng bằng, quá trình đó thế nào cũng cần tiêu thụ năng lượng cấp cao và thải ra số lượng tương tự cấp thấp. Kết quả là tự ổn định cấu trúc, ổn định cấu trúc dĩ nhiên tuyệt đối quan trọng cho những vật thể phức tạp có nhiều phần tử, vì một phần tử này cần dựa trên những thông tin tương đối bền vững về những phần tử khác, nếu không thì sẽ loạn và không thể có một cấu trúc tổng hợp cao hơn. Đến đây không thể không nhắc lại cái nguyên nghĩa của chữ thông tin (*information*), *information* nguyên nghĩa là cái cho biết về (hay tạo ra) *hình thể (forme)*, tưởng như ở một nơi nào đó rất cao Aristote đang vuốt râu mỉm cười.

Thật ra không hề có những hệ thống đóng kín hoàn toàn, vì nếu ta đã biết đến nó thì nó đã không hoàn toàn kín nữa rồi. Hệ thống kín chỉ là một khái niệm tuyệt đối, cần thiết để nghiên cứu khoa học những hệ thống thực, bao giờ cũng mở trong một hướng nào đó. Các hệ thống nằm trong không gian thực của đời thường ít ra là chìm đắm trong trọng trường của trái đất, về khía cạnh này phải đọc đến ***Về hình thể và tăng trưởng*** của d'Arcy Thomson (4), một tác phẩm tuyệt diệu cổ điển của hình thái học, tuy có những khía cạnh chống Darwin không cần thiết, ông đã chứng minh rất nhiều cấu trúc hình thể của sinh vật là tối ưu để tồn tại ổn định trong trọng trường trái đất, tối ưu về mặt kiến trúc và năng lượng, cái đẹp thiên nhiên không hề chống cái duy lý toán học. D'Arcy Thomson cũng được René Thom (sẽ nói tới sau) coi là một trong những cảm hứng cho nghiên cứu của ông.

## 4. Tăng trưởng hình hài, phát sinh hình thái

Ilya Prigogine là nhà nghiên cứu hoá học (giải thưởng Nobel) đã có nhiều công trình nổi tiếng về các cấu trúc thải nhiệt ( tạm dịch chữ structure dissipative) tức là những hệ thống tiêu thụ và thải ra vật chất và năng lượng trong một môi trường không thăng bằng. Ông chỉ ra những quá trình trong đó các cấu trúc có thể phát triển tương đối ổn định. Tác phẩm ***La nouvelle alliance*** (5) do ông và cộng sự là bà Isabelle Stenger cùng viết nhằm phổ biến những nghiên cứu của trường phái Bruxelles, đồng thời trình bày những quan điểm về phương pháp luận khoa học của họ, đặc biệt là khái niệm về thời gian một chiều xác định bởi những kết luận của nhiệt động học. ***Giữa thời gian và vĩnh cửu*** đồng hai tác giả (6), ra sau cùng một chủ đề, dễ đọc hơn.

René Thom là nhà toán học có tham vọng xây dựng cơ sở toán học cho việc mô tả những phát triển đột biến của hình thái, một quá độ không thể không đi tới của khoa học. Theo chính ông nói, công việc ấy hiện nay còn ở mức định tính (qualitative), tuy nhiên mức định tính theo ông là cơ bản, ông

rất chống việc áp dụng những công thức, mặc dầu có thể rất hiệu quả, nhưng lại không nói được rõ ràng đằng sau công thức đó là cái gì (như tình trạng hiện nay của cơ học lượng tử). Một phát biểu khoa học theo ông trước hết phải xác định được cái không gian nền (*espace substrat*, phát triển khái niệm *substrat* của Aristote) chung cho mọi người (hay nói một cách văn vẻ như anh bạn Trần Đạo, cái không gian công cộng, trong đó diễn ra mọi hiện tượng. Không gian nền, nơi người ta cảm nhận các hiện tượng có thể là đột biến, được nhận chìm (*immersion*) vào *không gian pha*, không gian toán học trong đó mọi tham số, kể cả các tham số về các chiều của không gian nền, đều được biểu diễn, tức là có những tham số không nằm trong các hiện tượng được cảm thấy trong không gian nền. Một cấu trúc liên tục trong không gian pha, khi được ánh xạ (*projection*) xuống không gian nền khi ấy có thể trở thành một cấu trúc mất liên tục, một hiện tượng đột biến. Ông đã chứng minh chỉ có bảy hiện tượng đột biến khác nhau trong không gian của đời thường, và các đột biến do ông mô tả bằng phương pháp toán học rất trừu tượng này đã được các nhà sinh vật và sinh thái học minh họa bằng các hiện tượng thực của tăng trưởng hình hài và phát sinh hình thái trong tự nhiên. Đó là liều lĩnh đại ngôn về *lý thuyết tai biến*, một lý thuyết rất khó. Các tác phẩm do chính ông phổ biến lý thuyết của mình khá nhiều, trong đó có lẽ được trích dẫn nhiều nhất là ***Mô hình toán của phát sinh hình thái*** (8), nhưng dễ đọc hơn thì có ***Ẩn dụ và tai biến*** (7), sách in lại một loạt bài phỏng vấn ông do hai nhà báo người Ý thực hiện.

Sau cùng, xin lưu ý về một cuốn sách mới ra, ***Phát minh hình thể*** (9) của Alain Boutot, xuất thân trường Bách Khoa và là giáo sư về lịch sử khoa học tại Đại học Grenoble. Chủ đề nói về hỗn loạn, fractale, Prigogine, Thom và tư tưởng Aristote. Dĩ nhiên là đầy đủ và sâu sắc hơn những bài báo này.

**Hàn Thuỷ**

(1) ***Une histoire de la science grecque***, Geoffrey E.R. Lloyd, nxb La Découverte, collection Points Sciences 1990 ; nguyên bản tiếng Anh từ hai quyển : ***Early Greek Science*** và ***Greek Science after Aristotle***, nxb Chatto and Windus, Londres.

(2) ***Leçons de Physique***, Aristote, bản dịch và chú giải của Barthélemy Saint Hilaire, nxb Presses Pocket 1990.

(3) ***L'heure de s'enivrer***, Hubert Reeves ; nxb Seuil, collection Science ouverte, 1986.

(4) ***On Growth and Form***, d'Arcy Thomson ; nxb Cambridge university press, 1992 ; có lược bớt một số đoạn so với bản in đầu tiên năm 1917. Không hiểu tại sao một tác phẩm được in đi in lại dài dài từ khi ra đời bằng tiếng Anh, các tác gia khác ai cũng nói tới, mà chưa thấy dịch ra tiếng Pháp.

(5) ***La nouvelle alliance***, Prigogine et Stenger ; nxb Gallimard, collection Folio, in lần thứ hai, 1991.

(6) ***Entre le temps et l'éternité***, Prigogine et Stenger; nxb Fayard, 1988.

(7) ***Paraboles et catastrophes***, René Thom ; nxb Flamarion 1983.

(8) ***Modèles mathématiques de la morphogenèse***, René Thom ; nxb Union générale d'édition, collection 10/18, 1974.

(9) ***L'invention des formes***, Alain Boutot ; nxb Odile Jacob, 1993.

## *Định lý Fermat...*

*(tiếp theo trang 28)*

bỗng nhiên viên mãn... bao giờ chẳng để lại đôi chút man mác, bâng khuâng. Ai đã từng ước mơ, ai đã từng yêu đương tất thông cảm điều tôi vừa nói. Song, bức tường Berlin sụp đổ không có nghĩa là Lịch sử đã kết thúc (như một nhà chính trị học người Mỹ gốc Nhật đã lầm tưởng). Và khi bức màn bí mật Fermat đã được vén lên, thì Toán học cũng không chấm dứt (như một vị giám khảo trong kỳ thi tuyển mùa hè vừa qua ở Pháp đã liều lĩnh tuyên bố...). Ở trên, tôi đã nói có rất nhiều úc đoán toán học còn hứng thú và thâm thuý hơn hẳn bài toán Fermat. Một số đã được chứng minh, một số khác vẫn cưỡng lại mọi cuộc tiến công và đang làm động lực cho toán học như định lý Fermat trước đây. Riêng trong ngành số học, có thể kể ra : giả thuyết của Riemann, úc đoán của Leopoldt, úc đoán của Birch và Swinnerton-Dyer... Có điều là những úc đoán đó không dễ hiểu đối với đại chúng, nên chúng sẽ không bao giờ trở thành một huyền thoại đầy hấp lực như định lý Fermat.

**DĐ :** *Nghe nói chính anh cũng vừa chứng minh xong một úc đoán về số học ?*

**NQĐT :** Vâng. Đó là một úc đoán về các hàm L p-adic cũng khá hấp dẫn đối với các nhà chuyên môn. Nhưng tôi xin miễn đề cập nó ở đây, không phải vì muốn tỏ vẻ khiêm nhường, mà vì hai lý do : a) nó quá bí hiểm đối với người ngoài nghề, b) chứng minh của tôi đang ở cửa ải cuối cùng mà tôi nói ở trên, cho nên phải chờ đợi. Kiên trì cũng là một đức tính mà khoa học đòi hỏi.

**DĐ :** *Câu hỏi cuối cùng, không thể không đặt ra, nhất là lúc này, anh đã dùng chữ* trớ trêu *: bao nhiêu tài năng siêu việt, bao nhiêu công sức... giá dùng vào việc khác, biết đâu lại hay hơn ? Xét cho cùng, toán học để làm gì ?*

**NQĐT :** Anh đã hỏi *cuội* như vậy, tôi cũng có thể trả lời *cuội*. Theo kiểu : không thể nào biết trước được rằng toán học " thuần tuý " sẽ dẫn tới những ứng dụng thực tế gì. Các thí dụ kinh điển mà người ta thường viện dẫn là : các ngôn ngữ tin học ngày nay đang dùng trong máy tính đều bắt nguồn từ thuyết monoïd, các phương pháp mã hoá và giải mã đều dẫn xuất từ lý thuyết số. Thay vì trả lời kiểu đó, tôi xin nhắc lại một hồi tưởng. Cuối thập niên 1970, tôi có trình bày một loạt bài ở Trường đại học tổng hợp Hà Nội, lại cũng về định lý Fermat. Đó là lúc chủ nghĩa duy ý chí đang ngự trị ở Việt Nam. Khoa học kỹ thuật được tấn phong là cuộc cách mạng then chốt, đại tướng Võ Nguyên Giáp được trao trọng trách lãnh đạo khối khoa học kỹ thuật, đi đâu cũng nghe các quan chức lớn nhỏ thao thao bất tuyệt về khoa học " thuần tuý " và khoa học " ứng dụng ". Cho nên, tại Trường đại học Hà Nội, khi trong cử toạ có một vị đặt ra câu hỏi cuội như trên, tôi e là đã mất bình tĩnh, nên đã trả lời hơi thiếu ngoại giao như thế này : « *Tôi cũng không biết toán học có ích lợi gì, chỉ biết số tôi là số đỏ vì tôi được trả tiền để làm một công việc mà đằng nào người ta không trả tiền tôi cũng vẫn cứ làm !* ». Hôm nay nghĩ lại, tôi biết tôi sẽ trả lời hơi khác, nghĩa là ngoại giao hơn, long trọng hơn. Tôi sẽ dùng hình ảnh *alpinistes*, những nhà thể thao chiếm lĩnh những đỉnh núi cao. Tôi sẽ nói như Jean Dieudonné trong tác phẩm chúc thư của ông, rằng tôi làm toán " *vì danh dự của trí tuệ con người* ".

[*Thực hiện phỏng vấn và biên dịch* : NGUYỄN NGỌC GIAO]

# Con trộm

**Phan thị Vàng Anh**

Con gà tre nhà ai không biết, mới sáng sớm đã bò sang vườn tôi, đứng trên giàn đậu quyên và te te gày vài tiếng. Sáng sớm, đi quanh quẩn một tí đã sinh chuyện, tôi va vào cánh cửa sổ đã mục của nhà kho, có vẻ như cái cửa chỉ chờ đợi có chừng ấy để bung ra khỏi một bản lề, treo lơ lửng một cách đáng sợ trên bản lề còn lại. Sáng sớm, tôi không thể gọi Hoàn, Mỹ ra phụ một tay để lắp lại cửa, những chị em họ của tôi hẳn đang mơ ngủ trong đống chăn chiếu đầy mùi dầu bạch đàn của bà ngoại, thế nên loay hoay tôi đành nâng cửa một mình, kết quả " lợn què " : cái cửa bung ra hẳn và tôi lảo đảo, đỡ lấy, dựng vào một bên tường, xoè ra nhìn, hai bàn tai đầy rêu mốc ẩm ướt, và tôi đánh giá : " *Hôm nay là một ngày xui !* ".

Ngoại kết luận : " *Gay đấy ! Trộm thế này là táo tợn lắm, may mà con Nữ dậy sớm, nó nghe lục đục, nó sợ, chứ không thì...* " Hoàn, Mỹ bảo : " *Chắc nó biết bà ở một mình !* ". Tôi đứng lên, đọn hết đống lá gói xôi ăn sáng của mọi người, không nói gì, biết rằng mọi chuyện đều đã quá đà và thấy vui vui. Mỹ lại bình luận : " *Thằng trộm này chắc cũng khoẻ hả ngoại, dỡ cửa rồi còn đặt lại đàng hoàng, chắc làm nhẹ nhàng lắm !* ". Tôi xuống nhà, vứt đống lá vào sọt rác và mỉm cười, thử gồng tay lên, khẳng khiu thật thảm hại, trên nhà, chân dung của thằng trộm cũng đã được mọi người phác hoạ xong : Cao, có lẽ khoẻ, và phải rất nhanh, có thế khi nó tẩu thoát, chó mới không kịp sủa và con Nữ mới không kịp biết gì chú !

Một năm tôi gặp Hoàn, Mỹ khoảng ba lần : Tết nhất, giỗ chạp và hè. Hè, các dì, chú tôi cũng như mẹ tôi để cho con cái tự do chọn chỗ nghỉ ngơi, thường là bọn con gái lớn đổ về nhà ngoại, tụi con trai thì không dại gì, vườn bà rộng, những dãy nhà phụ chứa chất vô số công việc dọn dẹp chưa làm, bọn nó đánh giá : " *Về là lao động cải tạo !* " . Trẻ con các nhà bé quá cũng không được về, trong vườn có một cái ao, một cái giếng, các bụi cây cũng chứa đầy rắn rết, sâu bọ... Vậy là chỉ còn tụi tôi về đây, không ai ép phải làm gì, tha hồ mà hẹn hò bạn bè đi chơi, chỉ cần trước đó nấu cho ngoại một nồi lá bưởi gội đầu hay nịnh nọt : " *Ngoại để con đấm lưng cho đỡ mỏi !* ".

Đêm, ngoại không dám ngủ chung với đứa nào trong đám chị em tôi vì sợ bị đạp nửa đêm ; nửa đêm, một cái chân dài của Hoàn có thể vắt ngang cổ ngoại, một cánh tay tôi có thể vắt vẻo đè lên những dẻo sườn làm ngoại nghẹt thở, ngoại nằm một mình, trong cái mùng xếp vài ba cái bị cói bé tí, sạch sẽ, đựng những thứ vặt vãnh của một bà lão, thứ nào cũng được nai nịt bằng ba, bốn lớp ni-lông. Cẩn thận như thế, nên qua vụ trộm hụt này, ngoại lo lắng kinh khủng. Đôi lúc, tôi muốn bảo : " *Ngoại ! con dỡ cửa xuống đấy !* " rồi lại thôi, thấy rằng thời cơ thốt ra câu ấy đã qua rồi ! Tôi định kể Hoàn, Mỹ nghe nhưng cũng không kịp nữa, ngoại ra chỉ thị sửa sang lại hàng rào, hai đứa nó nhăn nhó và thế là tôi sợ phải nghe những lời oán trách, đành câm miệng. Sửa hàng rào bằng tre gai và bông giấy dặm lại, tôi thấy vô lý nhưng vẫn cần mẫn làm, cắm một lô gai dưới chân hàng rào thấp lè tè thì phỏng có ích gì, có chăng chỉ để ngăn gà và chó con từ hàng xóm lâu lâu vơ vẩn sang chơi, còn trộm, một thằng trộm lùn bằng tôi có thể vừa đút tay túi quần vừa phóng qua rào theo một tác phong kiểu cách, phóng qua phóng lại vài lần như thế cũng chưa sợ rách quần... Ba đứa chặt gai, lọ mọ cặm đến chiều thì xong. Tôi không than một tiếng, nghĩ : " *Tại mình !* ".

Sẩm tối, ngoại lui cui xách chậu, xô vào nhà kho, Hoàn ngạc nhiên : " *Đem đi đâu vậy ngoại ! ?* ". " *Cất đi, tối không dùng, khoá kho lại, không đáng gì nhưng trộm mà lấy thì ngoại cũng không có tiền mua lại !* ". Tôi và Mỹ đứng xem đom đóm bay lập loè ngoài ao, Mỹ cười lẩm bẩm : " *Ngoại sợ rồi !* ", tôi không nói gì, lại nghĩ : " *Tại mình cả !* ".

Tôi đã nghĩ cái câu : " *Tại mình !* " như thế đến cả chục lần, mỗi khi ngoại đưa ra một biện pháp mới để phòng trộm. Khi bà Tư hàng xóm khuyên : " *Phải thủ dao đầu giường !* ", ngoại nhét dưới chiếu một con dao cho ba đứa, Hoàn lủng bủng : " *Chém trộm đâu không thấy, coi chừng đứt tay con !* " và hôm sau, dưới gầm giường có thêm cái gậy tre, Mỹ càu nhàu : " *Sáng kiến của vị hàng xóm nào đây ?* ". Lần nào cũng vậy, tôi im lặng mà thực thi mọi việc, trong một cảm giác hối hận vui vui...

Gần hết hè, ngoại đã mua sẵn tập viết, giấy bao cho ba chị em đi học. Tôi chợt cảm thấy nhớ trường lớp không tả được, chỉ nôn nóng về nhà. Một sáng tỉnh dậy, thấy rằng ngày hôm nay phải về ngay, tôi bảo với ngoại : " *Con đi trước, Hoàn, Mỹ về sau !* " . Ngoại dúi tiền vào tay tôi : " *Để con may áo mới !* " . Tôi xách một túi to, nặng, vui vẻ đi xiêu vẹo trên con đường đất đầy cỏ dại ra đường cái. Trời âm u, mưa bụi lất phất, đi được nửa đường, tôi quay lại, gọi cửa. Ngoại hỏi : " *Con lấy áo mưa hả ?* " . " *Không !* " Hoàn, Mỹ chạy ra, tôi ngượng, bảo nhỏ : " *Ngoại ra đây con nói riêng, đừng la con !* " . Hai bà cháu đứng dưới tàn mận, tôi bảo : " *Hôm nọ không phải trộm đâu, con dỡ cửa xuống đó ! Con về, nghĩ ngoại còn lại một mình, ngoại sợ, nên con khai thật cho rồi !* " . Mỹ lại xông ra : " *Cái gì vậy ?* " . Ngoại cười : " *À, nó dặn ngoại phải cẩn thận, không được tắm đêm nữa !* ". Tôi chào : " *Con đi !* " và tôi đi, lại bước xiêu vẹo với cái túi to cộ, ra đường cái..

(trích tập truyện **Khi người ta trẻ**,
nhà xuất bản Hội nhà văn, 1993)

DIỄN ĐÀN FORUM ★ Boîte Postale 50, 92340 Bourg-La-Reine (France) ★ Fax (33 1) 45 88 54 58 ★ Imprime par nos soins
Directeur de publication : Hà Dương Tường ★ Dépôt légal : 178/91 ★ Commission paritaire : AS 7 324 ★ Prix : 25 ff